



**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP -
CTCP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG
KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP

Mã chứng khoán: BCM

Trụ sở chính: Tầng 9, Tòa nhà WTC Tower, số 1 đường Hùng Vương, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274 3822 655 Fax: 0274 3822 713

Người công bố thông tin gồm:

- Ông Nguyễn Văn Hùng - Chủ tịch HĐQT - Người đại diện pháp luật.
- Ông Phạm Ngọc Thuận - Tổng giám đốc - Người đại diện pháp luật.

Điện thoại: 0274 3822 655 Fax: 0274 3822 713

Loại thông tin công bố:

Định kỳ 24h 72h theo yêu cầu khác

Nội dung thông tin công bố:

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP công bố Báo cáo thường niên năm 2023.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 19/ 04 /2024 tại đường dẫn: <http://www.becamex.com.vn> mục **Quan Hệ Cổ Đông**.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2023

Ngày 19 tháng 4 năm 2024

**Người công bố thông tin
TỔNG GIÁM ĐỐC**



PHẠM NGỌC THUẬN



2023

BECONMEX

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển
Công nghiệp – CTCP

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

*ĐỔI MỚI để tiên phong
PHÁT TRIỂN để bền vững*

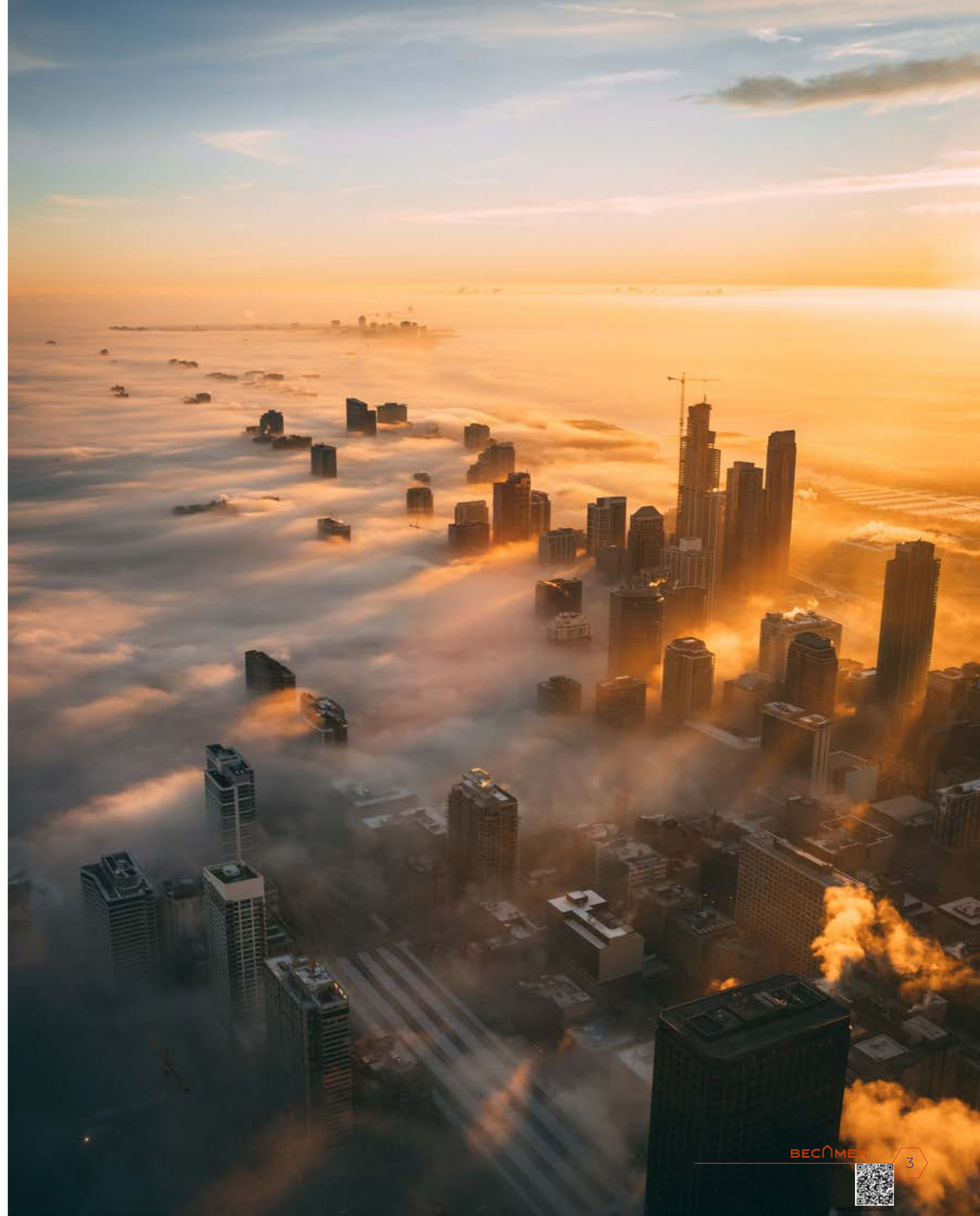
LIÊN TỤC ĐỔI MỚI ĐỂ PHÁT TRIỂN



BM-65-01-2404010

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BCTC	: Báo cáo tài chính
Tổng Công ty/Becamex	: TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP
CPI	: Chỉ số giá tiêu dùng
CTCP	: Công ty Cổ phần
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
DTT	: Doanh thu thuần
ĐVT	: Đơn vị tính
GDP	: Tổng sản phẩm quốc nội
HĐQT	: Hội đồng quản trị
JV	: Joint venture, liên doanh
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
TGD	: Tổng Giám đốc
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TNHH MTV	: Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
TP.HCM	: TP. Hồ Chí Minh
UBKT	: Ủy ban kiểm toán
VCSH	: Vốn chủ sở hữu



LIÊN TỤC ĐỔI MỚI ĐỂ PHÁT TRIỂN

ĐỔI MỚI để tiên phong
PHÁT TRIỂN để bền vững

Lời ngỏ BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

“Trải qua hơn ba thập kỷ miệt mài vun đắp, Becamex IDC giữ vai trò chủ chốt trong quá trình phát triển kinh tế xã hội và công nghiệp hóa đáng tự hào của tỉnh Bình Dương. Với tầm nhìn chiến lược hướng đến phát triển theo các tiêu chí bền vững, Becamex IDC luôn giữ vững tinh thần “Tiên Phong” trong việc phát triển hạ tầng công nghiệp và đô thị tại Việt Nam. Nhờ đó, Becamex IDC khẳng định bản thân là một trong những Doanh nghiệp hàng đầu và tiên phong trong việc kiến tạo giá trị bền vững cho sự phát triển của cộng đồng, nền kinh tế, môi trường và xã hội.”

Báo cáo thường niên Becamex IDC năm 2023 mang thông điệp thể hiện tinh thần đoàn kết, nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ nhân viên, với định hướng phải **“Đổi Mới và Phát triển để có thể Tiên Phong và Bền Vững”** trong giai đoạn kinh tế hiện nay.

Becamex IDC rất mong sẽ nhận được những ý kiến đóng góp chân thành từ phía Quý Cổ đông, Quý Nhà đầu tư, Quý đối tác, nhân viên Công ty và độc giả để nội dung các báo cáo sau của Becamex IDC sẽ ngày càng hoàn thiện hơn.



Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

”

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý đối tác,

Lời đầu tiên, thay mặt HĐQT, tôi xin gửi lời cảm ơn và trân trọng đến tất cả Quý cổ đông, Quý đối tác đã luôn tin tưởng đồng hành cùng Tổng Công ty trong suốt thời gian qua.

Sau hơn 40 năm hình thành và phát triển, Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP (Tổng Công ty Becamex IDC) đã và đang nỗ lực hết mình đạt nhiều thành tựu trong hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng thương hiệu, thể hiện bản lĩnh vững vàng với năng lực tài chính ổn định, sức chống chịu tốt trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đầy biến động trong năm vừa qua.

Năm 2023, Becamex IDC được vinh danh lần thứ 3 liên tiếp trong “Top 50 công ty niêm yết tốt nhất năm” là sự nỗ lực không ngừng của Becamex IDC trong những năm qua khi bối cảnh thị trường bất động sản công nghiệp còn gặp nhiều khó khăn và luôn đứng ở vị trí đầu trong 3 năm 2021- 2022-

TOP 50

Công ty niêm yết tốt nhất năm

Vị trí đầu trong 3 năm 2021-2023

Của bảng xếp hạng 10 Công ty uy tín ngành Bất động sản Công nghiệp

2023 của bảng xếp hạng 10 Công ty uy tín ngành Bất động sản Công nghiệp.

Trong năm vừa qua, Becamex IDC đã hết sức tập trung vào mục tiêu phát triển chất lượng cao, đồng thời kiên trì ổn định tăng trưởng, tối ưu hóa cơ cấu, và kiểm soát rủi ro, tạo nên những thành tựu đáng kể trong quy mô kinh doanh, lợi nhuận, và chất lượng phát triển.

Thành công của chúng tôi là minh chứng cho sự nỗ lực không ngừng và cam kết phát triển bền vững. Becamex IDC đã xây dựng hàng ngàn kilomet đường nội tỉnh, mở rộng các tuyến đường kết nối liên vùng, xây dựng hệ thống bệnh viện và trường học quốc tế, các công trình nhà ở xã hội phục vụ người lao động, cũng như các khu đô thị và khu công nghiệp xanh. Điều này không chỉ giúp tạo ra một môi trường sống hiện đại mà còn đóng góp vào sự phồn thịnh của kinh tế và ngân sách quốc gia.

Trong giai đoạn mới, Becamex IDC đang nhìn nhận những thách thức như là cơ hội để phát triển toàn diện hệ sinh thái Công nghiệp - Đô thị và Dịch vụ thông minh, tạo ra những thay đổi lớn về chất lượng và hiệu suất hoạt động. Ngoài ra, chúng tôi tập trung vào phát triển công nghiệp thông minh, khoa học công nghệ với khả năng cung cấp nền tảng công nghệ 4.0 để nâng cao hiệu quả và góp phần gia tăng năng suất. Chúng tôi cam kết tạo ra động lực mới cho sự phát triển bền vững của kinh tế tỉnh Bình Dương nói riêng và Vùng kinh tế trọng điểm khắp cả nước.

Để thực hiện được mục tiêu đề ra, Tổng công ty Becamex IDC sẽ tiếp tục nỗ lực, đoàn kết, sáng tạo, phát huy tinh thần đổi mới, sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ, đẩy mạnh hợp tác, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội không chỉ của tỉnh Bình Dương mà còn ở nhiều địa phương khắp cả nước theo định hướng phát triển của Chính phủ và chương trình hợp tác giữa tỉnh Bình Dương với các tỉnh, thành phố khác.

Chúng tôi sẽ không ngừng phấn đấu để Becamex IDC là biểu tượng của sự đổi mới và phát triển bền vững, góp phần vào sự thịnh vượng của khu vực và cả nước. Cùng nhau xây dựng một tương lai mà mỗi bước tiến mang lại giá trị và ý nghĩa sâu sắc cho cộng đồng và xã hội. Chân thành cảm ơn sự tin tưởng và ủng hộ của Quý vị.

”





Mục lục

01

THÔNG TIN CHUNG

- 12 Thông tin khái quát
- 16 Tâm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi
- 18 Quá trình hình thành và phát triển
- 20 Các thành tích bằng khen của Tổng công ty từ những ngày đầu thành lập
- 22 Các sự kiện nổi bật năm 2023
- 26 Những con số nổi bật
- 28 Ngành nghề kinh doanh và địa bàn hoạt động
- 36 Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức
- 38 Định hướng phát triển
- 52 Các yếu tố rủi ro
- 58 Tổ chức và nhân sự

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 66 Tóm tắt thông tin tài chính
- 70 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 76 Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 78 Bức tranh nền kinh tế vĩ mô và ngành bất động sản xây dựng
- 80 Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc
- 94 Báo cáo của Hội đồng quản trị

03

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 100 Hội đồng Quản trị
- 110 Ban kiểm soát
- 123 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

04

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 138 Thông điệp phát triển bền vững
- 140 Gắn kết các bên liên quan
- 146 Tiêu chuẩn áp dụng

05

186 BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023





01

THÔNG TIN CHUNG

- 12 Thông tin khái quát
- 16 Tâm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi
- 18 Quá trình hình thành và phát triển
- 20 Các thành tích bằng khen của Tổng công ty từ những ngày đầu thành lập
- 22 Các sự kiện nổi bật năm 2023
- 26 Những con số nổi bật
- 28 Ngành nghề kinh doanh và địa bàn hoạt động
- 36 Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức
- 48 Định hướng phát triển
- 52 Các yếu tố rủi ro
- 58 Tổ chức và nhân sự



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty: TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP

Tên giao dịch: INVESTMENT AND INDUSTRIAL DEVELOPMENT JOINT STOCK CORPORATION

Tên viết tắt: Becamex IDC Corp.

Giấy CNĐKDN số: 3700145020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 03/06/2010, thay đổi lần thứ 08 ngày 22/11/2023.

Vốn điều lệ: 10.350.000.000.000 đồng

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà WTC Tower, số 1 đường Hùng Vương, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Số điện thoại: 02743822655

Số fax: 02743822713

Website: www.becamex.com.vn

Email: info.becamex@gmail.com

Mã cổ phiếu: BCM

Logo Công ty: 



THÔNG TIN KHÁI QUÁT



BỘ NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU MỚI BECAMEX IDC

BE[^]CMEX

Địa vị đỉnh cao

Tượng trưng cho Becamex là nhà dẫn đầu, tiên phong trong phát triển công nghiệp và đô thị.

The Apex

Symbolising Becamex as the pioneer and leader in industrial developer.

Kiểu chữ Sans serif hiện đại và mang bố cục rõ nét

Thể hiện sự chuyên nghiệp, sự tin cậy và uy tín.

Structural and modern sans serif

Professional, credible.

Mũi tên hướng về phía trước

Tượng trưng cho sự phát triển và hướng về tương lai.

Forward arrow

Symbolising progress & future-forward.



Biểu tượng mũi tên hướng về phía trước được tạo ra từ ký tự E và X là dấu hiệu cho một quá trình phát triển và tầm nhìn hướng về tương lai.



Logo Becamex bao gồm kiểu chữ được sáng tạo chuyên biệt và biểu tượng Apex – Địa vị Đỉnh Cao được thể hiện thông qua ký tự “A” ở giữa.



Sử dụng bảng màu ấm, logo được thiết kế với màu cam chủ đạo và có sự hỗ trợ của màu tím, nhận diện mới gợi lên sức mạnh, quyền lực cũng như tinh thần tích cực của thương hiệu mới.



TÂM NHÌN

Trở thành nhà phát triển bất động sản công nghiệp & đô thị hàng đầu, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế & xã hội của Việt Nam.

SỨ MỆNH

Tại Becamex, thành công của chúng tôi đến từ sứ mệnh hỗ trợ, kết nối, xúc tiến, phát triển và thúc đẩy sự thịnh vượng chung, đồng thời định hình các giá trị bền vững cho cộng đồng.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tiên phong
Đổi mới sáng tạo
Trách nhiệm.
Hướng đến con người
Quyết tâm

TIÊN PHONG

Không ngừng khai phá các lĩnh vực mới để liên tục phát triển.

ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Thích ứng linh hoạt và đổi mới liên tục để tăng trưởng

TRÁCH NHIỆM

Luôn hành động vì lợi ích của con người, doanh nghiệp và cộng đồng.

HƯỚNG ĐẾN CON NGƯỜI

Trao quyền cho mọi người và tôn trọng các mối quan hệ, sự hợp tác hữu nghị.

QUYẾT TÂM

Cống hiến với tinh thần cầu tiến và phát huy sức mạnh tập thể.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN

1976

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (Becamex IDC Corp), tiền thân là Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bến Cát (Becamex), được thành lập với chức năng chủ yếu là thu mua, chế biến các mặt hàng nông sản, phân phối hàng tiêu dùng.

1992

Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bến Cát tiến hành sáp nhập với các công ty cấp tỉnh thành lập Công ty Thương mại – Xuất nhập khẩu tỉnh Sông Bé (Becamex) trên cơ sở lấy Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bến Cát làm nòng cốt với chức năng và phạm vi hoạt động đa dạng và rộng lớn hơn.

1999

Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Thương mại - Đầu tư và Phát triển (tên giao dịch là BECAMEX Corp).

2006

Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (Becamex IDC Corp) được thành lập trên cơ sở sắp xếp và tổ chức lại hoạt động của Công ty Thương mại Đầu tư và Phát triển (Becamex).

2010

Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex IDC chuyển đổi thành Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con, trong đó công ty mẹ là Công ty TNHH một thành viên.

2018

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV (Becamex IDC) chính thức chuyển sang công ty cổ phần với tên gọi mới là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP.

2020

Nhằm tạo một bước đệm quan trọng, đánh dấu sự khởi đầu của một chương mới về sự phát triển, vừa qua Becamex IDC đã ra mắt Bộ nhận diện thương hiệu mới. Ngày 31/7/2020: cổ phiếu BCM chính thức chuyển sàn niêm yết tại HOSE

2023

Sau gần 50 năm xây dựng và phát triển, đến nay Becamex IDC đã trở thành Nhà phát triển Bất động sản Công nghiệp và Đô thị uy tín hàng đầu Việt Nam.

Trong quá trình hình thành và phát triển, để tăng khả năng cạnh tranh, Tổng Công ty đã đầu tư và thành lập các công ty thành viên. Đến nay, Tổng Công ty đã có 23 công ty thành viên hoạt động trong các lĩnh vực: xây dựng, thương mại, bất động sản, dịch vụ, viễn thông – công nghệ thông tin, sản xuất bê tông, vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản, điện, cảng, y tế và giáo dục.

THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ QUA CÁC NĂM

NĂM 2005	213
NĂM 2006	797
NĂM 2010	2.143
NĂM 2011	5.500
NĂM 2013	8.500
NĂM 2018	10.125
NĂM 2019	10.350



CÁC THÀNH TÍCH, BẰNG KHEN CỦA TỔNG CÔNG TY TỪ NHỮNG NGÀY ĐẦU THÀNH LẬP

2023



Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam

Lần thứ 3 liên tiếp được tạp chí Forbes Việt Nam vinh danh là 1 trong 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam



Top 1 Doanh nghiệp BĐS Công nghiệp uy tín nhất Việt Nam

Lần thứ 3 liên tiếp được nhận danh hiệu Công ty BĐS Công nghiệp uy tín nhất Việt Nam sau hai năm 2021 và 2022 đều ở vị trí đứng đầu bảng xếp hạng



Top 1 Cộng đồng Thông minh Thế giới ICF 2023



Doanh nghiệp có sự tiến bộ vượt trội về BCTN 2023

2022

Được vinh danh trong Top 50 Công ty Niêm yết tốt nhất Việt Nam

2 năm liên tiếp được vinh danh 1 trong Top 50 Công ty Niêm yết tốt nhất Việt Nam do tạp chí Forbes Việt Nam vinh danh

Danh hiệu Công ty Bất Động sản Công nghiệp uy tín nhất Việt Nam

2 năm liên tiếp Tổng Công ty Becamex IDC giữ vững vị trí đứng đầu bảng xếp hạng. Lễ tôn vinh do Báo Vietnamnet cùng Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) và các đối tác truyền thông

2021

Top 1 trong 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2021

Tạp chí Forbes Việt Nam phối hợp cùng các đối tác đánh giá Becamex IDC trong top 50 công ty niêm yết có kết quả kinh doanh tốt nhất.

Đứng đầu bảng xếp hạng doanh nghiệp bất động sản công nghiệp uy tín nhất

Báo Vietnamnet phối hợp cùng Công ty cổ phần báo cáo Đánh giá Việt Nam và các đối tác truyền thông bình chọn dựa trên 3 tiêu chí: năng lực tài chính, uy tín truyền thông, khảo sát các đối tượng liên quan.

2019

Bằng khen của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam – VCCI

Trao tặng cho Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP về những đóng góp tích cực cho Vùng KTTĐ phía Nam

2018

Cờ khen thưởng của Tỉnh ủy – HĐND – UBND – UBMTTQ Việt Nam Tỉnh Bình Dương

Trao tặng cho Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (Becamex IDC) nhân dịp kỷ niệm 30 năm phát triển.



01

24/03/2023

Becamex IDC phối hợp cùng UBND tỉnh Bình Định tổ chức Hội thảo Xúc tiến đầu tư Vương quốc Bỉ.

UBND tỉnh Bình Định phối hợp cùng Tổng công ty Becamex IDC và Công ty CP Becamex Bình Định tổ chức Hội thảo trực tuyến Xúc tiến đầu tư với các doanh nghiệp Bỉ, nhằm giới thiệu tiềm năng, lợi thế để thu hút ngày càng nhiều các doanh nghiệp (DN) Bỉ đến đầu tư và triển khai thực hiện dự án tại tỉnh Bình Định. Hội thảo được tổ chức bằng hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến tại Hội trường UBND tỉnh Bình Định.

02

25/03/2023



Tại Trung tâm Hội nghị & Triển lãm Tỉnh Bình Dương, UBND tỉnh Bình Dương phối hợp cùng Tổng công ty Becamex IDC tổ chức sự kiện Bình Dương: Khởi động – Kết nối – Phát triển mới, tới dự có Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ. Đây là sự kiện đánh dấu cho sự phát triển của tỉnh Bình Dương trong hơn 25 năm qua với thành quả đột phá về cơ sở hạ tầng được đầu tư đồng bộ, chính sách thông thoáng, cởi mở, tư duy phát triển không ngừng đổi mới sáng tạo. Đặc biệt, tại sự kiện ký kết ghi nhớ nghiên cứu hợp tác phát triển công nghiệp với 9 tỉnh thành và ký kết hợp tác chiến lược với Tập đoàn Đèo Cả về phát triển hạ tầng giao thông trong thời gian tới.

03

07/04/2023

Becamex IDC liên tiếp 3 năm đạt danh hiệu Công ty Bất động sản Công nghiệp uy tín nhất Việt Nam. Luôn đứng ở vị trí đầu của bảng xếp hạng 10 Công ty uy tín ngành bất động sản, Tổng Công ty Becamex IDC với bề dày hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phát triển hạ tầng công nghiệp, đô thị và dịch vụ không chỉ mang lại những thành quả vượt bậc ở Bình Dương mà còn đóng góp to lớn vào sự phát triển kinh tế-xã hội tại nhiều tỉnh, thành khắp cả nước theo định hướng của Chính phủ và chương trình hợp tác giữa tỉnh Bình Dương với các Tỉnh, Thành bạn nhằm nhân bản mô hình thành công của tỉnh Bình Dương.

04

26/05/2023

Công đoàn Tổng Công ty Becamex IDC tổ chức Đại hội lần thứ 5, nhiệm kỳ 2023-2028. Công đoàn Tổng Công ty Becamex đã vinh dự được nhận Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam. Nhiệm kỳ qua, Công đoàn Tổng Công ty Becamex đã làm tốt công tác tham mưu, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách cho NLĐ về tiền lương, tiền thưởng, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động luôn được đảm bảo, công tác chăm lo cho lao động nữ được chú trọng, góp phần quan trọng vào kết quả chung của hoạt động Công đoàn tỉnh Bình Dương.

05

28/05/2023



Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bình Dương phối hợp với Tổng Công ty Becamex IDC tổ chức khai mạc giải bóng đá Thành phố mới Bình Dương – Cúp Becamex IDC lần thứ XVI. Giải bóng đá thành phố mới Bình Dương được tổ chức lần đầu tiên vào năm 2006 do Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp-CTCP Becamex IDC khởi xướng, nhằm tạo ra sân chơi bổ ích và thiết thực cho hàng chục ngàn cán bộ công nhân viên lao động đang sinh sống và làm việc tại Bình Dương, đã góp phần phát triển phong trào bóng đá nói riêng và phong trào thể dục thể thao nói chung trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

06

23/06/2023



Đảng bộ Tổng Công ty Becamex IDC tổ chức Hội nghị sơ kết giữa nhiệm kỳ 2020-2025 và sơ kết công tác xây dựng Đảng 6 tháng đầu năm, triển khai nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2023.



07

27/06/2023

Becamex IDC hợp tác cùng Ngân hàng Thế giới tổ chức hội thảo nhằm thúc đẩy phát triển Khu công nghiệp sinh thái (EIP) kiểu mẫu tại Bình Dương.

Dự án này nhằm đánh giá tính khả thi của việc phát triển EIP tại các Khu công nghiệp được lựa chọn trên cả nước, với mục tiêu hỗ trợ Chính phủ Việt Nam và chính quyền các tỉnh trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh về môi trường cho các ngành sản xuất của họ thông qua việc thành lập các Khu công nghiệp sinh thái, đặc biệt sự phát triển của EIP ở Bình Dương được kỳ vọng sẽ mang lại nhiều lợi ích đáng kể, bao gồm làm giàu tri thức, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và tiết kiệm chi phí.

08

10/08/2023



Tỉnh Bình Dương, Trung tâm Thương mại Thế giới (WTCA) và Becamex IDC phối hợp tổ chức chỉ đạo WTP thành phố Mới Bình Dương khai mạc Diễn đàn Hiệp hội Trung tâm Thương mại Thế giới khu vực Châu Á – Thái Bình Dương năm 2023 với chủ đề “Chuyển đổi số hoạt động các Trung tâm Thương mại thế giới”.

WTCA APRM 2023 là diễn đàn được tổ chức trực tiếp đầu tiên sau 02 năm, đánh dấu sự trở lại của các hoạt động kết nối đầu tư và giao thương sôi nổi tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương.

09

14/08/2023

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bình Dương phối hợp với Tổng Công ty Becamex IDC tổ chức lễ khai mạc Giải Quần vợt U14 châu Á – Cúp Becamex IDC, năm 2023.

Giải Quần vợt U14 châu Á - Cúp Becamex IDC, năm 2023 thu hút 155 vận động viên đến từ 10 quốc gia. Đây là sân chơi cho các vận động viên trẻ thi đấu, giao lưu, tích lũy thêm nhiều kỹ thuật chơi, thêm kinh nghiệm thi đấu và càng tăng thêm đam mê với môn thể thao này. Giải diễn ra từ ngày 12/8 đến ngày 27/8/2023.

10

17/08/2023

Becamex IDC năm thứ 3 liên tiếp được vinh danh Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất tại Việt Nam. Được vinh danh lần thứ 3 liên tiếp trong “Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất năm” 2021-2022-2023 là sự nỗ lực không ngừng của Becamex IDC trong những năm qua khi bối cảnh thị trường bất động sản công nghiệp còn gặp nhiều khó khăn.

11

08/09/2023

Lễ ký kết bản ghi nhớ hợp tác giữa Tổng công ty Becamex IDC và Công ty TNHH AEON Việt Nam.

12

26/10/2023

Thành phố thông minh – Vùng Đổi mới sáng tạo Bình Dương đã được Diễn đàn Cộng đồng Thông minh Thế giới (ICF) vinh danh giải thưởng cao nhất của năm 2023 – Cộng đồng có chiến lược phát triển thông minh tiêu biểu của năm 2023. Trước đó Bình Dương 5 lần liên tiếp được vinh danh Smart 21 và 3 lần liên tiếp (năm 2021, 2022, 2023) Bình Dương vào danh sách TOP 7 Cộng đồng có chiến lược phát triển Thành phố thông minh tiêu biểu.

13

01/12/2023

Becamex IDC và VNTT nhận được giải Thành phố Thông minh Việt Nam 2023 với đề tài “Nền tảng Beca Smart City” xếp hạng xuất sắc 5 sao duy nhất năm 2023. Định hướng tiếp cận của nền tảng của Beca Smart City chính là tạo ra một nền tảng hệ thống cho nhiều hệ thống khác. Phục vụ chính cho các bộ phận và Trung tâm điều hành thông minh (IOC) tại các khu vực, khu đô thị hoặc khu công nghiệp tại Bình Dương (nói riêng) và Việt Nam (nói chung).

14

04/12/2023

Trường Đại học Quốc tế Miền Đông (EIU) phối hợp cùng TÜV SÜD Asia Pacific Pte. Ltd và Becamex IDC tổ chức hội thảo “Đẩy mạnh quá trình ứng dụng công nghiệp 4.0”. Nhằm góp phần thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa sự hoàn thiện của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và công nghiệp 4.0 tại Bình Dương do Becamex đang tiên phong phát triển. Hội thảo “Đẩy mạnh quá trình ứng dụng công nghiệp 4.0” được tổ chức để lãnh đạo các cơ quan, ban ngành, doanh nghiệp, chuyên gia trong và ngoài nước cũng như giảng viên EIU cùng trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về việc ứng dụng công nghệ tiên tiến của công nghiệp 4.0 phục vụ mục tiêu sự phát triển bền vững của cộng đồng.

15

15/12/2023

Becamex IDC nhận giải Doanh nghiệp có sự tiến bộ vượt trội hạng mục Báo cáo thường niên tại Lễ trao giải cuộc bình chọn doanh nghiệp niêm yết 2023



NHỮNG CON SỐ NỔI BẬT

8.830 TỶ ĐỒNG

Tổng doanh thu thuần hợp nhất, đạt 93% kế hoạch

2.697 TỶ ĐỒNG

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất, đạt 103% kế hoạch

2.280 TỶ ĐỒNG

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất, đạt 101% so với kế hoạch

TOP 1

trong top 10 Công ty uy tín ngành Bất động sản công nghiệp năm 2023

TOP 50

Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam trong 3 năm liên tiếp từ năm 2021-2023

9.000+

căn hộ nhà ở xã hội đã đầu tư



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

01

Phát triển khu công nghiệp



Đây là lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Tổng công ty, trải qua hơn 3 thập kỷ, Becamex đã phát triển mạng lưới khu công nghiệp và đô thị tích hợp trên khắp Bình Dương và cả nước, trải dài từ Bắc vào Nam. Tất cả các khu công nghiệp đều được xây dựng theo hướng tích hợp với khu đô thị và dịch vụ. Đây đều là những khu công nghiệp kiểu mẫu với cơ sở hạ tầng hoàn thiện, được xây dựng theo tiêu chí chú trọng bảo vệ môi trường, tạo ra khu công nghiệp xanh, sạch theo mô hình đô thị hiện đại nhằm phát triển lâu dài và bền vững. Đây là mô hình tiên phong của Becamex, tạo ra môi trường sống và làm việc lý tưởng cho cư dân, người lao động và nhà đầu tư... Đến nay, các hệ thống khu công nghiệp đã mở rộng và trải dài sang cách tỉnh thành như Quảng Ngãi, Bắc Ninh, Hải Phòng, Nghệ An,...

02

Phát triển BĐS dân cư – thương mại



Các dự án dân cư được phát triển tại nhiều vị trí chiến lược với các tiện ích đa dạng, phong phú, phục vụ nhiều phân khúc thị trường khác nhau. Với mục tiêu góp phần nâng cao chất lượng sống cho người dân trong khu vực và tại địa phương, Tổng công ty đã đầu tư phát triển các khu đô thị, khu dân cư có quy hoạch đồng bộ liên kế các khu công nghiệp gồm KDC Mỹ Phước, KDC Thới Hòa, KDC Bàu Bàng (Thị xã Bến Cát) và KDC VietSing (Tp. Thuận An) tại TP.Thủ Dầu Một.

Tổng Công ty cùng các đơn vị thành viên và đối tác đã hợp tác đầu tư và cho ra đời các dự án thương mại trung – cao cấp như khách sạn, nhà hàng, trung tâm thương mại,... nhằm góp phần đổi mới diện mạo đô thị, đáp ứng nhu cầu nhà ở, nơi làm việc và cung cấp các tiện ích. Điều này đã góp phần mang đến sự lựa chọn cho người tiêu dùng nhiều cơ hội để mua sắm, vui chơi, đáp ứng nhu cầu nhà ở trong một không gian tiện lợi và hiện đại, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

03

Cung cấp dịch vụ y tế - giáo dục



Đây là lĩnh vực mang tính chiến lược lâu dài của Tổng công ty về an sinh xã hội và phát triển bền vững cho toàn Tỉnh. Về giáo dục, Tổng công ty đã phát triển và đưa vào vận hành Trường Đại học Quốc tế miền Đông (EIU) từ 3/10/2011 nhằm cung cấp lực lượng lao động sẵn sàng trong tương lai cho Bình Dương và khu vực, với tầm nhìn trở thành trung tâm tri thức thúc đẩy đổi mới và tạo điều kiện chuyển giao công nghệ thông qua quan hệ đối tác với các trường đại học và tập đoàn quốc tế hàng đầu. Về y tế, Tổng công ty cũng đã đưa vào vận hành Bệnh viện Mỹ Phước và Bệnh viện đa khoa Quốc tế Becamex với quy mô mỗi bệnh viện hơn 1000 giường cùng trang thiết bị ngoại nhập hiện đại, đội ngũ y bác sĩ chuyên môn cao, điều này đã góp phần nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, đảm bảo sức khỏe cho các nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng dân cư.

04

Hạ tầng dịch vụ



Dịch vụ 1 cửa: Cơ chế một cửa, một cửa liên thông được triển khai đồng bộ theo quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ- CP của Chính phủ. Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh, bộ phận một cửa hiện đại cấp huyện, cấp xã đã được kiện toàn, mở rộng, nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết TTHC đem lại hiệu quả thiết thực, được người dân, cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao.

Hải quan tại chỗ: Chi cục Hải quan đặt tại các Khu công nghiệp do Becamex IDC quản lý để triển khai các dịch vụ hải quan cho doanh nghiệp. Dịch vụ khai báo hải quan điện tử đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư, doanh nghiệp.

Phòng cháy chữa cháy: Các khu công nghiệp luôn được trang bị đầy đủ trang thiết bị PCCC như trạm bơm tăng áp, bồn chứa, họng cứu hỏa,... Lực lượng PCCC luôn túc trực 24/24 tại các khu công nghiệp.

An ninh: Các khu công nghiệp do Becamex IDC quản lý đều sở hữu hệ thống an ninh chuyên nghiệp, phối hợp nhiều lực lượng túc trực 24/24 và hệ thống camera giám sát đảm bảo an toàn tối đa cho toàn khu vực.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

05 Hạ tầng kỹ thuật



Hạ tầng cung cấp điện: Trạm biến áp 500MVA và lưới điện quốc gia 220KV cung cấp đến ranh giới các lô đất. Đảm bảo cung cấp đầy đủ và ổn định nguồn điện cho nhà đầu tư và các hộ dân trong toàn khu vực.

Hạ tầng cung cấp nước: Hệ thống cấp thoát nước tại các khu công nghiệp được đầu tư hoàn chỉnh với hệ thống cấp nước khép kín, cung cấp trực tiếp đến từng nhà máy đảm bảo nguồn nước đầy đủ cả về áp lực và lưu lượng. Ngoài ra, tại các khu công nghiệp còn được trang bị trạm bơm tăng áp, các bồn chứa ở từng khu và nhiều hạng cứu hỏa.

Hạ tầng giao thông: Tổng Công ty đảm bảo sự kết nối liên mạch và tối ưu giữa các dự án phát triển của Becamex với các cửa ngõ quốc tế như cảng biển, sân bay và các trung tâm kinh tế. Becamex IDC đã chủ động đầu tư vào hạ tầng và các hành lang giao thông chiến lược như các dự án mở rộng QL13 theo hình thức BOT, mở rộng thêm 2 làn xe, đầu tư vỉa hè, cây xanh, hệ thống thoát nước đồng bộ để kết nối các khu công nghiệp lớn của tỉnh Bình Dương với các tuyến đường chính đi tỉnh Bình Phước và các tỉnh Tây Nguyên. Đường Mỹ Phước - Tân Vạn với quy mô 6 làn xe đã được triển khai xây dựng kết nối các khu công nghiệp đến các khu vực trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, giúp cho việc vận chuyển từ các khu công nghiệp đến cảng biển, sân bay quốc tế chỉ mất khoảng 30 phút và chi phí vận chuyển giảm rất đáng kể.

Hạ tầng xử lý nước thải: Tại các khu công nghiệp đều có nhà máy xử lý nước thải tập trung với công suất lớn, đảm bảo tiếp nhận và xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường.

Hạ tầng viễn thông: Thành viên của Becamex IDC, Công ty VNTT, hoạt động chuyên nghiệp về hạ tầng và viễn thông phục vụ toàn bộ các KCN do Becamex IDC quản lý. Hệ thống cáp quang có thể nối kết với các ứng dụng viễn thông và hệ thống kênh thuê riêng. Hệ thống cáp điện thoại lắp đặt tới ranh giới các lô đất và cung cấp đầy đủ theo nhu cầu của các nhà đầu tư. Tổng đài điện thoại IDD, VoIP, ADSL.

06 Hạ tầng xã hội



Nhà ở xã hội: Becamex là đơn vị phát triển nhà ở xã hội lớn nhất Việt Nam tính đến thời điểm hiện tại. Các khu nhà ở xã hội tọa lạc tại nhiều vị trí thuận lợi trong các khu công nghiệp, khu đô thị của Tổng Công ty. Becamex IDC đang sở hữu 37 dự án Nhà ở xã hội có thể cung cấp 102.000 căn hộ cho 248.000 người ở các thành phố Thuận An, Thủ Dầu Một, Dĩ An. Nguồn cung này sẽ cung cấp các căn hộ để bán và lựa chọn cho thuê để đáp ứng nhu cầu đa dạng của người lao động. Đồng thời, Becamex IDC cũng tiếp tục thúc đẩy xây dựng các giai đoạn tiếp theo của dự án, nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.

Giáo dục: Hệ thống giáo dục hoàn chỉnh từ mầm non đến đại học, bao gồm KinderWorld, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Ngô Thời Nhiệm, Đại học Quốc tế Miền Đông đã được đưa vào hoạt động hiệu quả với nhiệm vụ cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các doanh nghiệp tại Bình Dương và vùng lân cận, trở thành trung tâm tri thức cho Thành phố Mới Bình Dương cũng như là nơi đào tạo, chuyển giao công nghệ, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu của các chuyên gia.

Văn hóa thể thao giải trí: Các thiết chế văn hóa như nhà hát, chợ, công viên trung tâm, khu thể thao cộng đồng, công trình tôn giáo,... luôn được quan tâm đầu tư xây dựng để đáp ứng nhu cầu đa dạng của người dân sinh sống và làm việc trong khu vực.

Đào tạo nghề: Nhiều cơ sở đào tạo nghề đã được đưa vào hoạt động, đáp ứng nhu cầu của người dân và doanh nghiệp trong khu vực như Cao đẳng nghề Việt Nam Singapore và Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

06 Hạ tầng xã hội



Mua sắm/ dịch vụ: Becamex IDC đã đưa vào hoạt động các hạng mục như: Trung tâm thương mại Becamex Tower, Hệ thống Khách sạn Becamex bao gồm Khách sạn Becamex Thủ Dầu Một và Khách sạn Becamex Thành phố Mới với tiêu chuẩn 4 sao. Ngoài ra, để đáp ứng nhu cầu của người dân trong khu vực, Becamex IDC hiện đang đưa vào hoạt động hệ thống xe buýt Becamex Tokyu (BRT). Đây là dự án giao thông công cộng đầu tiên theo tiêu chuẩn Nhật Bản tại Việt Nam. Trung tâm hội nghị và triển lãm Bình Dương là dự án nằm cạnh trung tâm hành chính trung tâm của tỉnh với tổng diện tích sàn là 16.357,5m2 (không bao gồm không gian mở) để đáp ứng các tiêu chuẩn và yêu cầu của các sự kiện quốc tế.

Y tế: Cung cấp dịch vụ y tế với chất lượng quốc tế để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho người dân, chuyên gia lao động toàn khu vực. Hiện Becamex IDC đã đưa vào hoạt động 2 bệnh viện đạt tiêu chuẩn quốc tế gồm BV Quốc tế Becamex có quy mô 1.200 giường với 10 khoa lâm sàng, 4 khoa cận lâm sàng và BV Mỹ Phước có quy mô 500 giường, 18 chuyên khoa và 10 phòng chức năng.



07 Hoạt động xây dựng



Tổng công ty xác định đây là hoạt động hỗ trợ phục vụ chính cho công tác xây dựng hạ tầng khu công nghiệp và hạ tầng các dự án bất động sản của Tổng công ty. Qua quá trình xây dựng và phát triển, năng lực thi công của đội ngũ xây dựng thuộc Tổng công ty đặc biệt trong lĩnh vực hạ tầng luôn đảm bảo chất lượng và tiến độ thi công của nhiều dự án trong hệ thống.

08 Lắp đặt và kinh doanh điện



Các hoạt động về dịch vụ lắp đặt và kinh doanh điện nhằm đáp ứng cho nhu cầu của các nhà đầu tư tại các Khu công nghiệp của Tổng Công ty, Becamex IDC sẽ tập trung vào các lĩnh vực truyền tải và phân phối điện năng và điện năng lượng mặt trời đến cấp điện áp 110kV, đầu tư phát triển lưới điện, phân phối bán lẻ, quản lý vận hành và sửa chữa lưới điện đến cấp điện áp 110kV. Song song, việc xây dựng các công trình điện cụ thể là thi công, lắp đặt các công trình đường dây và trạm biến áp, hệ thống năng lượng điện mặt trời cũng được Tổng Công ty thực hiện trong năm.

09 Khai thác cảng



Đây là lĩnh vực hoạt động mới của Tổng Công ty. Với mảng này, Becamex IDC sẽ tập trung phát triển vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới và thô sơ, điều hành cảng đường thủy nội địa. Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng tập trung phát triển kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan, kho đông lạnh và hoạt động điều hành cảng biển, đường thủy nội địa. Đây được dự đoán là lĩnh vực hoạt động mở ra nhiều tiềm năng cho doanh nghiệp trong giai đoạn sắp tới.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Những năm trước đây Becamex IDC chủ yếu tập trung khai thác lĩnh vực phát triển khu công nghiệp và khu dịch vụ đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên để đáp ứng cho xu thế phát triển bền vững Tổng công ty và VSIP đã và đang cho triển khai các dự án ở các tỉnh thành khác như:

Đang kinh doanh : VSIP Bắc Ninh, VSIP Hải Phòng, VSIP Hải Dương, VSIP Nghệ An, VSIP Quảng Ngãi, VSIP Bình Định, VSIP Bình Dương.

Nhận chấp thuận chủ trương đầu tư cho 04 KCN: Lạng Sơn, Thái Bình, Bình Thuận và Hà Tĩnh.

Cam kết nghiên cứu đầu tư tại 10 tỉnh thành khác: Bình Phước, Tây Ninh, Khánh Hòa, Quảng Ngãi II, Thừa Thiên Huế, Thanh Hóa, Nam Định, Ninh Bình, Hải Dương II, Hải Phòng II.

Khởi công 04 dự án mới: VSIP Cần Thơ, VSIP Bắc Ninh II và VSIP Nghệ An II, KCN Quảng Trị.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Mô hình quản trị tại Tổng công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và phòng ban chuyên môn.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG (ĐHĐCĐ)

Gồm tất cả các cổ đông, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp định kỳ mỗi năm 01 lần, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

BAN KIỂM SOÁT (BKS)

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Tổng Công ty. Thành viên BKS có nhiệm kỳ 05 năm. Đứng đầu Ban kiểm soát là Trưởng Ban kiểm soát. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định pháp luật, Điều lệ và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty trong từng thời kỳ. Hiện tại, BKS của Tổng Công ty có 3 thành viên, trong đó có 1 thành viên chuyên trách.

CÁC PHÒNG CHỨC NĂNG CHUYÊN MÔN

Thực hiện đúng chức năng hoạt động, kinh doanh theo nhiệm vụ được phân công trên cơ sở kế thừa các Phòng nghiệp vụ tại sơ đồ tổ chức hiện nay.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)

Là cơ quan quản trị hoạt động của Tổng Công ty. Các thành viên HĐQT do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm. Thành viên HĐQT có nhiệm kỳ 05 năm. Đứng đầu HĐQT là Chủ tịch HĐQT. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Chủ tịch và các thành viên HĐQT thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT theo từng thời kỳ. Hiện tại HĐQT của Tổng Công ty có 5 thành viên, trong đó có 1 thành viên HĐQT độc lập.

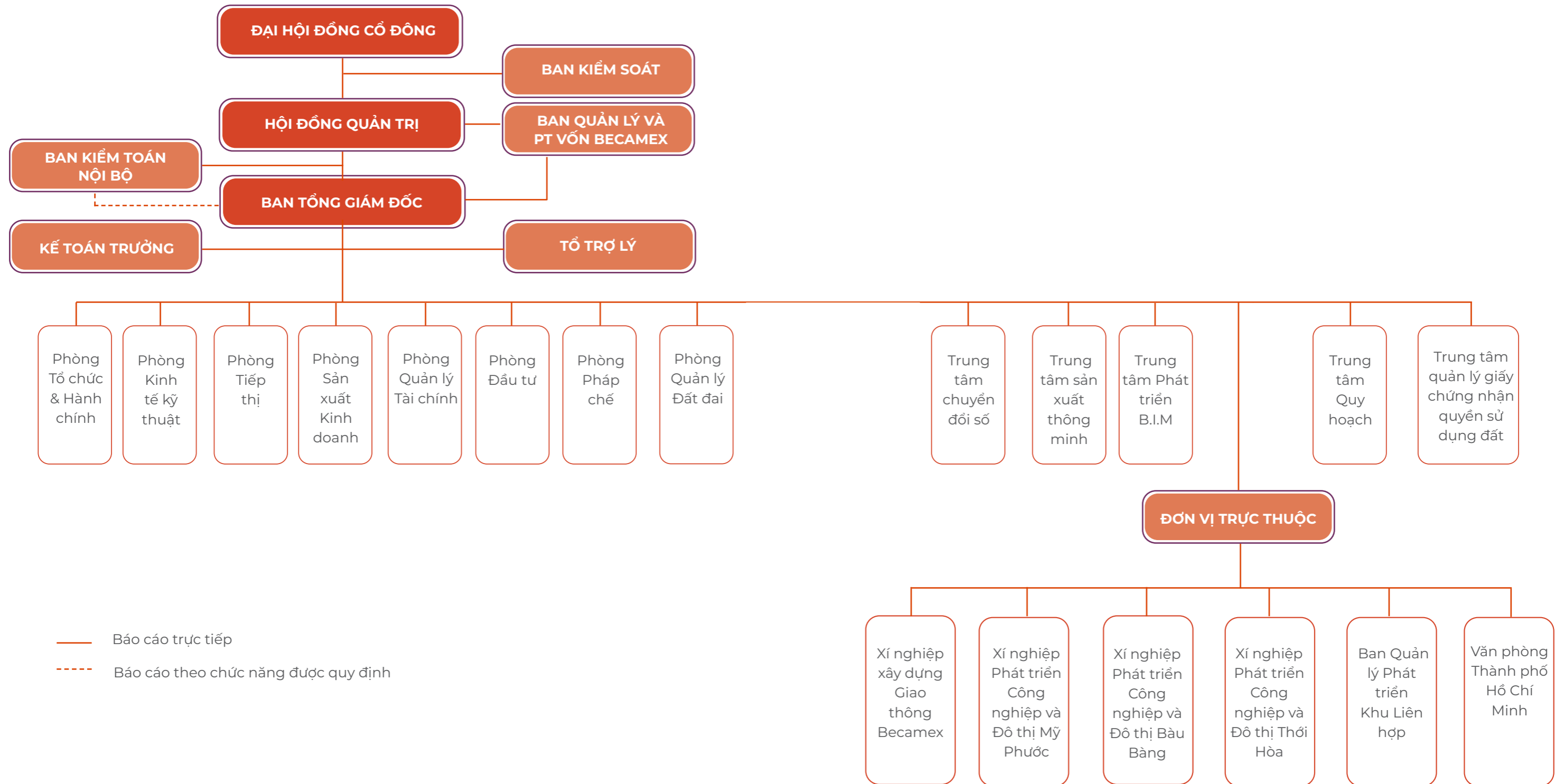
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc là người đứng đầu Ban Tổng Giám đốc, điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty; giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc, các trưởng phòng và Kế toán trưởng. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật, ĐHĐCĐ và HĐQT về thực hiện công việc được giao. Chức năng, quyền hạn, trách nhiệm của Tổng Giám đốc tuân thủ theo Điều lệ và quy định của Tổng Công ty.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

CƠ CẤU TỔ CHỨC



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

◀ DANH SÁCH NHỮNG ĐƠN VỊ, CHI NHÁNH TRỰC THUỘC

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Chức năng/linh vực
1	Ban Quản lý Phát triển Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ - Đô thị Bình Dương	Đường Huỳnh Văn Lũy, Phường Phú Hòa, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Thực hiện việc quản lý và triển khai các dự án đầu tư xây dựng.
2	Chi nhánh Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP tại TP.HCM	Phòng 1908-09 tầng 19, cao ốc Sài Gòn Trade Center, số 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Thực hiện công tác tiếp thị
3	Xí nghiệp Phát triển Công nghiệp Mỹ Phước	Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	Quản lý và hỗ trợ nhà đầu tư trong KCN
4	Xí nghiệp Phát triển Công nghiệp & Đô thị Thới Hòa	Khu Công nghiệp & Đô thị Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	Quản lý và hỗ trợ nhà đầu tư trong KCN
5	Xí nghiệp Phát triển Công nghiệp & Đô thị Bàu Bàng	Khu Công nghiệp Mỹ Phước 1, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	Quản lý và hỗ trợ nhà đầu tư trong KCN
6	Xí nghiệp Xây dựng Giao thông Becamex	P. Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	Thi công xây dựng các công trình kỹ thuật hạ tầng, giao thông

Danh sách các công ty con, công ty liên kết tính đến thời điểm 31/12/2023

STT	Công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Becamex
I. CÔNG TY CON					
1	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương (Becamex TDC)	Số 26-27, Lô I, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh và đầu tư cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu đô thị. Thi công các công trình công nghiệp và dân dụng. Sản xuất vật liệu xây dựng	1.000	60,70%
2	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị (Becamex UDJ)	C1-2-3, Đường DT6, Khu Liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ và Đô thị Bình Dương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư, khu đô thị, kinh doanh bất động sản	165	51,00%
3	Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	Đường TC3, Tổ 6, Khu phố 3, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.	Khám và chữa bệnh	200	65,47%
4	Trường Đại học Quốc tế Miền đông (EIU)	Khu Đô thị mới thuộc Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ và Đô thị Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Giáo dục	60	51,00%
5	Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex	Đại lộ Bình Dương, Khu Gò Cát, Phường Lái Thiêu, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương	Khám và chữa bệnh	200	90,00%
6	Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương (Becamex BCE)	Lô G Đường Đồng Khởi, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Xây dựng dân dụng và công nghiệp. San lấp mặt bằng, đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng dân cư, khu công nghiệp. Kinh doanh bất động sản	350	44,42%



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

DANH SÁCH NHỮNG ĐƠN VỊ, CHI NHÁNH TRỰC THUỘC

STT	Công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Becamex
-----	-------------	---------	-------------------------------------	-----------------------	--------------------------

I. CÔNG TY CON

7	Công ty TNHH MTV Hỗ trợ Khởi nghiệp Becamex IDC- Block 71	Tầng trệt, Tháp B2, Khu chung cư phức hợp Lô M2-Số 72 Đường Nguyễn Cơ Thạch, Phường An Lợi Đông, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ tư vấn	2	100%
---	---	---	----------------	---	------

II. CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

8	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (Becamex IJC)	Số 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Duy tu, sửa chữa, khai thác thu phí giao thông. Xây dựng dân dụng & công nghiệp, kinh doanh bất động sản	2.518,32	49,76
9	Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trồng II, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương	Nuôi trồng, kinh doanh cao su, mủ cao su	180	46,94%
10	Công ty Cổ phần Setia - Becamex	Khu nhà văn phòng, đường RT1-1, EcoLakes Mỹ Phước, Khu phố 6, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh bất động sản	660	40,00%
11	Công ty TNHH Becamex Tokyu	Khu đô thị mới thuộc khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị tỉnh Bình Dương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh khu đô thị	8.600	35,00%
12	Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore	Số 8 Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh khu công nghiệp	1.622,73	49,00%

STT	Công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Becamex
-----	-------------	---------	-------------------------------------	-----------------------	--------------------------

13	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	Quốc lộ 14, Tổ 8, Khu phố 3, Phường Minh Thành, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	1.032,17	40,00%
14	Công ty Cổ phần Phát triển Công Nghiệp BW	Tầng 17 Becamex Tower, Số 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	17.177,97	24,06%
15	Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	Số 11 Đường Ngô mây, Phường Nguyễn Văn Cừ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	500	40,00%
16	Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore 2, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Kinh doanh viễn thông, công nghệ thông tin	367,27	48,59%
17	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Lô Z01-02-03a, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh dược phẩm	160	35,19%
18	Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông	Lô M2, Đường Lý Thái Tổ, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Kinh doanh giáo dục	366	50,00%
19	Công ty Cổ phần Giải pháp Năng lượng Thông minh Việt Nam-Singapore	Tầng 19, Tòa Nhà Becamex Tower, 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống điện	175	36,00%



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

DANH SÁCH NHỮNG ĐƠN VỊ, CHI NHÁNH TRỰC THUỘC

STT	Công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Becamex
20	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Đông Sài Gòn	Số 337, Đường Võ Văn Kiệt, Phường Phú Thủy, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản	100	30,00%
21	Công ty Cổ phần-Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương	Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Đầu tư, kinh doanh cấp và thoát nước	1.929,20	19,44%
22	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore	Tầng 21, Tòa nhà Capital Tower, Số 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh và quản lý khu công nghiệp	650,32	8,00%
23	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Becamex-VSIP	Tầng 20, Tòa Nhà Becamex Tower, 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Đầu tư kinh doanh điện	100	36,00%

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

ĐVT: tỷ đồng

STT	Tên Công ty	Tổng doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
I. CÔNG TY CON				
1	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương (Becamex TDC)			
	Số liệu hợp nhất	359,2	(401,4)	(402,8)
	Số liệu công ty mẹ	193,0	(400,4)	(400,4)
2	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị (Becamex UDJ)	83,8	18,4	14,6
3	Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	254,3	4,4	3,7
4	Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	89,3	6,8	5,7
5	Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex	430,8	49,9	47,4
6	Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương (Becamex BCE)			
	Số liệu hợp nhất	125,2	1,5	0,8
	Số liệu công ty mẹ	107,4	2,3	2,3
7	Công ty TNHH MTV Hỗ trợ Khởi nghiệp Becamex IDC- Block 71	0,06	0,05	0,04



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

STT	Tên Công ty	Tổng doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
II. CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH				
8	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ Thuật (Becamex IJC)			
	Số liệu hợp nhất	1.527	494	394,8
	Số liệu công ty mẹ	1.238,4	460	371,8
9	Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	50,7	(25,5)	(25,5)
10	Công ty Cổ phần Setia - Becamex	225,3	41,8	32,5
11	Công ty TNHH Becamex Tokyu			
	Số liệu hợp nhất	798,7	(21,6)	(24,6)
	Số liệu công ty mẹ	813,2	57,3	60,6
12	Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore			
	Số liệu hợp nhất	8.056	2.161	1.703
	Số liệu công ty mẹ	4.010,0	643,8	533,4
13	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước			
	Số liệu hợp nhất	557,5	174	140
	Số liệu công ty mẹ	494,4	154,7	120
14	Công ty Cổ phần Phát triển Công Nghiệp BW			
	Số liệu hợp nhất	1.937	(1.151)	(1.244)
	Số liệu công ty mẹ	501,3	120,6	113,8
15	Công ty Cổ phần Becamex Bình Định			
	Số liệu hợp nhất	319,8	128,7	105,8

STT	Tên Công ty	Tổng doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
	Số liệu công ty mẹ	319,7	122	100,5
16	Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam			
	Số liệu hợp nhất	372,4	43	33
	Số liệu công ty mẹ	370,3	44,2	35,3
17	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	629,7	143,4	107,3
18	Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông	481	88	78,5
19	Công ty Cổ phần Giải pháp Năng lượng Thông minh Việt Nam-Singapore			
	Số liệu hợp nhất	131,0	(74,6)	(74,0)
	Số liệu công ty mẹ	56,6	(69,3)	(69,3)
20	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Đông Sài Gòn	6,4	2,2	1,8
21	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Becamex - VSIP	1,5	(3,4)	(3,4)
22	Công ty Cổ phần Nước- Môi trường Bình Dương			
	Số liệu hợp nhất	3.738	762	682
	Số liệu công ty mẹ	3.793,4	666	601
23	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore (VSIP JSC)			
	Số liệu hợp nhất	2.598	809	630
	Số liệu công ty mẹ	64,8	28,3	22,5



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

Sau hơn 40 năm hình thành và phát triển, với phương châm hoạt động “liên tục đổi mới để phát triển”, Becamex IDC liên tục đổi mới, sáng tạo để kiến tạo nên những giá trị thịnh vượng và bền vững, luôn nỗ lực nâng cao giá trị thương hiệu, uy tín thông qua việc nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ nhằm tối ưu giá trị mang lại cho khách hàng.

Trong thời gian tới, Becamex IDC tiếp tục đẩy mạnh phát triển lĩnh vực công nghiệp, đô thị. Trong đó, tại Bình Dương sẽ tập trung phát triển lên khu vực phía Bắc cũng như tiếp tục nhân rộng mô hình sang những tỉnh thành khác theo các chương trình hợp tác của tỉnh Bình Dương. Để đáp ứng những yêu cầu mới, Becamex IDC đã và đang điều chỉnh mô hình phát triển, chuyển từ công nghiệp-đô thị-dịch vụ sang

công nghiệp-đô thị-dịch vụ thông minh. Điều này bao gồm nâng cấp các khu công nghiệp hiện có và xây dựng mới các khu công nghiệp xanh, thông minh, với khả năng cung cấp nền tảng công nghệ 4.0, nhằm giúp các nhà đầu tư triển khai mô hình nhà máy thông minh, sản xuất hiệu quả và năng suất cao hơn.

Bên cạnh đó, nhận thức được vai trò quan trọng của việc đổi mới và sáng tạo trong thời kỳ mới, Becamex IDC đã và đang mạnh dạn tiến hành nghiên cứu, chung tay kiến tạo hạ tầng thương mại dịch vụ, hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng giáo dục đào tạo và y tế, góp phần quan trọng phục vụ mục tiêu phát triển bền vững, hướng đến xây dựng thành công Vùng đổi mới sáng tạo, giúp tỉnh Bình Dương tạo nền tảng vững chắc tiến vào kỷ nguyên số.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Để đáp ứng cho sự phát triển bền vững của nhà đầu tư, Becamex IDC đã và đang từng bước xây dựng một hệ thống sinh thái toàn diện. Với định hướng phát triển sắp tới, Becamex IDC sẽ tiếp tục phát triển các lĩnh vực nòng cốt là đột phá về giao thông vận tải, mở rộng phát triển đô thị, công nghiệp và phát triển Vùng Đổi mới sáng tạo-bước tiếp theo của đề án Thành phố thông minh.

Nhằm tiếp tục đóng góp nguồn lực cho công tác an sinh xã hội tại địa phương, phục vụ người dân tốt hơn nữa, nâng cấp hệ sinh thái xung quanh các Khu công nghiệp, đô thị, dịch vụ hiện hữu. Becamex IDC dự kiến đầu tư xây dựng 40.336 căn nhà ở xã hội giai đoạn tiếp theo tại Khu VietSing (TP.Thuận An); Khu Định Hòa (TP.Thủ Dầu Một); Khu Mỹ Phước (TX.Bến Cát); khu Bàu Bàng (Huyện Bàu Bàng), giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Với đề án Thành phố thông minh, phát triển Vùng đổi mới sáng tạo, trong giai đoạn tới, doanh nghiệp sẽ tập trung phát triển dịch vụ

chất lượng cao tại Thành phố Mới. Bên cạnh “thương hiệu” về hạ tầng khu công nghiệp tốt, Becamex IDC còn chú trọng hạ tầng về công nghệ thông tin, viễn thông, tiếp tục góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương thông qua việc đề xuất và điều phối xây dựng chiến lược “Đổi mới sáng tạo”. Bên cạnh đó, Tổng Công ty tiếp tục triển khai hệ thống Logistics thông minh, gắn với định hướng phát triển đường sắt và đường thủy để tạo liên kết vùng, đồng thời xây dựng khu công nghiệp khoa học công nghệ. Đây được dự kiến sẽ là động lực giúp các khu công nghiệp truyền thống phát triển, nâng cao giá trị gia tăng cho các nhà đầu tư trong tương lai gần.

Các dự án của Tổng Công ty luôn đi liền với trách nhiệm môi trường. “Xanh” và “Sạch” là những yếu tố then chốt trong các dự án phát triển. Tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng năng lượng mặt trời bằng cách biến các mái nhà xưởng và nhà kho thành những máy phát năng lượng tái tạo.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Xây Dựng Khu Công Nghiệp Sinh Thái (EIP) Theo Tiêu Chí ESG, Hướng Đến Net Zero

Hệ sinh thái EIP kiểu mới là xu hướng phát triển quan trọng và tất yếu của thời đại, mang lại nhiều lợi ích về kinh tế, môi trường, xã hội và nâng cao hiệu quả quản trị, bổ sung cho mô hình Công nghiệp – Đô thị – Dịch vụ tích hợp hiện hữu của Becamex IDC.

Để thích ứng với bối cảnh và yêu cầu mới, Becamex IDC tập trung vào việc chú trọng các yếu tố phát triển bền vững, từ việc kiến tạo lợi thế cho nhà đầu tư trong việc thực hiện các nguyên tắc Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG), đến mục tiêu phát thải ròng bằng 0 (Net Zero) vào năm 2050.

Tổng Công ty Becamex đã tiên phong đồng hành cùng các tổ chức uy tín như Ngân hàng Thế giới, Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên Hợp Quốc (UNIDO) và Tổ chức Hợp tác Quốc tế CHLB Đức (GIZ) để nghiên cứu và thúc đẩy cơ hội phát triển Khu công nghiệp Sinh thái (EIP) đầu tiên ở Việt Nam theo khuynh hướng quốc tế EIP 2.0. Tổng Công ty đã và

đang đáp ứng các tiêu chí quốc tế và định hướng của Chính phủ Việt Nam, nhằm tạo ra một hệ sinh thái EIP kiểu mới, mang lại nhiều lợi ích về kinh tế, môi trường, xã hội và nâng cao hiệu quả quản trị.

Tổng Công ty cam kết cung cấp đầy đủ các hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ và xã hội cho các nhà đầu tư, đồng thời từng bước cải tiến mô hình quản trị – vận hành khu công nghiệp theo tiêu chí ESG. Tổng Công ty hy vọng rằng việc triển khai EIP ở Bình Dương sẽ mang lại nhiều lợi ích đáng kể, từ việc làm giàu tri thức, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đến việc tiết kiệm chi phí sản xuất, cải thiện xếp hạng khử cacbon và nâng cao khả năng cạnh tranh của cả nhà đầu tư và Khu công nghiệp. Điều này sẽ giúp Bình Dương trở thành điểm đến hấp dẫn cho các nhà đầu tư và FDI hàng đầu, đồng thời góp phần vào mục tiêu chung của cộng đồng quốc tế về phát triển bền vững.



Kết hợp những yếu tố như trên cho thấy, các khu công nghiệp Becamex IDC là mô hình xây dựng hệ sinh thái toàn diện phục vụ phát triển công nghiệp và thu hút đầu tư, góp phần tạo lợi thế cạnh tranh lớn cho Bình Dương nói chung và cho chính Tổng Công ty nói riêng.



CÁC YẾU TỐ RỦI RO

Tổng Công ty Becamex có 2 lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là bất động sản công nghiệp và dân cư. Trong quá trình triển khai sản xuất kinh doanh, Tổng công ty sẽ đối mặt với một số rủi ro chính như sau:

RỦI RO KINH TẾ

Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô. Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế có thể tác động cả trực tiếp và gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, từ đó ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả đầu tư trong bối cảnh Việt Nam đã hội nhập sâu rộng với bạn bè quốc tế. Các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh như: tốc độ tăng trưởng kinh tế và ngành xây dựng, bất động sản; tỷ lệ lạm phát và tỷ lệ lãi suất. Để giảm

thiểu rủi ro này, Tổng Công ty đã phân tích và dự đoán tình hình môi trường vĩ mô trong từng thời kỳ, tiến hành triển khai các dự án có thời gian hoàn thành phù hợp với các thời kỳ đó để giảm thiểu tác động của rủi ro tác động lên dự án, bám sát việc triển khai chiến lược quốc gia. Việc nghiên cứu môi trường vĩ mô của nền kinh tế giúp Tổng Công ty dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh.

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Năm 2023 diễn ra với nhiều biến động tăng trưởng chậm lại, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) cho rằng, áp lực từ lạm phát, cuộc khủng hoảng lương thực và năng lượng do chiến tranh và lãi suất cao đang đẩy kinh tế thế giới đến bờ vực suy thoái. Theo xu hướng đó, ngành bất động sản cũng gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, ở Việt Nam, với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế, kinh tế vĩ mô tiếp tục duy trì ổn định, kiểm soát an toàn lạm phát; chính sách tiền tệ, tài khóa được điều hành chủ động, linh hoạt và hiệu quả. Theo Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) trong năm 2023 ước đạt 5,05%. Một dấu hiệu tích cực của nền kinh tế trong năm là ngành khu vực công nghiệp và xây dựng với mức tăng 7,06% đóng góp 0,51 điểm phần trăm vào tốc độ tổng giá trị tăng thêm của toàn nền

kinh tế.

Năm 2024, tình hình kinh tế thế giới dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư toàn cầu tiếp tục xu hướng chậm lại. Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam vẫn được nhiều tổ chức quốc tế có uy tín đánh giá cao kết quả và triển vọng của nền kinh tế nước ta và dự báo lạc quan về phục hồi nhanh trong thời gian tới, điều này có thể thu hút thêm nhiều nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài. Để nắm bắt các cơ hội đó, Tổng Công ty không ngừng cải thiện chất lượng dịch vụ, hoàn thiện hệ thống quản lý nội bộ, đa dạng hóa thêm các phân khúc sản phẩm mới tại các khu công nghiệp và nhà ở cao cấp, giữ vững vị thế lợi thế trên thị trường. Bên cạnh đó, thúc đẩy mở rộng quy mô và phấn đấu đạt được mức tăng trưởng mới.

RỦI RO LẠM PHÁT

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có thể tác động đến mọi chủ thể trong nền kinh tế, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và Tổng Công ty nói riêng. Thị trường hàng hóa thế giới năm 2023 có nhiều biến động và chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội. Xung đột quân sự Nga – Ukraina vẫn tiếp diễn cùng với bất ổn gia tăng tại Trung Đông. Nhiều quốc gia duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, tổng cầu suy yếu, kinh tế tăng trưởng chậm trong khi thị trường tài chính tiền tệ, bất động sản tại một số nước tiềm ẩn nhiều rủi ro. Lạm phát toàn cầu có xu hướng giảm dần sau thời gian các nước đồng loạt tăng lãi suất để kiểm chế lạm phát cùng với giá năng lượng giảm. Nhưng mức lạm phát hiện tại của một số quốc gia vẫn ở mức cao như Mỹ, Châu Âu, Hàn quốc, Lào,...

Ở chiều ngược lại, lạm phát ở Việt Nam có dấu hiệu tăng chậm so với thế giới, con số lạm phát nhìn chung được kiểm soát tốt vì đáp ứng và đảm bảo tốt các nguồn cung. Bình quân năm 2023 lạm phát ở mức 3,25%.

Trong thời gian tới, trên đà hồi phục kinh tế - xã hội và sự sôi động của các hoạt động sản xuất kinh doanh, tiêu dùng, áp lực lạm phát năm 2024 có thể gia tăng, điều này có thể lan tỏa sang đà tăng giá của thị trường tài sản như bất động sản. Đồng thời, sự tăng giá hàng hóa bên bán cũng có thể tiềm ẩn nhiều rủi ro đến hoạt động của Tổng Công ty.

Để hạn chế rủi ro này, Tổng công ty luôn chủ động về thời điểm phát sinh nhu cầu nguyên vật liệu để xây dựng, dự toán được khối lượng công trình chính xác nhất có thể và kiểm soát được giá cả đầu vào cho các dự án, để hạn chế rủi ro về lạm phát.

RỦI RO LÃI SUẤT

Với đặc thù kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản và các hạ tầng thiết yếu (đường sá, y tế, giáo dục), Tổng Công ty luôn cần duy trì nguồn vốn đầu tư. Bên cạnh đó, các dự án thường có quy mô lớn, thường xuyên phát sinh nhu cầu tín dụng chủ yếu dựa vào sự hỗ trợ tài chính của các ngân hàng, do đó những biến động về lãi suất sẽ ảnh hưởng đến doanh nghiệp, và rủi ro lãi suất luôn hiện hữu đối với doanh nghiệp. Vì vậy, nếu lãi suất vay biến động tăng mạnh sẽ gây áp lực lên dòng tiền phải trả, từ đó ảnh hưởng

đến hiệu quả kinh doanh nói chung và hiệu quả dự án nói riêng. Cụ thể năm 2023, Ngân hàng nhà nước (NHNN) đã điều chỉnh lãi suất tái chiết khấu đạt mức 3%, lãi suất tái cấp vốn là 4,5%/năm, mức lãi suất giảm đi nhiều so với năm 2022. Đây cũng là yếu tố tích cực đối với Tổng công ty nhằm giảm thiểu áp lực lãi vay và tình hình hoạt động của Tổng công ty. Nhưng với bối cảnh nền kinh tế hiện nay, việc NHNN thắt chặt tiền tệ thông qua kênh lãi suất có thể là rủi ro rất có khả năng sẽ xảy ra trong năm tiếp theo.



CÁC YẾU TỐ RỦI RO

RỦI RO LÃI SUẤT

Để hạn chế rủi ro này, Tổng công ty liên tục theo dõi tình hình lãi suất và xây dựng kế hoạch đầu tư và kinh doanh có tính linh hoạt, thường xuyên đánh giá và theo dõi tính thanh khoản, cũng như giữ chặt các cam kết và nghĩa vụ tài chính với các tổ chức tín dụng. Bên cạnh đó, Tổng công ty đã ký kết các khoản vay với lãi suất cố định với các

đối tác lâu năm, điều này giúp Tổng Công ty hạn chế được rủi ro về tăng lãi suất. Hành động phát hành trái phiếu với lãi suất cố định trong năm là một biện pháp khác mà Tổng Công ty đã triển khai để giảm bớt rủi ro và bảo vệ mình trước những biến động có thể xảy ra trong môi trường lãi suất

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khu công nghiệp, Tổng Công ty có

khả năng đối mặt với một số rủi ro đặc thù ngành như sau:

RỦI RO CUNG CẦU THỊ TRƯỜNG

Trong lĩnh vực khu công nghiệp, Tổng Công ty đối mặt với rủi ro cung cầu thị trường do thị trường bất động sản và khu công nghiệp thường biến động theo chu kỳ kinh tế. Sự biến động cung và cầu trong một số phân khúc bất động sản có thể xảy ra khi nền kinh tế trải qua chu kỳ suy thoái. Điều này có thể ảnh hưởng đến giá cả và hiệu suất của thị trường. Việc quyết định đầu tư tại thời điểm phù hợp với chu kỳ kinh tế là quyết định quan trọng, và Tổng Công ty cần đề cao sự nhạy bén trong

việc đánh giá và dự báo xu hướng cung cầu để giảm thiểu rủi ro. Với lợi thế là hoạt động trên địa bàn Tỉnh Bình Dương, đây là nơi đi đầu trong cả nước về phát triển hạ tầng khu công nghiệp, nên Tổng Công ty chịu ít rủi ro hơn các Công ty khác cùng ngành. Hơn nữa, nền kinh tế thế giới năm 2023 dù đang bị suy giảm nhưng các khu công nghiệp của Becamex IDC vẫn là lựa chọn hàng đầu cho các nhà đầu tư.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG ĐA NGÀNH VÀ TÀI CHÍNH

Becamex IDC là một doanh nghiệp hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau, Tổng Công ty đối mặt với rủi ro phân bổ nguồn vốn không hiệu quả và khả năng tìm kiếm nguồn vốn cho từng dự án một cách linh hoạt. Điều này có thể làm ảnh hưởng đến việc triển khai dự án, hiệu suất

kinh doanh, và triển vọng phát triển. Để giảm thiểu rủi ro, Tổng Công ty cần duy trì sự linh hoạt trong việc huy động vốn, tận dụng những điều kiện kinh doanh cụ thể tại từng giai đoạn, đảm bảo duy trì sự phát triển liên tục với chi phí vốn hợp lý nhất.

RỦI RO TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG VÀ THANH TOÁN

Tổng Công ty đối diện với rủi ro liên quan đến tiến độ xây dựng và thanh toán từ phía khách hàng. Mặc dù việc thực hiện xây dựng các dự án do các Công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giúp giảm thiểu rủi ro, nhưng vẫn có khả năng đối mặt với

thách thức này. Để giải quyết, Tổng Công ty đã thiết lập hợp đồng thuê có tính pháp lý chặt chẽ và đảm bảo tiến độ thanh toán từ phía khách hàng, đặt ra các biện pháp nhằm giảm thiểu rủi ro trong việc quản lý tiến độ xây dựng và thanh toán.

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Phát triển bền vững là mục tiêu không chỉ Becamex IDC mà các Quốc gia đều hướng đến, Becamex IDC ý thức mạnh mẽ đối với các hành vi gây tác động tiêu cực đến môi trường. Thực tế, trong quá trình phát triển các dự án từ khâu giải phóng mặt bằng cho đến giai đoạn thi công công trình sẽ không thể tránh khỏi các tác động xấu đến môi trường xung quanh như: ô nhiễm tiếng ồn, ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước,...

Để hạn chế đến mức thấp nhất các rủi ro về môi trường, Tổng Công ty tập trung triển khai xây dựng và nâng cấp các trạm xử lý nước thải tập trung công nghệ cao. Nước thải đầu ra được lấy mẫu tự động và truyền tín hiệu liên tục về trung tâm điều khiển của Tổng Công ty cũng như Sở Tài nguyên môi trường nhằm theo dõi và kịp thời xử lý khi nước thải đầu ra vượt

ngưỡng cho phép.

Ngoài ra, Tổng Công ty cũng xây dựng các Quy trình ứng phó sự cố về môi trường, công tác quản lý môi trường tuân thủ theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 nhằm đảm bảo môi trường xung quanh không bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của Tổng Công ty cũng như các đơn vị hoạt động trong khu công nghiệp, khu đô thị. Các khu nhà được Tổng Công ty xây dựng theo thiết kế như một công viên với không gian xanh và đường đi bộ, mang đến môi trường làm việc – sinh sống – vui chơi hấp dẫn cho người dân. Ngoài ra, dự án vườn ươm Cây xanh Becamex với tổng diện tích 80 ha đã trồng hơn 1 triệu cây, hỗ trợ trồng 150 cây xanh mỗi ngày trên đường phố và phủ xanh các khu vực trong suốt thập kỷ qua, cung cấp hơn nửa triệu cây bóng mát.



CÁC YẾU TỐ RỦI RO

RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro nêu trên, những rủi ro khác mang tính chất bất khả kháng cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Tổng công ty như động đất, dịch bệnh, lũ lụt, khủng hoảng,.. mà khi xảy ra có thể gây thiệt hại tài sản của Tổng Công ty cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy

ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất và con người cũng như tình hình hoạt động chung của Tổng Công ty. Để phòng tránh những rủi ro bất khả kháng này, Tổng Công ty luôn thực hiện chủ trương theo dõi và nắm bắt thông tin kịp thời nhằm đưa ra các biện pháp phòng vệ rủi ro và đảm bảo cho hoạt động của doanh nghiệp được thông suốt.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Tổng Công ty đang hoạt động và kinh doanh tại Việt Nam, dưới hình thức Công ty cổ phần và niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) nên Becamex IDC chịu ảnh hưởng nhiều về pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Lao Động, Luật Kế Toán,...hay các văn bản pháp luật đặc thù ngành như Luật đất đai, Luật quy hoạch, các nghị định, thông tư và các văn bản hướng dẫn thi hành,.. nên với những thay đổi nhỏ của pháp luật cũng ảnh hưởng đáng kể đến Tổng Công ty. Hiện nay hệ thống pháp luật của nước ta chưa ổn định và nhất quán, các văn

bản hướng dẫn thi hành vẫn chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn nhiều sửa đổi bổ sung để phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế mới. Điều này dẫn đến có nhiều sự thay đổi và có thể phát sinh bất cập, ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Để hạn chế rủi ro này, Tổng Công ty luôn theo dõi, nghiên cứu và cập nhật những thay đổi mới để kịp thời thay đổi các chiến lược kinh doanh phù hợp, bên cạnh Công ty cũng sẽ tham khảo các ý kiến bên ngoài trong trường hợp các vấn đề nằm ngoài khả năng của Công ty.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

BAN ĐIỀU HÀNH

Danh sách thành viên Ban điều hành

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Phạm Ngọc Thuận	Tổng Giám đốc
2	Giang Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc thường trực – Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký công ty
3	Nguyễn Văn Thanh Huy	Phó Tổng Giám đốc
4	Quảng Văn Viết Cường	Phó Tổng Giám đốc
5	Trịnh Xuân Đức	Phó Tổng Giám đốc
6	Nguyễn Hoàn Vũ	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 06/06/2023)
7	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Kế toán trưởng

01 ÔNG PHẠM NGỌC THUẬN

TV HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Năm sinh 1966
Trình độ chuyên môn Cử nhân Quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác:

2005-09/2018	Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV	Phó Tổng giám đốc
10/2018–6/2020	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Tổng giám đốc
6/2020–nay	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Số cổ phần BCM đang nắm giữ: 1.103.000 cổ phần, chiếm 0,1% tổng số cổ phần lưu hành

Chức vụ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Becamex - Bình Phước



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

BAN ĐIỀU HÀNH

02 ÔNG GIANG QUỐC DŨNG

Phó Tổng Giám đốc thường trực; Thư ký Hội đồng quản trị; Người phụ trách quản trị kiêm Tổ trưởng Tổ Trợ lý

Năm sinh 1974
Trình độ chuyên môn Thạc sĩ kinh tế
Quá trình công tác:

2009-2018	Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV	Trợ lý Tổng giám đốc, Thư ký Hội đồng thành viên
2019- tháng 08/2023	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	Phó Tổng giám đốc, Thư ký HĐQT
Từ tháng 08/2023 - nay	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	Phó TGD thường trực, Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký HĐQT

Số cổ phần BCM đang nắm giữ: 606.900 cổ phần, chiếm 0,0586% tổng số cổ phần lưu hành

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

03 ÔNG QUẢNG VĂN VIẾT CƯƠNG

Phó Tổng giám đốc

Năm sinh 1970
Trình độ chuyên môn Thạc sĩ ngôn ngữ anh
Quá trình công tác:

2009-2018	Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV	Giám đốc Phòng Đầu tư
2018-nay	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	Phó Tổng Giám đốc

Số cổ phần BCM đang nắm giữ: 537.700 cổ phần, chiếm 0,052 % tổng số cổ phần lưu hành

Chức vụ tại tổ chức khác: Phó chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật – Becamex IJC (IJC); Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương (TDC); Phó chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị - Becamex UDJ (UDJ); Thành viên HĐQT Công ty CP VNNT; Phó CT HĐQT Công ty CP Becamex Bình Phước.

04 ÔNG NGUYỄN VĂN THANH HUY

Phó Tổng giám đốc

Năm sinh 1970
Trình độ chuyên môn Kỹ sư xây dựng; Cử nhân luật
Quá trình công tác:

1996-1997	Giám sát kỹ thuật công trình	Cán bộ
1997-1998	Xí nghiệp xây dựng Công ty Becamex	Kỹ sư trưởng
1998-1999	Công ty Thương mại – Xuất nhập khẩu tỉnh Sông Bé	Phó Phòng Kinh tế kỹ thuật
1999-2004	Công ty Thương mại – Xuất nhập khẩu tỉnh Sông Bé	Phó Phòng Kinh tế kỹ thuật
2004-2006	Nhà máy sản xuất cống Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp	Phó Giám đốc
2005-2006	Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp	Phó Phòng Kinh tế kỹ thuật
2006-/2017	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp	Trưởng Phòng Kinh tế kỹ thuật
Từ 2018-nay	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp-CTCP	Phó Tổng giám đốc

Số cổ phần BCM đang nắm giữ: 396.000 cổ phần, chiếm 0,0383% tổng số cổ phần lưu hành

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

05 ÔNG TRỊNH XUÂN ĐỨC

Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Phòng Pháp chế

Năm sinh 1970
Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:

01/07/2019 - 31/12/2020	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	Phó Giám đốc Đầu tư
01/01/2021 - 02/03/2022	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	Giám đốc Pháp chế
03/03/2022-nay	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	Phó Tổng Giám đốc

Số cổ phần BCM đang nắm giữ: 0 cổ phần

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

BAN ĐIỀU HÀNH

06

BÀ NGUYỄN THỊ THANH NHÀN

Kế toán trưởng

Năm sinh 1976

Trình độ chuyên môn Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

05/1999-07/2010	Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV	Kế toán viên
08/2010-2017	Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV	Kiểm soát viên
Từ 2018-nay	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	Kế toán trưởng

Số cổ phần BCM đang nắm giữ: 584.300 cổ phần, chiếm 0,056% tổng số cổ phần lưu hành

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Thay đổi Ban điều hành trong năm 2023

STT	Thành viên Ban điều hành	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Phạm Ngọc Thuận	Tổng giám đốc	22/08/2023	
2	Giang Quốc Dũng	Phó TGD thường trực – Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký công ty	22/08/2023	
3	Nguyễn Văn Thanh Huy	Phó TGD	22/08/2023	
4	Quảng Văn Viết Cương	Phó TGD	22/08/2023	
5	Trịnh Xuân Đức	Phó TGD	22/08/2023	
6	Nguyễn Hoàn Vũ	Phó TGD		06/06/2023
7	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	Kế toán trưởng	22/08/2023	

NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Số lượng cán bộ, nhân viên đến ngày 31/12/2023 là 1.997 người.

Thu nhập bình quân đầu người năm 2023 là: 196 triệu đồng/năm.

Cơ cấu lao động của Tổng Công ty được thể hiện trong bảng sau

STT	Tiêu chí	Năm 2022		Năm 2023	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	1.899		1.997	
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	820	43,18%	853	42,71%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	148	7,79%	135	6,76%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	356	18,75%	334	16,73%
4	Lao động phổ thông	575	30,28%	675	33,80%
II	Theo đối tượng lao động	1.899		1.997	
1	Lao động trực tiếp	1.829	96,31%	1.919	96,09%
2	Lao động gián tiếp	70	3,69%	78	3,91%
III	Theo giới tính	1.899		1.997	
1	Nam	1.482	78,04%	1.549	77,57%
2	Nữ	417	21,96%	448	22,43%
IV	Theo thời hạn HĐLĐ	1.899		1.997	
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	4	0,21%	2	0,10%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	992	52,24%	1.053	52,73%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	903	47,55%	944	47,27%
V	Theo cấp quản lý	1.899		1.997	
1	Quản lý cấp cao	7	0,37%	11	0,55%
2	Quản lý cấp trung	42	2,21%	46	2,30%
3	Quản lý cấp chi nhánh	21	1,11%	21	1,05%
4	Chuyên viên, nhân viên	1.829	96,31%	1.919	96,09%
VI	Theo độ tuổi	1.899		1.997	
1	Từ 18 đến 25 tuổi	87	4,58%	72	3,61%
2	Từ 26 đến 35 tuổi	497	26,17%	439	21,98%
3	Từ 36 đến 45 tuổi	700	36,86%	642	32,15%
4	Trên 45	615	32,39%	844	42,26%



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG

Becamex IDC rất đề cao vai trò của đội ngũ nhân sự trong nguồn lực phát triển của Tổng Công ty. Do vậy, trong nhiều năm qua, Tổng Công ty luôn dành sự ưu tiên đầu tư cho CB-CNV thông qua các chính sách đào tạo, lương thưởng, phúc lợi phù hợp.

CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỞNG, ĐÃI NGỘ

Bản chất hoạt động cốt lõi của doanh nghiệp là ngành sử dụng nhiều lao động, vì thế Becamex IDC rất đề cao vai trò của đội ngũ nhân sự trong nguồn lực phát triển của Tổng Công ty, các chế độ lương thưởng, trợ cấp lao động luôn được Tổng Công ty tuân thủ theo đúng quy định đã ký kết trong hợp đồng. Trong năm, Tổng Công ty luôn đảm bảo mức lương phù hợp cho từng CB-CNV với từng vị trí, vai trò căn cứ vào thời gian lao động, mức độ hoàn thành, kết quả hoạt động kinh doanh và mức lương thị trường; cân nhắc nâng lương cho các cá nhân và tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao nhằm khuyến khích, tạo động lực cho người lao động luôn phấn đấu hoàn thành tốt công việc.

Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng luôn chú trọng đến công tác quan tâm phúc lợi cho nhân viên như bảo hiểm sức khỏe và tai nạn theo quy định của pháp luật để nhân viên an tâm làm việc. Ngoài ra còn có các chính sách hỗ trợ tiền thưởng vào các dịp lễ Tết, lễ Quốc Khánh, 30/4, 1/5,... Bên cạnh các chế độ về lương thưởng đãi ngộ, trong năm Tổng Công ty cũng mang đến và duy trì nhiều phúc lợi cho CB-CNV như du lịch, khám sức khỏe định kỳ.

Với chính sách lương thưởng công bằng, linh hoạt, tạo cơ hội thăng tiến cho đội ngũ nhân viên trẻ có năng lực cùng với môi trường làm việc thân thiện đã xây dựng nền văn hóa doanh nghiệp giúp Tổng Công ty duy trì và phát triển được nguồn nhân lực có thể đáp ứng được yêu cầu công việc hiện tại và trong tương lai.



CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, thế nên việc thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những mục tiêu của Tổng Công ty. Để có thể thu hút nhiều nhân tài làm việc và cống hiến, Tổng Công ty luôn tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, tạo điều kiện cho CB CNV được học tập làm việc tốt nhất, được phát triển nghề nghiệp và gắn bó lâu dài với Tổng Công ty.

Tuy nhiên, việc tuyển dụng nhân lực phải đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu chiến lược phát triển trung và dài hạn của Tổng Công ty. Các nhân sự được tuyển dụng không chỉ đáp ứng nhu cầu công việc hiện tại, mà còn phải phục vụ cho mục tiêu phát triển lâu dài của Tổng Công ty. Bên cạnh đó, cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ, Tổng Công ty tiếp nhận thực tập sinh trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, khoa học kỹ thuật.

ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC

Tổng Công ty luôn cố gắng tạo môi trường làm việc hiện đại, năng động thông qua các hoạt động xây dựng tinh thần làm việc nhóm, các chương trình thể dục - thể thao - văn nghệ,... để CB-CNV có cơ hội giao lưu, gắn kết, cùng nhau nỗ lực vì sự phát triển bền vững của Tổng Công ty.

Tất cả CBCNV làm việc tại Tổng Công ty đều được huấn luyện và kiểm tra quy định an toàn tránh rủi ro xảy ra trong quá trình lao động. Đồng thời, Tổng Công ty trong năm cũng đã triển khai các kế hoạch bảo hộ lao động phù hợp với yêu cầu thực tiễn trong sản xuất kinh doanh: mua sắm, cấp phát, sử dụng trang thiết bị bảo hộ lao động; công tác kiểm tra về an toàn vệ sinh lao động luôn được thực hiện đúng quy định của Nhà nước và Tổng Công ty.



CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN VIÊN

Becamex IDC xác định rõ "nhân sự" là nguồn lực quan trọng nhất của Tổng Công ty. Vì vậy, chất lượng nguồn nhân sự luôn được Tổng Công ty quan tâm đúng mức nhằm nâng cao năng lực hoạt động kinh doanh. Tổng Công ty rất quan tâm và coi trọng việc đào tạo, nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng làm việc nhằm tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên thực hiện công việc một cách hiệu quả nhất. Thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn bên ngoài và đào tạo nội bộ cho toàn thể CBCNV hàng năm, đồng thời Becamex IDC đã tài trợ các chương trình đào tạo chuyên sâu trong nhiều năm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và các kỹ năng bổ trợ khác cho từng CBCNV nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Tổng Công ty.

Các khóa đào tạo được thiết kế một cách hiệu quả theo yêu cầu thực tiễn hoạt động của từng phòng ban chuyên môn với những nghiệp vụ khác nhau phù hợp với từng vị trí, nhằm đảm bảo cho cán bộ nhân viên có thể áp dụng được tối đa những kỹ năng, kiến thức đã được đào tạo vào trong công việc. Bên cạnh đó, Tổng công ty luôn cập nhật các văn bản pháp luật, tạo điều kiện cho NLĐ tham dự các hội thảo chuyên ngành.





02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 66 Tóm tắt thông tin tài chính
- 70 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 76 Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 78 Bức tranh nền kinh tế vĩ mô và ngành bất động sản xây dựng
- 80 Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc
- 94 Báo cáo của Hội đồng quản trị



TÓM TẮT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Năm 2023 tiếp tục chứng kiến những biến động đáng kể về kinh tế và xã hội tác động mạnh mẽ đến chuỗi cung ứng toàn cầu, và Việt Nam không phải là ngoại lệ khi phải đối mặt với những ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng này. Mặc dù phải đối mặt với nhiều thách thức, nhưng nhờ vào sự định hướng đúng đắn từ Hội đồng quản trị cùng với sự quyết tâm và nỗ lực không ngừng của Ban Tổng giám đốc và toàn thể nhân viên, kết quả kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty Becamex trong năm vừa qua ghi nhận được những thành tựu nhất định. Cụ thể:

KẾT QUẢ KINH DOANH

Theo số liệu BCTC hợp nhất

ĐVT: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2019	NĂM 2020	NĂM 2021	NĂM 2022	NĂM 2023	TĂNG/GIẢM SO VỚI CÙNG KỲ
Doanh thu thuần	8.213	6.505	6.990	6.565	7.883	20,07%
Lợi nhuận gộp	3.387	3.261	3.221	2.774	4.248	53,11%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.896	2.470	2.216	1.813	2.805	54,72%
Lợi nhuận sau thuế	2.487	2.186	1.457	1.724	2.280	32,27%

Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế



TÌNH HÌNH TÀI SẢN/ NGUỒN VỐN

ĐVT: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2019	NĂM 2020	NĂM 2021	NĂM 2022	NĂM 2023
Tài sản ngắn hạn	27.965	29.840	29.147	27.849	28.441
Tiền và các khoản tương đương tiền	417	1.776	2.985	1.071	1.332
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	326	64	214	436	87
Các khoản phải thu ngắn hạn	4.319	3.779	4.942	5.333	7.024
Hàng tồn kho	22.877	24.191	20.931	20.841	19.834
Tài sản ngắn hạn khác	26	30	75	168	164
Tài sản dài hạn	15.551	18.645	19.805	20.456	24.983
Các khoản phải thu dài hạn	326	312	318	570	533
Tài sản cố định	1.844	1.819	1.220	1.245	1.160
Tài sản dở dang dài hạn	2.052	2.936	2.297	1.904	3.191
Bất động sản đầu tư	664	812	456	425	2.535
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10.034	12.186	15.059	15.884	17.226
Tài sản dài hạn khác	630	580	455	428	338
Tổng cộng tài sản	43.516	48.485	48.952	48.305	53.424
Nợ phải trả	27.766	31.298	31.807	30.540	33.951
Nợ ngắn hạn	21.813	21.453	18.470	18.837	22.998
Nợ dài hạn	5.953	9.845	13.337	11.703	10.953
Vốn chủ sở hữu	15.750	17.187	17.145	17.765	19.473
Tổng cộng nguồn vốn	43.516	48.485	48.952	48.305	53.424

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất



TÓM TẮT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

ĐVT: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2019	NĂM 2020	NĂM 2021	NĂM 2022	NĂM 2023
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh	2.933	2.548	343	503	(3.151)
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ hoạt động đầu tư	284	(1.092)	(1.079)	(880)	472
Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính	(5.378)	(97)	1.945	(1.537)	2.940
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(2.161)	1.359	1.209	(1.914)	261
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	2.578	417	1.776	2.985	1.071
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	417	1.776	2.985	1.071	1.332

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2022	NĂM 2023
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
-	Khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	1,48	1,24
-	Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,36	0,37
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
-	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	63%	63,55%
-	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	171,91%	174,35%
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
-	Vòng quay hàng tồn kho	vòng	0,18	0,18
-	Vòng quay tổng tài sản	vòng	0,14	0,15
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	26,26%	28,93%
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	9,88%	12,2%
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	%	3,55%	4,5%
-	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	27,62%	35,59%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất

CƠ CẤU DOANH THU HỢP NHẤT

ĐVT: tỷ đồng

Khoản Mục	Năm 2022		Năm 2023		Tăng /giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	% tăng giảm
Doanh thu xây dựng	284	4,31%	54	0,66%	(230)	(80,99%)
Doanh thu kinh doanh bất động sản, bất động sản đầu tư	4.739	72,00%	6.582	80,52%	1.843	38,89%
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	617	9,37%	1.064	13,02%	447	72,45%
Doanh thu bán thành phẩm	791	12,02%	372	4,55%	(419)	(52,97%)
Doanh thu hoạt động khác	151	2,29%	102	1,25%	(49)	(32,45%)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hợp nhất	6.582	100,00%	8.174	100,00%	1.592	24,19%

Năm 2023, tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ hợp nhất của Tổng Công ty ghi nhận 8.174 tỷ đồng, tăng 24% so với năm 2022, trong đó, lĩnh vực bất động sản và bất động sản đầu tư vẫn là mảng kinh doanh mang lại nguồn doanh thu chính cho Tổng Công ty, chiếm 81% giá trị.

Trong năm, doanh thu từ bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và bán hàng thành phẩm là hai lĩnh vực mang lại doanh thu lớn cho Tổng Công ty với giá trị mang lại lần lượt đạt 1.064 tỷ đồng và 372 tỷ đồng, tương đương với tỷ trọng chiếm 13% và 5% tổng doanh thu năm 2023.

Mảng xây dựng chủ yếu phục vụ các công trình của Tổng công ty là chính nên ít đóng góp nhiều vào lợi nhuận. Bên cạnh đó, doanh thu khác phát sinh không đáng kể, giảm 49 tỷ đồng, tương ứng với mức giảm 32%.

CƠ CẤU CHI PHÍ HỢP NHẤT

ĐVT: tỷ đồng

Khoản Mục	Năm 2022		Năm 2023		Tăng /giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	% tăng giảm
Giá vốn hàng bán	3.791	62,58%	3.635	59,27%	(156)	(4,12%)
Chi phí tài chính	880	14,53%	906	14,77%	26	2,95%
Chi phí bán hàng	764	12,61%	873	14,23%	109	14,27%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	534	8,81%	592	9,65%	58	10,86%
Chi phí khác	90	1,49%	127	2,07%	37	41,11%
Tổng Chi phí	6.058	100,00%	6.133	100,00%	75	1,24%

Tổng chi phí năm 2023 được ghi nhận là 6.133 tỷ đồng, tăng 75 tỷ đồng so với năm 2022. Với đặc thù kinh doanh trong ngành bất động sản công nghiệp và bất động sản dân cư, giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng chi phí, chiếm gần 60% giá trị. Các khoản mục còn lại trong cơ cấu chi phí vẫn duy trì mức tỷ trọng ổn định, hầu hết đều có xu hướng tăng so với cùng kỳ năm 2022.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP

Thực hiện chủ trương phát triển công nghiệp về phía Bắc của Tỉnh, Tổng Công ty đã đầu tư và xây dựng KCN Mỹ Phước 1, KCN Mỹ Phước 2, KCN Mỹ Phước 3, KCN Thới Hòa và KCN Bàu Bàng (hiện hữu và mở rộng). Đến nay, tiến độ đầu tư hạ tầng tại các KCN này đạt trên 95% với tỉ lệ lấp đầy trên 80%. Bên cạnh nguồn thu từ cho thuê đất, Tổng công ty còn sở hữu nguồn thu đều đặn hàng năm từ phí quản lý, phí xử lý nước thải và cung cấp nước sạch và các dịch vụ cung cấp khác cho các doanh nghiệp thuê đất sản xuất kinh doanh trong KCN mà Tổng công ty đầu tư.

Trong năm 2021, Tổng Công ty Becamex IDC đã ký kết với Tập đoàn Capitaland về dự án hợp tác phát triển phần cốt lõi của Đề án Thành phố thông minh và vùng đổi mới sáng tạo Bình Dương, cụ thể là hợp tác phát triển Thành phố mới Bình Dương, nơi tập trung của trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, các khu công nghiệp kỹ thuật cao, các trung tâm tài chính, ngân hàng, thương mại điện tử xuyên biên giới và Trung tâm Thương mại thế giới Thành phố mới Bình Dương. Việc hợp tác với tập đoàn bất động sản hàng đầu Châu Á như Capitaland có ý nghĩa quan trọng, khẳng định mô

hình phát triển của Becamex IDC đã hội tụ đầy đủ những điều kiện cần thiết, đáp ứng đa dạng nhu cầu của các nhà đầu tư trong cũng như ngoài nước.

Trong giai đoạn 2023-2025, bên cạnh cho thuê các diện tích còn lại, Tổng công ty sẽ tập trung thu hút các Tập đoàn lớn, áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, có sức lan tỏa cao vào KCN Bàu Bàng mở rộng (diện tích kinh doanh còn lại gần 400ha) nằm liền kề KCN Bàu Bàng hiện hữu, có kết nối giao thông tốt. Với nhu cầu thuê đất KCN hàng năm từ 100ha, quỹ đất còn lại tại KCN Bàu Bàng mở rộng đủ để Tổng công ty kinh doanh đến hết năm 2024.

Để tạo quỹ đất KCN cho thuê trong giai đoạn tiếp theo, Tổng công ty đã đầu tư dự án KCN Cây Trường thuộc xã Cây trường, Tỉnh Bình Dương (diện tích quy hoạch 700ha, vốn đầu tư gần 4.000 tỷ đồng) đã được chấp thuận chủ đầu tư của Thủ tướng chính phủ. Với kinh nghiệm và uy tín triển khai dự án KCN nhiều năm, Tổng công ty có nhiều ưu thế trong việc mở rộng đầu tư dự án KCN ra các tỉnh thành khác tạo nền tảng tăng trưởng tốt cho Tổng công ty trong tương lai.

STT	KHU CÔNG NGHIỆP	DIỆN TÍCH CÒN LẠI ĐẾN CUỐI NĂM 2023 (M ₂)	TỶ LỆ LẤP ĐẦY
1	Khu Công nghiệp Mỹ Phước 1	332.958	88%
2	Khu Công nghiệp Mỹ Phước 2	123.204	96%
3	Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3	508.389	92%
4	Khu Công Nghiệp Bàu Bàng	487.875	93%
5	Khu Công nghiệp Bàu Bàng Mở rộng	1.893.623	75%
6	Khu Công nghiệp Thới Hòa	231.014	85%
Tổng cộng		3.577.063	

1. KCN MỸ PHƯỚC 1



- » Diện tích còn lại đến cuối năm 2023: 332.958 m₂
- » Tỷ lệ lấp đầy: 88%
- » Tổng mức đầu tư: 451 tỷ đồng

2. KCN MỸ PHƯỚC 2



- » Diện tích còn lại đến cuối năm 2023: 123.204 m₂
- » Tỷ lệ lấp đầy: 96%
- » Tổng mức đầu tư: 746 tỷ đồng



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP

3. KCN MỸ PHƯỚC 3



- » Diện tích còn lại đến cuối năm 2023: 508.389 m²
- » Tỷ lệ lấp đầy: 92%
- » Tổng mức đầu tư: 2.864 tỷ đồng

5. KCN BÀU BÀNG MỞ RỘNG



- » Diện tích còn lại đến cuối năm 2023: 1.893.623 m²
- » Tỷ lệ lấp đầy: 75%
- » Tổng mức đầu tư: 5.762 tỷ đồng

4. KCN BÀU BÀNG



- » Diện tích còn lại đến cuối năm 2023: 487.875 m²
- » Tỷ lệ lấp đầy: 93%
- » Tổng mức đầu tư: 3.334 tỷ đồng

6. KCN THỜI HÒA



- » Diện tích còn lại đến cuối năm 2023: 231.014 m²
- » Tỷ lệ lấp đầy: 85%
- » Tổng mức đầu tư: 666 tỷ đồng



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP

7. KCN CÂY TRƯỜNG

- » Diện tích đất công nghiệp cho thuê: khoảng 500 ha
- » Hiện trạng: Dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ. Hiện tại, dự án đang thực hiện và hoàn thiện các bước pháp lý cuối cùng để đưa vào kinh doanh dự kiến năm 2024-2025.
- » Tổng mức đầu tư: 6.000 tỷ đồng

CÁC DỰ ÁN KHU DÂN CƯ, KHU TÁI ĐỊNH CƯ

Các dự án Khu dân cư; Khu tái định cư tại 31/12/2023

STT	ĐẤT DỰ ÁN KHU DÂN CƯ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ	DIỆN TÍCH KINH DOANH CÒN LẠI (M2)	TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA BCM
1	Thành phố Bến Cát	2.965.727	100%
2	Huyện Bàu Bàng	4.521.705	100%
3	TP. Thủ Dầu Một	4.585.248	100%
4	TP. Thuận An	140.131	100%

Gắn liền với phát triển công nghiệp, tỉnh Bình Dương cũng tiếp tục đầu tư xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng dịch vụ như trung tâm thương mại – tài chính – ngân hàng, bệnh viện, các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là các khu đô thị mới để phục vụ nhu cầu định cư lâu dài của nhà đầu tư, các cư dân đang làm việc tại các KCN, vùng phụ cận ở TP Thủ Dầu Một và TP.HCM.

CÁC DỰ ÁN HẠ TẦNG GIAO THÔNG

Tổng Công ty Becamex IDC đang là Nhà đầu tư nghiên cứu đề xuất các dự án Giao thông trọng điểm trên địa bàn tỉnh Bình Dương như:

1. Dự án đường Vành Đai 4 TP. Hồ Chí Minh đoạn từ Cầu Thủ Biên đến Sông Sài Gòn với Tổng mức đầu tư trên 18.000 tỷ;
 2. Dự án Cao tốc TP. HCM - Thủ Dầu Một - Chơn Thành với Tổng mức đầu tư trên 18.000 tỷ;
 3. Dự án hoàn thiện tuyến đường Mỹ Phước Tân Vạn theo hình thức PPP với tổng mức đầu tư trên 17.000 tỷ.
- Ngoài ra, Tổng công ty Becamex IDC cũng đang triển khai thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc Lộ 13 với tổng mức đầu tư trên 1.500 tỷ đồng.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

TỔNG SỐ CỔ PHẦN ĐÃ PHÁT HÀNH: **1.035.000.000** cổ phần

SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN ĐANG LƯU HÀNH: **1.035.000.000** cổ phần

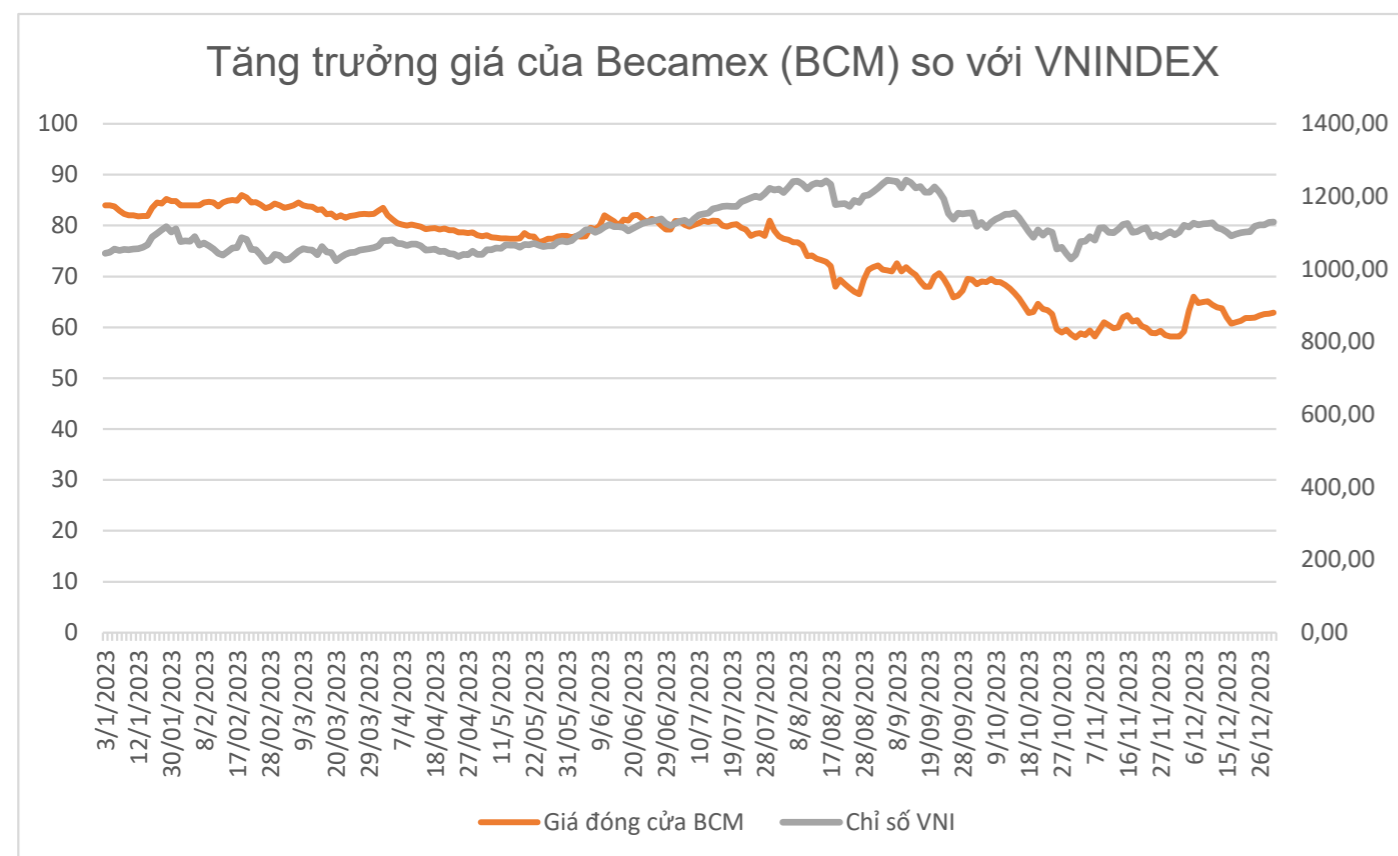
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: **1.035.000.000** cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: **0** cổ phần

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU QUỸ: **0** cổ phần

MỆNH GIÁ CỔ PHẦN: **10.000** đồng/Cổ phiếu

LOẠI CỔ PHẦN: Cổ phần phổ thông

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: Không có



Cơ cấu cổ đông (tại ngày 22/02/2024)

Stt	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu (cổ phần)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
I	Cổ đông trong nước	4.754	1.014.212.902	10.142.129.020.000	97,99%
1	Cổ đông tổ chức	31	989.055.309	9.890.553.090.000	95,56%
2	Cổ đông cá nhân	4.723	25.157.593	251.575.930.000	2,43%
II	Cổ đông nước ngoài	100	20.787.098	207.870.980.000	2,01%
1	Tổ chức	22	20.410.510	204.105.100.000	1,97%
2	Cá nhân	78	376.588	3.765.880.000	0,04%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
Tổng cộng		4.854	1.035.000.000	10.350.000.000.000	100,00%

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5%

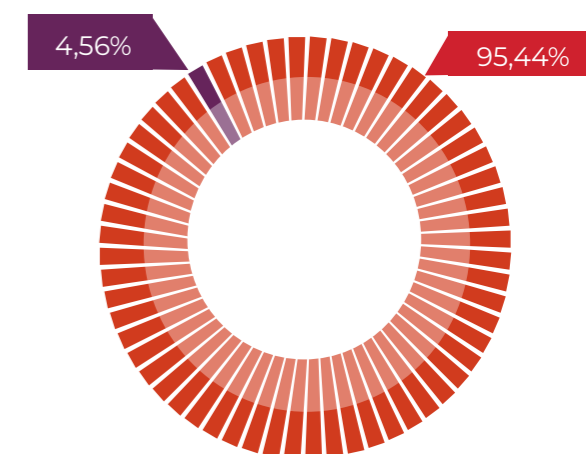
Stt	Loại cổ đông	Số lượng cổ phiếu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương	987.804.800	95,44%

(*) Cổ đông Nhà nước không bị hạn chế chuyển nhượng
Cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ: Không có

Các chứng khoán khác:

Phát hành trái phiếu doanh nghiệp	3.206
Đầu tư thực hiện các dự án	800
Góp vốn đầu tư vào các đơn vị thành viên để thực hiện đầu tư các dự án	406
Đầu tư thực hiện các dự án	2.000

Các trái phiếu đang lưu hành được thuyết minh chi tiết tại Báo cáo tài chính kiểm toán 2023.



BỨC TRANH NỀN KINH TẾ VĨ MÔ

TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI

Năm 2023, nền kinh tế thế giới vẫn bấp bênh trong bối cảnh chịu tác động tiêu cực chồng chéo. Cuộc xung đột giữa các nước lớn ngày càng gay gắt và toàn diện hơn, căng thẳng địa chính trị; xung đột Nga-Ukraine, giao tranh ở khu vực Trung Đông; khủng hoảng an ninh lương thực, sự suy giảm tăng trưởng của Trung Quốc, những tác động ảnh hưởng tiêu cực đến việc phục hồi nền kinh tế thế giới sau đại dịch Covid-19. Lạm phát tuy đã hạ nhiệt nhưng vẫn neo ở mức cao, nhiều nền kinh tế lớn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất cao; thương mại, tiêu dùng và đầu tư toàn cầu tiếp tục suy giảm; hàng rào bảo hộ, phòng vệ thương mại gia tăng,...ảnh hưởng đến hoạt động xuất, nhập khẩu của khu vực và thế giới.

TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM

Việt Nam là quốc gia có độ mở nền kinh tế lớn nhưng khả năng thích ứng, sức chống chịu đối với các cú sốc bên ngoài, cũng như năng lực cạnh tranh quốc tế còn hạn chế, kinh tế Việt Nam tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề bởi bối cảnh kinh tế thế giới.

Tuy nhiên, trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước có nhiều khó khăn và thách thức, Việt Nam vẫn là điểm sáng trong bức tranh kinh tế chung và không ngừng nâng tầm vị thế quốc tế.

↑ **5,05%** so với năm 2022

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2023

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2023 ước tính tăng 5,05% so với năm 2022, mặc dù thấp hơn chỉ tiêu đề ra (khoảng 6,5%) nhưng vẫn cao hơn gấp đôi mức tăng GDP trung bình thế giới và thuộc nhóm có tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới năm 2023, trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,74%.

↑ **6,2%** so với năm 2022

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội năm 2023

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội năm 2023 theo giá hiện hành ước đạt 3.423,5 nghìn tỷ đồng, tăng 6,2% so với năm 2022, mức tăng này cải thiện hơn so với mức tăng 5,8% của 9 tháng, cho thấy trong quý IV/2023 việc thực hiện các công trình, dự án đầu tư đạt kết quả cao hơn các quý đầu năm.

DÒNG VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI)

↑ **3,5%** so với năm 2022

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm 2023

là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện **cao nhất trong 5 năm qua**

Năm 2023, Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm 2023 ước đạt 23,18 tỷ USD, tăng 3,5% so với năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất trong 5 năm qua. Trong đó hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 1,15 tỷ USD, chiếm 4,9%. Sự gia tăng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là dấu hiệu tích cực về sự thuận lợi của môi trường kinh doanh tại Việt Nam, cung cấp động lực quan trọng cho sự phát triển của nền kinh tế trong giai đoạn tới. Mặc dù bất động sản chiếm phần nhỏ, nhưng ngành này vẫn đóng vai trò quan trọng, thể hiện tiềm năng phát triển của thị trường bất động sản Việt Nam.

Việt Nam hiện là đối tác đầu tư của 144 quốc gia và vùng lãnh thổ. Trong đó, dòng vốn FDI vẫn chủ yếu đến từ các đối tác đầu tư châu Á truyền thống, gồm Singapore, Nhật Bản, Hồng Kông, Trung Quốc, Hàn Quốc và Đài Loan. Tổng vốn đăng ký của 6 quốc gia này chiếm hơn 81% tổng vốn đầu tư.

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG (CPI)

↑ **3,25%** so với năm 2022

CPI bình quân năm 2023

CPI bình quân năm 2023 tăng 3,25% so với năm 2022, trong đó Chỉ số giá nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 6,58% (tác động làm CPI chung tăng 1,24 điểm phần trăm), do giá xi măng, cát tăng theo giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào, cùng với đó giá thuê nhà ở tăng cao.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

THUẬN LỢI

Chính Phủ và chính quyền địa phương triển khai quyết liệt nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn về thủ tục pháp lý dự án, hạ mặt bằng lãi suất vay vốn tạo điều kiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thông suốt, ổn định.

Niềm tin của nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán và thị trường trái phiếu bắt đầu phục hồi, mở ra cơ hội cho doanh nghiệp huy động được nhiều nguồn vốn khác nhau cho hoạt động đầu tư và tái cơ cấu nguồn vốn kinh doanh.

Các hoạt động tiếp thị và thu hút đầu tư trực tiếp quốc tế được xúc tiến mạnh, phát huy lợi thế hệ sinh thái công nghiệp - dịch vụ - đô thị, củng cố uy tín và thương hiệu vững mạnh, Tổng công ty và đơn vị thành viên VSIP, BW và Tokyu tiếp tục thu hút được các nhà đầu tư quốc tế lớn đầu tư vào các dự án trong hệ sinh thái trong năm qua (Capitaland, Lego, Pandora, Gamuda,...)

Tổng công ty tiếp tục cải tiến và hoàn thiện chiến lược số hóa mạnh mẽ từ năm 2018, đồng thời thực hiện chương trình đo lường hiệu quả công việc theo KPI giúp tăng hiệu quả và năng suất xử lý công việc.

Tổng Công ty Becamex IDC, với vai trò hàng đầu trong sự phát triển của Bình Dương, không chỉ là một doanh nghiệp mà còn là một bộ máy điều hành mạnh mẽ, thúc đẩy nền kinh tế và xã hội của tỉnh. Sự quan tâm và chỉ đạo tận tình từ lãnh đạo địa phương đã làm nền tảng cho sự thành công của Tổng Công ty.

Becamex IDC nằm ở vị trí chiến lược tại tỉnh Bình Dương- trung tâm của sự phát triển kinh tế và công nghiệp ở Việt Nam. Năm 2023, Bình Dương thu hút gần 1,5 tỉ USD vốn đầu tư nước ngoài đứng thứ hai Việt Nam (sau Thành phố Hồ Chí Minh). Bình Dương được đánh giá cao về môi trường đầu tư thuận lợi, hạ tầng phát triển, thu hút các nhà đầu tư công nghệ cao. Bên cạnh đó, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) của tỉnh Bình Dương tăng 5,95% so với năm 2022. Bình Dương không chỉ có thế mạnh công nghiệp lớn mà còn là điểm đến hấp dẫn cho các nhà đầu tư và doanh nghiệp tìm kiếm cơ hội phát triển và hợp tác. Sự đa dạng và tiềm năng của ngành công nghiệp ở Bình Dương đang làm nổi bật vị thế của tỉnh trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đang tiến vào thời kỳ kinh tế số và kinh tế tri thức.



KHÓ KHĂN

Là một doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực phát triển bất động sản khu công nghiệp, phát triển khu dân cư, đô thị nên Becamex IDC chịu sự ảnh hưởng của nền kinh tế nói chung và của thị trường bất động sản nói riêng.

Trong năm 2023, những biến động vĩ mô bất lợi như trạng thái lạm phát kéo dài diễn ra toàn cầu trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế giảm tốc trong khi ngân hàng trung ương vẫn phải thắt chặt tiền tệ nhằm kiểm soát lạm phát đã tác động bất lợi đến tỷ giá, ngoại hối, tăng trưởng tín dụng. Do ảnh hưởng bởi sự sụt giảm tổng cầu thế giới và cả trong nước, ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Đặc biệt khi chi phí hoạt động doanh nghiệp tăng trong khi nhu cầu tiêu dùng và đầu tư giảm, kế hoạch đầu tư của các dự án cũng bị giãn tiến độ.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023

Năm 2023 là một năm đầy thách thức và cũng là một năm thành công đối với Tổng Công ty Becamex IDC, với việc tiếp tục khẳng định vị thế của mình và đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Bình Dương. Tổng công ty Becamex đã đánh giá được các khó khăn rủi ro của thị trường sau đại dịch và nắm bắt tốt xu hướng và nhu cầu của nhà đầu tư, đánh giá sát tình hình thị trường... từ đó có chiến lược kinh doanh đúng

đúng và phù hợp với tình hình thực tế tại Tổng công ty. Tổng công ty cũng đã hoàn thành một số mục tiêu kế hoạch hoạt động đặt ra trong năm và duy trì được tình hình tài chính ổn định và tích cực. Sự đa dạng hóa về nguồn thu nhập từ các lĩnh vực khác nhau giúp Tổng công ty giảm thiểu rủi ro và đảm bảo sự ổn định và bền vững trong hoạt động kinh doanh.

Kết quả kinh doanh theo BCTC tổng hợp năm 2023

Đơn vị: tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	TH2022	KH 2023	TH2023	TH2023/ KH2023	TH2023/ TH2022
1	Tổng doanh thu	4.608	6.800	7.245	107%	157%
2	Tổng chi phí	2.962	4.875	5.173	106%	175%
3	Lợi nhuận trước thuế	1.647	1.925	2.072	108%	126%
4	Lợi nhuận sau thuế	1.536	1.597	1.666	104%	108%

Trong năm 2023, bên cạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư tại nước ngoài, Tổng công ty đã phối hợp tổ chức các sự kiện lớn quốc tế tại Bình Dương thu hút sự tham gia của nhiều diễn giả khoa học, đối tác và nhà đầu tư trong và ngoài nước trao đổi về các xu thế phát triển mới, tạo cơ hội cho các nhà đầu tư tiềm năng tìm hiểu cơ hội hợp tác như chuỗi sự kiện Tuần lễ Văn hóa Sáng tạo và nhân vật Biểu tượng Quốc tế Việt Nam 2023, Diễn đàn Hiệp hội Trung tâm Thương mại Thế giới khu vực châu Á - Thái Bình Dương với chủ đề "Chuyển đổi số hoạt động các Trung tâm Thương mại Thế giới". Cuối năm 2023, Tổng công ty vinh dự được chọn là nơi tổ chức sự kiện Diễn đàn hợp tác kinh tế Horasis Châu Á 2023 trao đổi nhiều chủ đề toàn cầu đang quan tâm, nắm bắt các xu thế của thời đại, các công nghệ tiên tiến để xây dựng và phát triển kinh tế xã hội.

Bên cạnh các mặt thuận lợi, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty cũng đối mặt với nhiều khó khăn thách thức chung của nền kinh tế như nhu cầu tiêu dùng, đầu tư có phục hồi nhưng còn chậm, hoạt động thu hút đầu tư và thanh khoản trên thị trường BĐS còn khó khăn, chi phí sử dụng vốn vẫn ở mức cao. Trong bối cảnh đó, Ban lãnh đạo Tổng công ty Becamex đã phấn đấu để hoàn thành cao nhất kế hoạch SXKD mà ĐHĐCĐ năm 2023 đã giao. Cụ thể, trong năm Tổng Công ty đã hoàn thiện thủ tục pháp lý các dự án hạ tầng đô thị, công nghiệp để đủ điều kiện bàn giao cho nhà đầu tư và ghi nhận kết quả kinh doanh. Nhờ đó, Tổng doanh thu của công ty mẹ năm 2023 đạt 7.245 tỷ đồng hoàn thành 107% so với kế hoạch đặt ra và tăng 57% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ năm 2023 đạt 1.666 tỷ đồng, hoàn thành 104% kế hoạch ĐHĐCĐ giao và tăng 8% so với cùng kỳ.

Kết quả hoạt động kinh doanh theo BCTC hợp nhất năm 2023 của Tổng công ty

Đơn vị: tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	TH2022	KH 2023	TH2023	TH2023/ KH2023	TH2023/ TH2022
1	Tổng doanh thu	8.010	9.460	8.830	93%	110%
2	Tổng chi phí	6.058	6.832	6.133	90%	101%
3	Lợi nhuận trước thuế	1.951	2.628	2.697	103%	138%
4	Lợi nhuận sau thuế	1.724	2.263	2.280	101%	132%

Trong năm 2023, kết quả kinh doanh của các đơn vị thành viên tiếp tục có sự phân hóa. Các đơn vị hoạt động lĩnh vực nhà hàng- khách sạn, y tế, giáo dục, thu phí đường bộ cho thấy sự ổn định. Mặt khác, các đơn vị thành viên trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh BĐS nhà ở còn nhiều khó khăn do thanh khoản thị trường BĐS còn ở mức thấp. Đối với các đơn vị trong lĩnh vực đầu tư hạ tầng khu công nghiệp và nhà xưởng cho thuê cho thấy sự phục hồi theo xu hướng chung của nền kinh tế. Về công tác đầu tư vốn tại các đơn vị thành viên, Tổng công ty Becamex sẽ đầu tư thêm, cơ cấu lại và thành lập mới vào các đơn vị hoạt động các lĩnh vực, ngành nghề tiềm năng theo đúng định hướng phát triển của Tổng công ty Becamex đã được phê duyệt giai đoạn 2022-2025. Trong năm 2023, Tổng công ty Becamex đã hoàn thành góp

tăng vốn điều lệ cho các đơn vị trong lĩnh vực phát triển hạ tầng công nghiệp, năng lượng tái tạo như: Công ty liên doanh TNHH KCN VietNam- Singapore (VSIP), Công ty cổ phần Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước, Công ty cổ phần Becamex Bình Định và Công ty cổ phần Giải pháp Năng lượng Thông minh VietNam - Singapore (VSSES), Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Becamex - VSIP (BVP) để các doanh nghiệp này nâng cao năng lực tài chính và đầu tư các dự án mới. Theo số liệu BCTC hợp nhất kiểm toán, Tổng doanh thu hợp nhất năm 2023 ghi nhận 8.830 tỷ đồng (hoàn thành 93% kế hoạch đặt ra, tăng 10% so với năm 2022) và Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 2.280 tỷ đồng (hoàn thành 101% kế hoạch và tăng trưởng 32% so với năm 2022).



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

ĐVT: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2022	NĂM 2023	% TĂNG / GIẢM
Tài sản ngắn hạn	27.676	28.871	4%
Tài sản dài hạn	12.715	15.919	25%
Tổng tài sản	40.391	44.790	11%

Tổng tài sản cuối năm 2023 đạt 44.790 tỷ đồng (tăng 11% so với đầu năm). Cơ cấu tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn lần lượt là 64% và 36% (đầu năm là 69% và 31%). Tài sản tăng chủ yếu do Tổng công ty tăng đầu tư các dự án dẫn đến giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ngắn hạn trong hàng tồn kho tăng và khoản phải thu khách hàng ngắn hạn tăng.

ĐVT: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2022	NĂM 2023	% TĂNG / GIẢM
Nợ ngắn hạn	17.005	21.200	25%
Nợ dài hạn	10.341	9.745	(6%)
Tổng nợ	27.346	30.945	13%

Nợ phải trả tại 31/12/2023 đạt 30.945 tỷ đồng (tăng 13% so với đầu năm). Dư nợ vay ngân hàng và phát hành trái phiếu tại cuối năm 2023 là 17.899 tỷ đồng (tăng 28% so với đầu năm là 13.932 tỷ đồng). Dư nợ vay tăng để đáp ứng nguồn vốn đầu tư các dự án, Tổng Công ty vẫn đảm bảo khả năng chi trả các khoản nợ.



VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH THEO SỐ LIỆU HỢP NHẤT

ĐVT: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2022	NĂM 2023	% TĂNG / GIẢM
Tài sản ngắn hạn	27.849	28.441	2%
Tài sản dài hạn	20.456	24.983	22%
Tổng tài sản	48.305	53.424	11%

Năm 2023, tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi nhận là 53.424 tỷ đồng, tăng 11% so với năm 2022, trong đó, tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn đều tăng với mức tăng trưởng lần lượt là 2% và 22%. Trong đó: Các khoản phải thu ngắn hạn trong năm 2023 tăng 32% so với năm trước do Tổng công ty chuyển nhượng một phần dự án Khu đô thị mới thuộc Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ - đô thị Bình Dương tại phường Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một cho Công ty TNHH Sycamore, thuộc CapitaLand. Dự án có quy mô gần 20 ha. Hiện tại, Tổng công ty còn ghi nhận khoản phải thu ngắn hạn của Sycamore hơn 2.775 tỷ đồng. Tài sản dở dang dài hạn tăng gần 1.287 tỷ đồng, tăng 67,59% so với năm 2022 chủ yếu tăng do Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn và chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Bên cạnh đó, đầu tư tài chính dài hạn tăng gần 1.342 tỷ đồng so với năm 2022 do khoản mục đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết tăng.

ĐVT: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2022	NĂM 2023	% TĂNG / GIẢM
Nợ ngắn hạn	18.838	22.998	22%
Nợ dài hạn	11.702	10.953	(6%)
Tổng nợ	30.540	33.951	11%

Tổng nợ phải trả của Becamex IDC năm 2023 được ghi nhận là 33.951 tỷ đồng, tăng 11% so với đầu năm. Trong đó, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn hơn 19.716 tỷ đồng, chiếm 58% tổng nợ vay và 37% nguồn vốn của Tổng công ty, tăng 24% so với đầu năm là 15.886 tỷ đồng. Do đặc thù phát triển nhiều dự án cùng lúc nên trong thời gian qua Tổng công ty tăng nợ vay đáp ứng nguồn vốn đầu tư các dự án. Cơ cấu vốn của Tổng công ty được duy trì ổn định trong 5 năm, tỷ lệ Tổng nợ trên Tổng tài sản luôn dưới 65% (đạt 63,55% năm 2023).



NHỮNG TIẾN BỘ/ CẢI TIẾN ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2023

Nhờ áp dụng các tiến bộ trong khoa học và công nghệ số đã giúp cho Tổng công ty tiết kiệm thời gian giải quyết các công việc hành chính, việc thống kê dữ liệu cũng được thực hiện nhanh chóng hơn đảm bảo chất lượng công việc hoàn thành.



Công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng cho cán bộ và người lao động các cấp được duy trì thường xuyên thông qua các phần mềm, tiện ích công nghệ, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động.

Phối hợp Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương tổ chức Hội nghị tuyên truyền An toàn giao thông đường bộ cho 150 học viên là đội ngũ tài xế, cán bộ phụ trách quản lý phương tiện giao thông trong toàn Tổng Công ty.

Tổng Công ty mở các lớp bồi dưỡng về chuyên môn cụ thể: Lớp quản trị rủi ro, đào tạo đánh giá viên nội bộ về ISO 27001, Cập nhật chính sách liên quan đến tiền lương, lao động và thuế năm 2023...

Xây dựng, thường xuyên cải tiến 69 quy trình chuẩn nội bộ cho Nền tảng quản trị doanh nghiệp (tên gọi Eoffice)

Tổ chức 06 lớp huấn luyện ATVSLĐ thuộc nhóm 1 và nhóm 4 cho hơn 1.000 cán bộ nhân viên và người lao động.

Chuẩn hóa quy trình và phương thức quản trị



Đánh giá Xanh-Sạch-Đẹp thường xuyên tại khu: Cây xanh cảnh quan, Xử lý nước thải, An toàn giao thông, Hạ tầng kỹ thuật đường bộ, Vệ sinh môi trường, Quản lý xây dựng & đấu nối, An ninh và PCCC



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY.

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Tổng công ty luôn tuân thủ đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường, hạn chế ô nhiễm. Vì vậy, việc duy trì thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường và quan trắc môi trường định kỳ đầy đủ về tần suất, các yếu tố môi trường đầy đủ là cần thiết. Ngoài ra Tổng công ty còn thực hiện kiểm tra thường xuyên hệ thống quan trắc tự động để phát hiện sớm, khắc phục kịp thời các sự cố phát sinh để đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra đạt yêu cầu của quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- » Kết quả phân tích chất lượng nước thải qua các quý tại trạm XLNT và hồ điều tiết nhìn chung cho thấy:
 - Chất lượng nước thải tại trạm XLNT tập trung: Giá trị các thông số phân tích đều đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Kf = 0,9, Kq = 0,9: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A) tại thời điểm lấy mẫu.
 - Chất lượng nước tại các hồ điều tiết trong năm 2023 có giá trị các thông số phân tích đều đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Kf = 0,9, Kq = 0,9: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A) tại thời điểm lấy mẫu.
- » Hệ thống quan trắc nước thải tự động được đặt tại trạm XLNT tập trung của KCN truyền thông tin liên tục, đầy đủ về Sở TNMT tỉnh Bình Dương và đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra đạt yêu cầu của quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.
- » Việc đánh giá độ chính xác tương đối RA định kỳ của thiết bị đã được thực hiện đầy đủ do Chi cục Bảo vệ Môi trường tỉnh Bình Dương thực hiện.
- » Chất thải rắn sinh hoạt tại trạm XLNT tập trung tại các KCN đã ký hợp đồng với đối tác để thu gom, vận chuyển và xử lý đúng theo quy định.
- » Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại: Tại trạm XLNT tập trung KCN không phát sinh loại chất thải này. Chất thải phát sinh tại các công ty trong KCN đều thực hiện thu gom, lưu trữ và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý đúng theo quy định.
- » Chất thải nguy hại: Được thu gom, phân loại, lưu trữ tại khu vực riêng biệt, có thùng chứa riêng, có ghi tên, dán nhãn cảnh báo nguy hiểm, độc hại theo quy định, hợp đồng với Xí nghiệp Xử lý chất thải
- » Công ty Cổ phần Tổng công ty Nước - Môi trường Bình Dương vận chuyển xử lý theo quy định. Các công ty trong KCN đều thực hiện các biện pháp phân loại, lưu trữ tương tự theo quy định và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý.

Ngoài ra Tổng công ty luôn đề ra chính sách tiết kiệm khi sử dụng điện và nước trong hoạt động. Xây dựng chính sách 5S nhằm mục đích làm cho môi trường làm việc được sạch sẽ, ngăn nắp, khoa học, chuyên nghiệp, cải thiện môi trường làm việc, tăng năng suất, hiệu quả làm việc.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Tình hình lao động, tiền lương của người lao động ổn định, Công đoàn và Tổng công ty luôn quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần giúp người lao động an tâm công tác.

Nhờ vào sự quan tâm của các cấp lãnh đạo và Ban chấp hành Công đoàn, công nhân, lao động an tâm công tác và có những đóng góp đáng kể vào kết quả hoạt động chung của Tổng công ty.

Thực hiện bảo hiểm 24/7 cho người lao động. Trong năm đã tổ chức cho gần 1.500 lượt khám sức khỏe tổng quát cho người lao động.

Ngoài lĩnh vực chuyên môn, Tổng công ty luôn chăm lo đến đời sống tinh thần cho người lao động thông qua các hoạt động như tặng hoa, quà cho công đoàn viên nữ nhân dịp 8/3, 20/10; tổ chức cuộc Thi “Áo dài đẹp”, “Nét đẹp công nhân lao động” qua ảnh; Khen thưởng cho các CĐV nữ đạt danh hiệu Giỏi việc nước đảm việc nhà; Khen thưởng cho hơn 500 cháu là con cán bộ nhân viên đạt danh hiệu học sinh giỏi trong năm học 2022 – 2023; Tổ chức hoạt động nhân ngày Hội Gia Đình Việt Nam 28/06 với chủ đề Gắn kết tình thân.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

Tổng công ty nhận thấy trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng và xã hội, vì vậy Tổng công ty luôn đề cao và chú trọng vào công tác này thông qua các hoạt động: Hỗ trợ, phụng dưỡng 08 mẹ Việt Nam anh hùng; Ủng hộ xây dựng nhà đồng đội, chăm sóc gia đình thương binh liệt sĩ, thăm tặng quà gia đình thương binh liệt sĩ là người thân của công đoàn viên.

Tổng Công ty khởi xướng các phong trào như đền ơn đáp nghĩa, lễ hội hiến máu, tham gia học tập Nghị quyết Đại hội Đoàn toàn quốc, Tháng thanh niên, nghĩa tình biển đảo, hỗ trợ Đại hội Cháu ngoan Bác Hồ tỉnh, tổ chức các chương trình giao lưu văn nghệ, thể dục thể thao, tặng quà tết cho các hoàn cảnh khó khăn tại các Xí nghiệp trực thuộc...



Chương trình trao tặng Sổ tiết kiệm công đoàn của Liên đoàn Lao động tỉnh Bình Dương



Lễ trao tặng BHYT cho người dân Bến Cát



Chương trình Mẹ đỡ đầu Chia sẻ yêu thương - Dầu Tiếng



Chương trình Mẹ đỡ đầu Chia sẻ yêu thương - Tân Uyên



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Năm 2023 là một năm đầy biến động của nền kinh tế thế giới, cùng với những trở ngại của yếu tố nội tại khi Việt Nam là nước đang phát triển, nền kinh tế trong quá trình chuyển đổi và hội nhập. Quy mô kinh tế ở mức khiêm tốn, độ mở của nền kinh tế lớn; năng lực cạnh tranh và sức chống chịu trước các cú sốc từ bên ngoài còn hạn chế, nhưng Việt Nam vẫn đạt kết quả đáng khích lệ với GDP đạt 5,05% và CPI tăng 3,25%. Nhờ vào sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, các bộ, ngành, chính quyền địa phương đã phần nào làm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và cuộc sống của người dân.

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã đưa ra những quyết sách và chỉ đạo quyết liệt đến Ban TGD nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

- » Trong công tác tiếp thị, thích ứng tình hình mới, tổ chức nhiều hoạt động tiếp thị online, họp trực tuyến với các nhà đầu tư tiềm năng, tổ chức hội thảo trực tuyến trên web để luôn giữ kết nối với các đối tác ở nước ngoài và nắm bắt xu hướng đầu tư mới.
- » Ở mảng đô thị, Tổng Công ty đẩy mạnh thu hút các nhà đầu tư vào Dự án Khu đô thị mới tại Thành phố Mới Bình Dương. Tập trung thu hút các dự án thương mại, dịch vụ, văn phòng, khách sạn mang sức lan tỏa cao. Phê duyệt Dự án đầu tư Khu đô thị mới thuộc Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ - Đô thị Bình Dương.
- » Tiếp tục củng cố và áp dụng đề án KPI trong năm 2023 nhằm đánh giá hiệu quả làm việc của nhân viên Tổng Công ty. Hoàn thành xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 & hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015.
- » Về công tác tài chính: phê duyệt việc huy động vốn từ kênh vay vốn tại ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB), ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam-Chi nhánh Hồ Chí Minh (MSB). Bên cạnh đó, Tổng Công ty phát hành thành công 20.000 trái phiếu riêng lẻ với mệnh giá 100 triệu đồng/ trái phiếu và 406 trái phiếu với mệnh giá 1 tỷ đồng/1 trái phiếu đều có thời hạn 05 năm.
- » Về công tác góp vốn và tăng vốn điều lệ cho các công ty thành viên: Trong năm 2023, Tổng Công ty thực hiện vốn góp Công ty Cổ phần Giải pháp Năng lượng Thông minh Việt Nam-Singapore, CTCP Becamex Bình Định, CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex – Bình Phước, Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam- Singapore (VSIP JV).
- » Về chính sách môi trường của Tổng công ty thể hiện rõ là phải ngăn ngừa ô nhiễm gây thiệt hại đến môi trường và không ngừng cải tiến hệ thống quản lý chất lượng, môi trường và an toàn thông tin để vươn đến sự hoàn thiện và phát triển bền vững. Becamex IDC đã và đang xây dựng, phát triển hệ sinh thái KCN xanh, thông minh trong đó tập trung vào 5 yếu tố:
 1. Tăng tỷ trọng sử dụng năng lượng sạch: năng lượng mặt trời áp mái, vườn năng lượng mặt trời, pin tích trữ năng lượng;
 2. Quản lý vận hành KCN thông minh với IOC là trung tâm để triển khai quản lý tập trung;
 3. Tăng cường mảng xanh với chiến lược trồng 1 triệu cây xanh, trong đó ưu tiên cây rừng, cây bản địa góp phần phủ xanh, giảm phát thải cacbon, và phục hồi đa dạng sinh học;
 4. Sử dụng hiệu quả tài nguyên: thúc đẩy tuần hoàn nước và phân loại rác tại nguồn (chất thải rắn thông thường, công nghiệp và nguy hại).
 5. Nâng cao nhận thức, đào tạo về Net Zero và các mục tiêu phát triển bền vững

» Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, Tổng công ty thực hiện các hoạt động đào tạo và bồi dưỡng định kỳ nhằm nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng cho cán bộ và người lao động. Điều này thể hiện qua việc mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn cụ thể, như quản trị rủi ro, đào tạo đánh giá viên ISO 27001 và cập nhật chính sách về tiền lương, lao động và thuế. Hơn nữa, tổ chức hội nghị tuyên truyền về an toàn giao thông đường bộ và huấn luyện ATVSLĐ cho cán bộ, nhân viên và người lao động là những biện pháp cụ thể được triển khai để đảm bảo an toàn và hiệu suất trong hoạt động của công ty. Tổng công ty không chỉ quan tâm đến phát triển chuyên môn mà còn chăm sóc đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Tổng công ty tổ chức các chương trình Hội thao, chăm sóc sức khỏe đảm bảo tất cả NLD đều được tham gia.

Bên cạnh đó, trong những năm gần đây, tốc độ phát triển kinh tế tại tỉnh Bình Dương không ngừng tăng trưởng, sự đồng bộ thống nhất giữa vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng đồng bộ và chính sách ưu đãi của chính quyền đã tạo ra môi trường đầu tư thân thiện, thu hút các đối tác có tầm cỡ trên thế giới. Do đó, Bình Dương luôn nằm trong danh sách những tỉnh, thành phố có thu hút FDI lớn nhất trong cả nước.

Tổng công ty đã tận dụng sự tăng trưởng chung của nền kinh tế trong nước, thế mạnh của tỉnh nhà để đảm bảo và đẩy mạnh hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Theo đó, kết quả lợi nhuận sau thuế năm 2023 đạt 2.280 tỷ đồng, vượt 1% so với chỉ tiêu kế hoạch năm. Nhìn chung, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty Becamex trong năm 2023 đã chứng kiến một mức tăng trưởng lợi nhuận tốt so với năm 2022. Mặc dù có vượt kế hoạch, nhưng sự tăng trưởng này không đáng kể do tình hình kinh tế nói chung vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị đánh giá cao sự điều hành linh hoạt, quyết liệt, kịp thời của Ban Tổng Giám đốc để đạt được những kết quả kinh doanh tốt. BGD đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ, Nghị quyết của HĐQT và các kế hoạch sản xuất kinh doanh ĐHCĐ để ra.

Ban Tổng giám đốc đã đẩy mạnh hoàn thiện pháp lý các dự án, triển khai số hóa các mảng công việc, quy trình tại Tổng Công ty và các đơn vị thành viên; đặc biệt là triển khai chương trình đo lường hiệu quả công việc (KPI) với kỳ vọng gia tăng năng suất và hiệu quả hoạt động.

Tổng Công ty chú trọng tăng cường đào tạo nguồn nhân lực, chú trọng đến khâu quy hoạch và bồi dưỡng đội ngũ kế cận; tiếp tục nâng cao hiệu quả và chất lượng quản lý, vận hành các dự án; không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và chăm sóc khách hàng, qua đó nâng cao uy tín và thương hiệu Becamex IDC.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

Hội đồng quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ I (2018-2023) gồm có 5 thành viên. Trong đó có 1 thành viên độc lập. Toàn bộ các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ và tích cực vào các hoạt động quản trị công ty đảm bảo tốt các thông lệ quản trị công ty.

VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ VÀ GIÁM SÁT

- » HĐQT đã thực hiện tốt vai trò của mình trong việc triển khai các kế hoạch, chủ trương, định hướng chiến lược do ĐHCĐ đề ra.
- » Chủ tịch Hội đồng quản trị đã phân công, phân nhiệm cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động của Tổng công ty theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ.
- » HĐQT đã thực hiện đúng vai trò, trách nhiệm trong việc chỉ đạo, hỗ trợ, giám sát Ban Tổng giám đốc thực hiện các nội dung đã được ĐHCĐ và HĐQT thông qua, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, đồng thời hài hòa lợi ích của Tổng Công ty và các cổ đông.
- » Tổng Công ty đã tuân thủ quy định có liên quan về thẩm quyền phê duyệt, theo dõi và thuyết minh giao dịch giữa người nội bộ Tổng công ty, người có liên quan của người nội bộ với Tổng công ty. Các giao dịch này đã được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

KẾT LUẬN

- » HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng trong việc giám sát hoạt động điều hành của Tổng Công ty, định hướng phù hợp và chỉ đạo kịp thời đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đạt được các chỉ tiêu do ĐHCĐ giao.
- » Các hoạt động của HĐQT trong năm 2023 tuân thủ Điều lệ công ty, Quy chế quản trị công ty và quy định pháp luật.
- » Tất cả các thành viên HĐQT đã tuân thủ các quy định trong việc tham gia các cuộc họp HĐQT, thảo luận, biểu quyết độc lập, khách quan trên cơ sở đảm bảo cao nhất lợi ích của cổ đông Tổng công ty.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

Năm 2024, Tổng Công ty dự báo tình hình kinh doanh còn tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức tác động lên khả năng thu hút đầu tư, kế hoạch huy động vốn và tiến độ triển khai các dự án mới. Với hệ sinh thái công nghiệp – đô thị và dịch vụ đã xây dựng nhiều năm, Tổng Công ty sẽ định hướng nguồn lực đầu tư các dự án thương mại, dịch vụ, sản xuất thông minh, đổi mới sáng tạo nhằm tạo ra động lực tăng trưởng mới. Một số dự án đầu tư dự kiến triển khai trong năm 2024 như sau:

- Triển khai kinh doanh Khu công nghiệp Cây Trường
- Dự án nhà ở The One Residences
- Dự án Nhà ở Xã hội Việt Sing và Định Hòa
- Dự án Vòng xoay AI



Triển khai thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc Lộ 13.



Dự án Cao tốc TP. HCM - Thủ Dầu Một - Chơn Thành



Dự án hoàn thiện tuyến đường Mỹ Phước Tân Vạn theo hình thức PPP



Dự án đường Vành Đai 4 TP. Hồ Chí Minh đoạn từ Cầu Thủ Biên đến Sông Sài Gòn

Qua tổng hợp đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm 2023, Tổng công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Công ty mẹ qua các chỉ tiêu chủ yếu sau:

Kế hoạch kinh doanh của Công ty mẹ năm 2024

Đơn vị: tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2023	KẾ HOẠCH 2024	KH 2024/TH 2023
1	Tổng doanh thu	7.245	7.569	104%
2	Tổng chi phí	5.172	5.495	106%
3	Lợi nhuận trước thuế	2.073	2.074	100%
4	Lợi nhuận sau thuế	1.666	1.666	100%

Ngoài ra, Becamex IDC sẽ tiếp tục hoàn thành hạ tầng các khu dân cư, đô thị tại các dự án thuộc Tổng Công ty; triển khai xây dựng các công trình đột phá tại TP.Mới Bình Dương; triển khai kế hoạch kinh doanh và bán hàng thu hút nhà đầu tư lấp đầy TP.Mới Bình Dương giai đoạn 2023-2025.

Các giải pháp thực hiện kế hoạch 2024

Tiếp tục phát huy tinh thần năng động sáng tạo của những năm qua, bước sang năm 2024 Tổng công ty sẽ tích cực đầu tư tìm hiểu các mô hình phát triển trên thế giới, từ đó đúc kết và tìm ra những giải pháp cho những thách thức trong tình hình mới, đồng thời tiếp tục duy trì và tăng lợi thế cạnh tranh của Tổng Công ty Becamex trong việc thu hút đầu tư. Hội đồng quản trị chú trọng vào các nội dung trọng tâm như sau:

- » Trong giai đoạn mới, tỉnh Bình Dương định vị mình vào giai đoạn phát triển công nghiệp mới, gắn phát triển công nghiệp với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. Khu công nghiệp sẽ không còn là các Khu công nghiệp sản xuất đơn thuần, thay vào đó là sự đan xen và hài hòa, giữa công nghiệp, đô thị, giáo dục, nghiên cứu. Hiện nay, Tổng công ty đang nghiên cứu phát triển mô hình Khu Công nghiệp, Khoa học và Công nghệ, đây là mô hình tích hợp liên thông các chức năng khu công nghiệp, khu khoa học công nghệ và cụm trường đại học kết hợp với phát triển đô thị đáng sống để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.
- » Tổng Công ty Becamex đang xây dựng một chiến lược chuyển đổi số toàn diện. Để có thể phát triển kinh tế số, chuyển đổi số chính là bước trung gian cần thiết để từng bước chuyển đổi mô hình kinh doanh sử dụng công nghệ số. Chuyển đổi số trong ngắn hạn sẽ giúp tối ưu hóa các mô hình kinh doanh hiện tại, tăng năng suất lao động, giảm thâm dụng lao động. Trong dài hạn, các mô hình kinh doanh trên không gian số sẽ được hình thành dần từ đó một cách tự nhiên, sẽ phát triển nền kinh tế số. Với lợi thế cạnh tranh đã hiện hữu về phát triển công nghiệp, hơn bất kỳ tỉnh thành nào trong cả nước. Mục tiêu của Tổng Công ty là phát triển công nghệ và công nghiệp 4.0.
- » Nguồn nhân lực luôn là yếu tố cốt lõi quyết định sự thành công của mọi chiến lược. Tổng công ty luôn chú trọng việc xây dựng hệ thống giáo dục đào tạo chất lượng cao, đạt chuẩn quốc tế, đào tạo và tuyển dụng những người có năng lực kinh nghiệm trên mọi lĩnh vực, qua đó trực tiếp thực thi các chiến lược phát triển được đề ra.





03

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 100 Hội đồng Quản trị
- 110 Ban kiểm soát
- 123 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT
1	Ông Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT	25/01/2018
2	Ông Nguyễn Phú Thịnh	Phó Chủ tịch HĐQT	25/01/2018
3	Ông Nguyễn Danh Tùng	Thành viên HĐQT không điều hành	25/01/2018
4	Ông Nguyễn Văn Hiến Phúc	Thành viên HĐQT độc lập	25/01/2018
5	Ông Phạm Ngọc Thuận	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	26/06/2020

01 ÔNG NGUYỄN VĂN HÙNG

Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1959
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:

1991-1996	Công ty Thương mại – Xuất nhập khẩu tỉnh Sông Bé	Tổng Giám đốc
1996-1998	Công ty Xuất nhập khẩu Bình Dương (Becamex)	Tổng Giám đốc
1999-2000	Công ty Becamex	Tổng Giám đốc
03/2000-2004	Công ty Thương mại - Đầu tư và Phát triển	Tổng Giám đốc
2005-2010	Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (Becamex)	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
05/2010-12/2017	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – TNHH MTV	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
01/2018-08/2018	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực kiêm Tổng Giám đốc
09/2018-nay	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Chủ tịch HĐQT

Số cổ phần BCM đang nắm giữ: 6.219.000 cổ phần, chiếm 0,6009% tổng số cổ phần lưu hành
Chức vụ tại Tổ chức khác: Đồng chủ tịch HĐQT Công ty Liên doanh VSIP

02 ÔNG NGUYỄN PHÚ THỊNH

Phó Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1964
Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính
Quá trình công tác:

1983-1988	Công ty thương nghiệp tổng hợp Bến Cát	Nhân viên kế toán
1988-10/1991	Công ty thương nghiệp tổng hợp Bến Cát	Kế toán trưởng
10/1991-1998	Công ty Becamex	Kế toán trưởng
08/1998-05/2006	Công ty Becamex	Phó Tổng giám đốc
2006-2018	Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV	Thành viên HĐQT
2018-nay	Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Phó chủ tịch HĐQT

Số cổ phần BCM đang nắm giữ: 1.208.500 cổ phần, chiếm 0,1168% tổng số cổ phần lưu hành
Chức vụ tại Tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty Liên doanh VSIP

03 ÔNG NGUYỄN DANH TÙNG

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1967
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:

10/1990-12/1991	Công ty cấp III Huyện Bến Cát	Nhân viên
12/1991-03/2003	Công ty XNK tỉnh Bình Dương	Nhân viên kế toán
03/2003-05/2006	CTCP Xây Dựng và Giao Thông Bình Dương	Kế toán trưởng
05/2006-10/2010	Công ty Becamex	Thành viên HĐQT kiêm Trưởng BKS
02/2010-06/2013	P. Tổ chức Hành chính - Tổng Công ty Becamex – TNHH MTV	Thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc
06/2013-12/2017	P. Tổ chức Hành chính - Tổng Công ty Becamex – TNHH MTV	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
01/2018-nay	P. Tổ chức Hành chính - Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp CTCP	Thành viên HĐQT, Giám đốc

Số cổ phần BCM đang nắm giữ: 527.600 cổ phần, chiếm 0,0510% tổng số cổ phần đang lưu hành



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

04 ÔNG NGUYỄN VĂN HIỂN PHÚC

Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh 1969
Trình độ chuyên môn Cử nhân luật kinh tế
Quá trình công tác:

09/2002-10/2003	Văn phòng Luật sư Chính Luật - 230 Đại lộ Bình Dương, TP TDM, tỉnh Bình Dương.	Phó Văn phòng
10/2003-01/2006	Văn phòng Luật sư Chính Luật - 230 Đại lộ Bình Dương, TP TDM, tỉnh Bình Dương.	Trưởng Văn phòng
01/2006-01/2008	Văn phòng Luật sư B.C.M -230 Đại lộ Bình Dương, TP TDM, tỉnh Bình Dương.	Trưởng Văn phòng
01/2008-06/2010	Công ty Luật B.C.M	Giám đốc
6/2010-01/2018	Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương	Chủ nhiệm
25/01/2018-nay	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Thành viên HĐQT

Số cổ phần BCM đang nắm giữ: 709.700 cổ phần chiếm 0,0686% tổng số cổ phiếu đang lưu hành

05 ÔNG PHẠM NGỌC THUẬN

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh 1966
Trình độ chuyên môn Cử nhân Quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác:

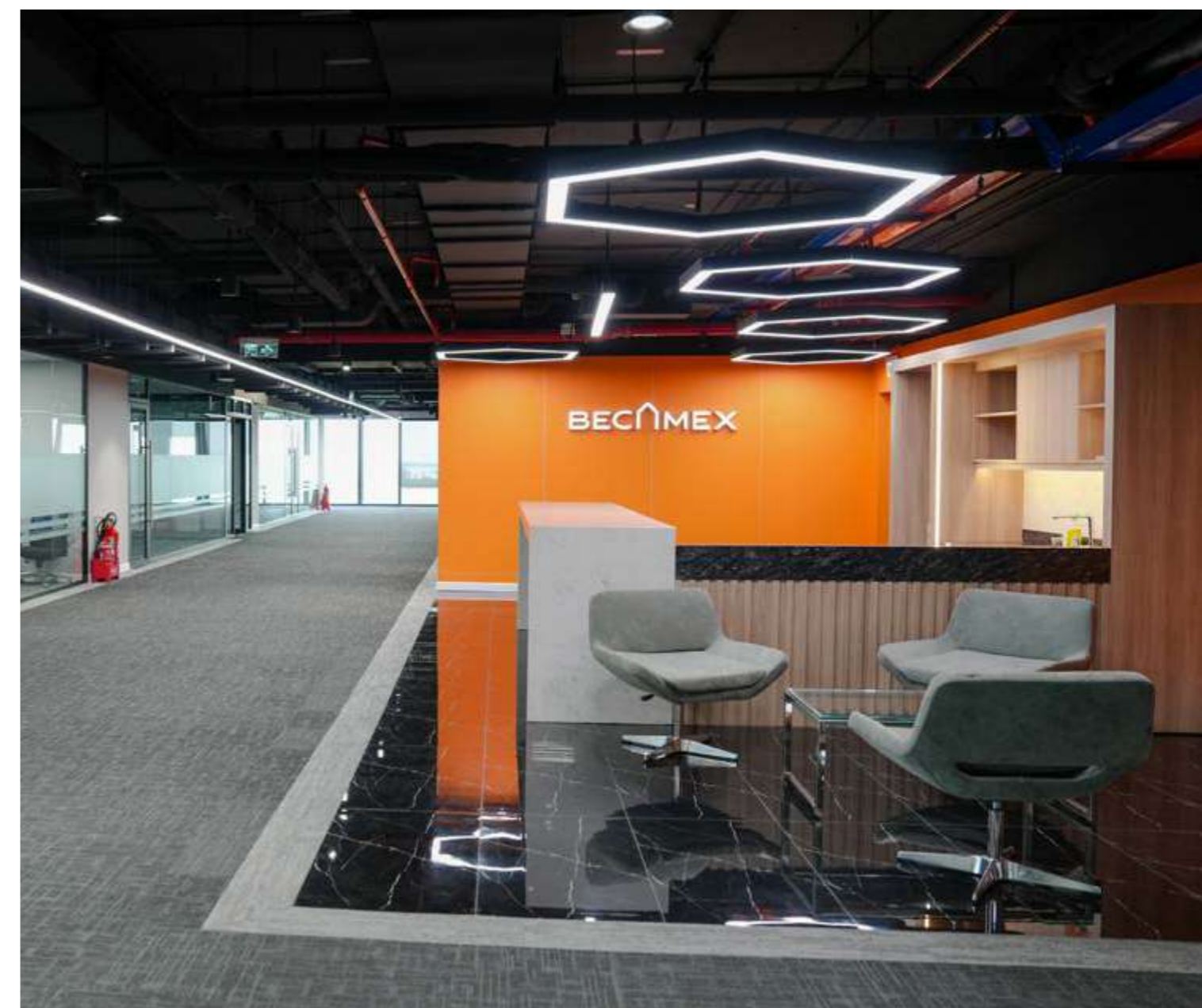
2005-09/2018	Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV	Phó Tổng giám đốc
10/2018-6/2020	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Tổng giám đốc
6/2020-nay	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Số cổ phần BCM đang nắm giữ: 1.103.000 cổ phần chiếm 0,1066% tổng số cổ phiếu đang lưu hành

Chức vụ tại Tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Becamex Bình Phước

Thay đổi Hội đồng quản trị trong năm 2023

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT nhiệm kỳ II 2023-2028
1	Ông Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT	29/06/2023
2	Ông Nguyễn Phú Thịnh	Phó CT HĐQT	29/06/2023
3	Ông Phạm Ngọc Thuận	Thành viên HĐQT kiêm TGD	29/06/2023
4	Ông Nguyễn Danh Tùng	Thành viên HĐQT	29/06/2023
5	Ông Nguyễn Văn Hiến Phúc	Thành viên HĐQT độc lập	29/06/2023



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CHƯA THÀNH LẬP TIỂU BAN HĐQT

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Thông tin về các cuộc họp của HĐQT trong năm 2023:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT	25/01/2018	50	100%
2	Ông Nguyễn Phú Thịnh	Phó CT HĐQT	25/01/2018	50	100%
3	Ông Phạm Ngọc Thuận	Thành viên HĐQT kiêm TGD	26/09/2018	50	100%
4	Ông Nguyễn Danh Tùng	Thành viên HĐQT không điều hành	25/01/2018	50	100%
5	Ông Nguyễn Văn Hiền Phúc	Thành viên HĐQT độc lập	25/01/2018	50	100%

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2023, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của HĐQT thực hiện tốt hoạt động sản xuất kinh doanh theo các chỉ tiêu, kế hoạch ĐHCĐ đề ra. Thực hiện quản trị và điều hành chuyên nghiệp; tăng cường đào tạo nguồn nhân lực, chú trọng đến khâu quy hoạch và bồi dưỡng đội ngũ kế cận; tiếp tục nâng cao hiệu quả và chất lượng quản lý, vận hành các dự án; không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và chăm sóc khách hàng, qua đó nâng cao uy tín và thương hiệu Becamex IDC. HĐQT đánh giá cao sự điều hành linh hoạt, quyết liệt, kịp thời của Ban Tổng Giám đốc để đạt được những kết quả kinh doanh tốt. Ban Tổng Giám đốc đã đẩy mạnh củng cố hoàn thiện pháp lý các dự án, triển khai số hóa quy trình tại Tổng Công ty và các đơn vị thành viên; đặc biệt là triển khai chương trình đo lường hiệu quả công việc (KPI) với kì vọng gia tăng năng suất và hiệu quả hoạt động.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có





CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2023

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị luôn làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, tổ chức họp và ban hành 50 nghị quyết liên quan đến tất cả các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty.

Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐQT	29/08/2023	V/v dự kiến điều động nhân sự thuộc ban Tổng giám đốc
Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐQT	04/08/2023	Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Lô đất E5, E6, E10, E11 Thuộc Khu đô thị mới, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐQT	04/08/2023	Thông qua chủ trương vay vốn tín dụng tại Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)
Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐQT	14/09/2023	Thông qua việc ký Hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng một phần dự án cho Công ty Cổ phần SetiaBecamex
Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐQT	14/09/2023	Thông qua việc vay vốn tạm thời từ Công ty CP Đông Sài Gòn
Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐQT	14/09/2023	Thông qua việc cử người đại diện vốn nhà nước tại Tổng công ty Becamex nhiệm kỳ 2023- 2028.
Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐQT	26/09/2023	Cử người đại diện vốn của Tổng công ty tại các đơn vị thành viên
Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐQT	28/09/2023	Gia hạn thời gian tổ chức ĐHCĐ thường niên 2023
Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐQT	28/09/2023	Về việc chấp thuận cho Công ty CP Điện Becamex - VSIP đầu tư kinh doanh điện trong các Khu công nghiệp của Tổng công ty
Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐQT	19/10/2023	Chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2023.
Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐQT	23/10/2023	Về việc lấy ý kiến công tác nhân sự ban Tổng giám đốc Tổng công ty
Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐQT	24/10/2023	Thống nhất chủ trương xin ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương bổ nhiệm lại chức vụ Phó TGD Tổng công ty
Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐQT	23/10/2023	Về việc thỏa thuận liên danh giữa Tổng công ty Becamex IDC, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả và các công ty thành viên của hai bên
Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐQT	30/10/2023	Thống nhất điều chỉnh dự toán quy mô đầu tư dự án đầu tư "trung tâm sản xuất tiên tiến phục vụ nghiên cứu và phát triển Khoa học Công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao"
Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐQT	31/10/2023	Thông qua chủ trương Phát hành Trái phiếu riêng lẻ lần 1 năm 2023 của Tổng công ty với tổng mệnh giá 1.000 tỷ đồng
Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐQT	01/11/2023	Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Tổng công ty đối với Ông Nguyễn Hoàn Vũ
Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐQT	01/11/2023	Thống nhất thông qua việc góp vốn để tăng vốn điều lệ cho Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex – Bình Phước

Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐQT	07/11/2023	Phê duyệt dự án Hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư Mỹ Phước 3
Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐQT	17/11/2023	Chấp thuận và phê duyệt việc phát hành riêng lẻ trái phiếu doanh nghiệp năm 2023 của Tổng Công ty với tổng mệnh giá tối đa là 2.000 tỷ đồng
Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐQT	27/11/2023	Thông qua việc Tổng Công ty sử dụng 35% tỷ lệ vốn góp của Tổng công ty để bảo lãnh cho Công Ty TNHH Becamex Tokyu vay vốn ngắn hạn
Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐQT	11/12/2023	Hủy kế hoạch phát hành trái phiếu với tổng mệnh giá 1.000 tỷ đồng
Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐQT	13/12/2023	Phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại, sắp xếp và thoái vốn các đơn vị thành viên có vốn góp của Tổng công ty Becamex giai đoạn 2022-2025
Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐQT	19/12/2023	Thông qua chủ trương bàn giao công trình Xưởng Thực tập Sinh viên
Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐQT	29/08/2023	Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2023
Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐQT	04/08/2023	Phê duyệt dự án Phòng khám đa khoa Hòa Lợi
Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐQT	04/08/2023	Thông qua việc gia hạn thời gian thanh toán cổ tức năm 2020 cho Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương
Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐQT	23/10/2023	Về việc thỏa thuận liên danh giữa Tổng công ty Becamex IDC, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả và các công ty thành viên của hai bên
Nghị quyết số 28/NQ-HĐQT	14/09/2023	Thông qua chủ trương bàn giao lần 1 dự án Trung tâm sản xuất tiên tiến
Nghị quyết số 29/NQ-HĐQT	14/09/2023	Thực hiện ghi nhận vốn góp từ nguồn cổ tức năm 2021 được chia của Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (Becamex – Bình Phước)
Nghị quyết số 30/NQ-HĐQT	26/09/2023	Thông qua việc miễn nhiệm và bổ nhiệm nhân sự thuộc Ban kiểm toán nội bộ
Nghị quyết số 31/NQ-HĐQT	28/09/2023	Thông qua việc góp tăng vốn điều lệ cho Công ty CP Becamex Bình Định
Nghị quyết số 32/NQ-HĐQT	28/09/2023	Thực hiện đăng ký lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và thực hiện đăng ký giao dịch trái phiếu trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)
Nghị quyết số 33/NQ-HĐQT	19/10/2023	Thông qua kế hoạch phát hành trái phiếu năm 2023 với tổng mệnh giá 760 tỷ đồng
Nghị quyết số 34/NQ-HĐQT	23/10/2023	Thông qua việc thành lập Trung tâm Đổi mới Sáng tạo Việt Nam - Singapore tại Bình Dương



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2023

Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
Nghị quyết số 35/ NQ-HĐQT	24/10/2023	Phê duyệt Dự án đầu tư Khu đô thị mới (tại các Lô đất B8, B9, B10, B12, B13, B14, B15 quy mô 18,9ha) thuộc Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ - Đô thị Bình Dương
Nghị quyết số 36/ NQ-HĐQT	23/10/2023	Về việc đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở tại thị trấn Lai Uyên – Bàu Bàng – Bình Dương
Nghị quyết số 37/ NQ-HĐQT	30/10/2023	Về việc tăng tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty Becamex IDC tại Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex từ 85% lên 90%.
Nghị quyết số 38/ NQ-HĐQT	31/10/2023	Thông qua chủ trương đầu tư Dự án chung cư CC2 Block A&B thuộc Trung tâm đô thị Becamex
Nghị quyết số 39/ NQ-HĐQT	01/11/2023	Về việc ghi nhận phần vốn góp tăng thêm của Tổng công ty Becamex IDC tại Công ty Liên doanh TNHH KCN Việt Nam – Singapore
Nghị quyết số 40/ NQ-HĐQT	01/11/2023	Về việc góp vốn Đợt 1 cho Công ty Cổ phần Giải pháp Năng lượng Thông minh Việt Nam – Singapore (VSSES)
Nghị quyết số 41/ NQ-HĐQT	07/11/2023	Về việc tăng vốn điều lệ cho Công ty Liên doanh TNHH KCN Việt Nam – Singapore (VSIP JV)
Nghị quyết số 42/ NQ-HĐQT	17/11/2023	Thông qua việc vay vốn trung dài hạn và biện pháp bảo đảm tiền vay tại Ngân Hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB)
Nghị quyết số 43/ NQ-HĐQT	27/11/2023	Thay đổi Người đại diện và quản lý phần vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Becamex – VSIP
Nghị quyết số 44/ NQ-HĐQT	11/12/2023	Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Nhà ở The One Residence thuộc Khu TĐC Hòa Lợi
Nghị quyết số 45/ NQ-HĐQT	13/12/2023	Chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền chi trả cổ tức và lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
Nghị quyết số 46/ NQ-HĐQT	19/12/2023	Phê duyệt Dự án đầu tư Khu đô thị mới (tại các Lô đất B8, B9, B10, B12, B13, B14, B15 quy mô 18,9ha) thuộc Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ - Đô thị Bình Dương
Nghị quyết số 47/ NQ-HĐQT	29/08/2023	Thông qua việc vay vốn, phát hành bảo lãnh và thế chấp tài sản tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai
Nghị quyết số 48/ NQ-HĐQT	04/08/2023	Về việc đề nghị cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam- Chi nhánh TP Hồ Chí Minh (MSB).
Nghị quyết số 49/ NQ-HĐQT	04/08/2023	Phê duyệt chủ trương phát hành riêng lẻ trái phiếu doanh nghiệp năm 2023
Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐQT	14/09/2023	Gia hạn thời gian thanh toán cổ tức năm 2022 cho Công ty CP Phát triển Đô thị (Becamex UDJ).
Nghị quyết số 50/ NQ-HĐQT	19/12/2023	V/v dự kiến điều động nhân sự thuộc ban Tổng giám đốc

BAN KIỂM SOÁT



DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Trưởng ban
2	Ông Nguyễn Minh Dương	Thành viên
3	Bà Huỳnh Thị Quế Anh	Thành viên
4	Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/06/2023)

01 BÀ NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG

Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1988
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính
Quá trình công tác:

10/2012-4/2013	Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV	Nhân viên
5/2013-7/2014	Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV	Ban quản lý Dự án Bệnh viện ĐKQT Becamex
8/2014-2/2014	Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV	Nhân viên Phòng Sản xuất kinh doanh
1/2015-6/2016	Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV	Tổ phó - Tổ Đấu thầu Phòng Kinh tế kỹ thuật
7/2016-4/2017	Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV	Tổ trưởng Tổ thu hồi công nợ
2017-nay	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	Trưởng BKS

Số cổ phần BCM đang nắm giữ: 88.500 cổ phần, chiếm 0,0086% tổng số CP đang lưu hành
Chức vụ tại Tổ chức khác: Trưởng BKS - CTCP Công nghệ và Truyền thông Việt Nam VNTT



BAN KIỂM SOÁT

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

02 ÔNG NGUYỄN MINH DƯƠNG

Thành viên BKS kiêm Trưởng Ban kiểm toán nội bộ

Năm sinh 1979
Trình độ chuyên môn Thạc Sĩ kinh tế
Quá trình công tác:

Từ 04/2021 - 06/2021		Nhân viên phòng đầu tư
Từ 06/2021 - 06/2023	Xí nghiệp Phát triển Công nghiệp và Đô thị Thời Hòa	Phó Giám đốc kiêm Giám đốc BQL Cảng An Tây
06/2023 - 08/2023	Tổng Công ty Becamex IDC	Thành viên Ban kiểm soát
08/2023 - nay		Trưởng Ban kiểm toán nội bộ

Số cổ phần BCM đang nắm giữ: 1.200 cổ phần, chiếm 0,0001% tổng số CP đang lưu hành

03 BÀ HUỖNH THỊ QUẾ ANH

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh 1984
Trình độ chuyên môn Thạc Sĩ kế toán
Quá trình công tác:

11/2008-1/2018	Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV	Nhân viên
01/2018-nay	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Thành viên BKS

Số cổ phần BCM đang nắm giữ: 200 cổ phiếu

Chức vụ tại Tổ chức khác: Thành viên Ban kiểm soát – CTCP Xây dựng và Giao thông Bình Dương (BCE); Thành viên Ban kiểm soát – CTCP Phát triển Đô thị (UDJ); Thành viên BKS CTCP Kinh doanh và Phát triển Bình Dương (TDC)

Thay đổi Ban kiểm soát trong năm 2023

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS nhiệm kỳ II, 2023-2028	Ngày không còn là thành viên BKS
1	Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Trưởng BKS	29/06/2023	
2	Ông Nguyễn Minh Dương	Thành viên BKS	29/06/2023	
3	Bà Huỳnh Thị Quế Anh	Thành viên BKS	29/06/2023	
4	Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Thành viên BKS		29/06/2023

CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính quý, năm của công ty. Đề xuất danh sách Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính và kiểm toán hoạt động của Tổng công ty trong năm 2023, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định.

Kiến nghị Hội đồng quản trị biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty. Rà soát, đánh giá, tư vấn cải thiện hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro của công ty.

Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty. Tư vấn xây dựng kế hoạch để chuẩn bị triển khai áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) theo Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam theo Quyết định 345/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16/3/2020.

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Trưởng ban	25/01/2018	21/21	100%	-
2	Ông Nguyễn Minh Dương	Thành viên	29/06/2023	12/21	57%	Tham gia nhiệm kỳ II
3	Bà Huỳnh Thị Quế Anh	Thành viên	25/01/2018	21/21	100%	-
4	Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Thành viên	29/06/2023	09/21	43%	Hết nhiệm kỳ I



HOẠT ĐỘNG CỦA BKS

Nội dung	Nội dung chi tiết	Ngày họp	Kết quả thực hiện
Thông qua số liệu Báo cáo rà soát quá trình cổ phần hóa.	<p>Thẩm tra công văn số 24/2023/CV/IDC-BQLPTV V/v báo cáo rà soát quá trình cổ phần hóa theo Công văn 5821/UBND-KT của người đại diện phần vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP với các văn bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 3439/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 về việc điều chỉnh một số nội dung phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – TNHH MTV tại Quyết định số 2544/QĐ-UBND ngày 28/9/2016; - Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh v/v phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – TNHH MTV; - Phương án cổ phần hóa của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – TNHH MTV tháng 02/2017; - Quyết định số 849/QĐ-TTg ngày 12/06/2017 của Thủ tướng Chính phủ v/v phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – TNHH MTV; - Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của UBND tỉnh v/v Phê duyệt điều chỉnh vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP; - Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 24/01/2019 của UBND tỉnh v/v phê duyệt quyết toán tài chính; thu, chi phí cổ phần hóa; giá trị thực tế phần vốn nhận ước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – TNHH MTV. 	9/1/2023	Số liệu trong báo cáo của Người đại diện vốn thống nhất với các văn bản có liên quan đến công tác cổ phần hóa của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – Công ty cổ phần được nêu trong báo cáo. Các thành viên thống nhất thông qua, tỷ lệ biểu quyết tán thành 3/3 (100%).
Thông qua báo cáo một số chỉ tiêu tài chính Quý IV/2022.	Các thành viên Ban kiểm soát tiến hành rà soát nội dung công văn 09/2023/BC/IDC-QLTC ngày 03/02/2023 về việc báo cáo một số chỉ tiêu tài chính Quý IV/2022 theo nghị định 32/2018/NĐ-CP của người đại diện vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp- CTCP trình Sở Tài chính tỉnh Bình Dương.	8/2/2023	Các thành viên thống nhất thông qua, tỷ lệ biểu quyết tán thành 3/3 (100%).
Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Tổng Công ty trong năm 2022.	Các thành viên Ban kiểm soát tiến hành rà soát nội dung công văn 12/2023/BC/IDC-BQLPTV ngày 10/02/2022 về việc Báo cáo kết quả thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong năm 2022 của người đại diện vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP theo yêu cầu tại công văn số 271/STC-TCDN ngày 19/01/2023 của Sở Tài chính tỉnh Bình Dương.	10/2/2023	Các thành viên thống nhất thông qua, tỷ lệ biểu quyết tán thành 3/3 (100%).
Thông qua Báo cáo về tình hình thoái vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Becamex IDC Quý 1/2023	Các thành viên Ban kiểm soát tiến hành rà soát, thảo luận, đóng góp ý kiến và thống nhất thông qua báo cáo về tình hình thoái vốn đầu tư tại Tổng Công ty Quý 1/2023 của người đại diện vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp- CTCP trình Sở Tài chính tỉnh Bình Dương.	20/3/2023	Các thành viên thống nhất thông qua, tỷ lệ biểu quyết tán thành 3/3 (100%).
Thông qua số liệu báo cáo một số chỉ tiêu ngoại bảng và tình hình đầu tư ra nước ngoài.	Các thành viên Ban kiểm soát tiến hành rà soát, thảo luận, đóng góp ý kiến và thống nhất với số liệu tại báo cáo một số chỉ tiêu ngoại bảng và tình hình đầu tư ra nước ngoài theo thông tư số 36/2021/TT-BTC của người đại diện vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp- CTCP trình Sở Tài chính tỉnh Bình Dương.	24/4/2023	Các thành viên thống nhất thông qua, tỷ lệ biểu quyết tán thành 3/3 (100%).



HOẠT ĐỘNG CỦA BKS

Nội dung	Nội dung chi tiết	Ngày họp	Kết quả thực hiện
Thông qua số liệu báo cáo Đánh giá tình hình tài chính năm 2022.	Các thành viên Ban kiểm soát tiến hành thảo luận và thống nhất với số liệu tại báo cáo Đánh giá tình hình tài chính năm 2022 theo thông tư số 200/2015/TT-BTC của người đại diện vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP trình Sở Tài chính tỉnh Bình Dương.	5/5/2023	Các thành viên thống nhất thông qua, tỷ lệ biểu quyết tán thành 3/3 (100%).
Thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023	Các thành viên Ban kiểm soát tiến hành rà soát số liệu Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh năm 2022, đề xuất danh sách Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC và kiểm toán hoạt động (nếu cần) năm 2023.	11/5/2023	Biểu quyết 100% thông qua nội dung Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh năm 2022, danh sách Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC và kiểm toán hoạt động (nếu cần) năm 2023.
Thông qua số liệu báo cáo một số chỉ tiêu tài chính quý I/2023.	Các thành viên Ban kiểm soát tiến hành thảo luận và thống nhất với số liệu tại báo cáo một số chỉ tiêu tài chính quý I/2023 theo Nghị định 32/2018/NĐ-CP của người đại diện vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP trình Sở Tài chính tỉnh Bình Dương.	12/5/2023	Các thành viên thống nhất thông qua, tỷ lệ biểu quyết tán thành 3/3 (100%).
Thông qua Báo cáo về tình hình thoái vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Becamex IDC Quý 2/2023	Các thành viên Ban kiểm soát tiến hành rà soát, thảo luận, đóng góp ý kiến và thống nhất thông qua báo cáo về tình hình thoái vốn đầu tư tại Tổng Công ty Quý 2/2023 của người đại diện vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP trình Sở Tài chính tỉnh Bình Dương.	6/6/2023	Các thành viên thống nhất thông qua, tỷ lệ biểu quyết tán thành 3/3 (100%).
Bầu Trưởng ban kiểm soát của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP nhiệm kỳ 2023-2028	Căn cứ nhu cầu công việc và năng lực, tiêu chuẩn, điều kiện của Trưởng Ban kiểm soát theo quy định. Các thành viên Ban kiểm soát tiến hành thảo luận và đề xuất bầu bà Nguyễn Thị Thùy Dương giữ chức danh trưởng Ban kiểm soát (không ai có ý kiến khác).	29/6/2023	Bà Nguyễn Thị Thùy Dương được bầu làm trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2023-2028 với số phiếu bầu tán thành 3/3, đạt tỷ lệ 100%.
Thông qua nội dung báo cáo quý 1 năm 2023 của Ban kiểm soát.	Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát Quy định tại Điều lệ và Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty, Quy Chế Tổ chức và Hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty, các thành viên Ban kiểm soát thảo luận, đóng góp ý kiến và thống nhất thông qua nội dung báo cáo quý 1 năm 2023 của Ban kiểm soát số 02/2023/BC-BKS.	11/7/2023	Các thành viên thống nhất thông qua, tỷ lệ biểu quyết tán thành 3/3 (100%).
Thông qua Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023	Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát Quy định tại Điều lệ và Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty, Quy Chế Tổ chức và Hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty, các thành viên Ban kiểm soát thảo luận, đóng góp ý kiến và thống nhất thông qua Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023.	11/7/2023	Các thành viên thống nhất thông qua, tỷ lệ biểu quyết tán thành 3/3 (100%).
Thông qua số liệu báo cáo một số chỉ tiêu tài chính quý II/2023; Báo cáo tài chính quý 2/2023.	Các thành viên Ban kiểm soát tiến hành thảo luận và thống nhất với số liệu tại báo cáo một số chỉ tiêu tài chính quý II/2023 theo Nghị định 32/2018/NĐ-CP của người đại diện vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp-CTCP trình Sở Tài chính tỉnh Bình Dương.	4/8/2023	Các thành viên thống nhất thông qua, tỷ lệ biểu quyết tán thành 3/3 (100%).



HOẠT ĐỘNG CỦA BKS

Nội dung	Nội dung chi tiết	Ngày họp	Kết quả thực hiện
Thông qua số liệu báo cáo Phụ lục 02, Mẫu số 03 về Kế hoạch tài chính; Báo cáo tài chính quý 2/2023 của Tổng công ty.	Các thành viên Ban kiểm soát tiến hành thẩm tra số liệu Báo cáo Phụ lục 02, Mẫu số 03 về Kế hoạch tài chính của Tổng Công ty theo Thông tư 36/2021/TT-BTC ngày 26/05/2021 của người đại diện vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp- CTCP; Báo cáo tài chính quý 2/2023 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp- CTCP.	21/8/2023	Các thành viên thống nhất thông qua, tỷ lệ biểu quyết tán thành 3/3 (100%).
Thông qua số liệu báo cáo đánh giá tình hình tài chính 6 tháng đầu năm 2023	Các thành viên Ban kiểm soát tiến hành thảo luận và thống nhất với số liệu tại báo cáo Đánh giá tình hình tài chính 6 tháng đầu năm 2023 theo thông tư số 200/2015/TT-BTC của người đại diện vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp- CTCP trình Sở Tài chính tỉnh Bình Dương.	29/8/2023	Các thành viên thống nhất thông qua, tỷ lệ biểu quyết tán thành 3/3 (100%).
Thông qua Báo cáo tình hình thoái vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Quý 3/2023	Các thành viên Ban kiểm soát tiến hành rà soát, thảo luận, đóng góp ý kiến và thống nhất thông qua báo cáo về tình hình thoái vốn đầu tư tại Tổng Công ty Quý 3/2023 của người đại diện vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp- CTCP trình Sở Tài chính tỉnh Bình Dương.	18/9/2023	Các thành viên thống nhất thông qua, tỷ lệ biểu quyết tán thành 3/3 (100%).
Thông qua nội dung báo cáo quý 2 năm 2023 của Ban kiểm soát số 03/2023/BC-BKS	Căn cứ báo cáo tài chính quý 2 năm 2023, Báo cáo tài chính bán niên năm 2023, các thành viên Ban kiểm soát thảo luận, đóng góp ý kiến và thống nhất thông qua nội dung báo cáo quý 2 năm 2023 của Ban kiểm soát số 03/2023/BC-BKS.	23/10/2023	Các thành viên thống nhất thông qua, tỷ lệ biểu quyết tán thành 3/3 (100%).
Thông qua số liệu báo cáo một số chỉ tiêu tài chính quý 3/2023	Các thành viên Ban kiểm soát tiến hành thảo luận và thống nhất với số liệu tại báo cáo một số chỉ tiêu tài chính quý 3/2023 theo Nghị định 32/2018/NĐ-CP của người đại diện vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp-CTCP trình Sở Tài chính tỉnh Bình Dương.	7/11/2023	Các thành viên thống nhất thông qua, tỷ lệ biểu quyết tán thành 3/3 (100%).
Thông qua số liệu báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm 2023, xây dựng kế hoạch tài chính năm 2024 và lập dự toán ngân sách nhà nước giai đoạn 2024 – 2026	Các thành viên Ban kiểm soát tiến hành thảo luận và thống nhất với số liệu tại Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm 2023, xây dựng kế hoạch tài chính năm 2024 và lập dự toán ngân sách nhà nước giai đoạn 2024 – 2026 của Tổng Công ty do người đại diện vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP trình Sở Tài chính tỉnh Bình Dương.	24/11/2023	Các thành viên thống nhất thông qua, tỷ lệ biểu quyết tán thành 3/3 (100%).
Thông qua Báo cáo về tình hình thoái vốn đầu tư tại Tổng Công ty Quý 4/2023.	Các thành viên Ban kiểm soát tiến hành rà soát, thảo luận, đóng góp ý kiến và thống nhất thông qua báo cáo về tình hình thoái vốn đầu tư tại Tổng Công ty Quý 4/2023 của người đại diện vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP trình Sở Tài chính tỉnh Bình Dương.	11/12/2023	Các thành viên thống nhất thông qua, tỷ lệ biểu quyết tán thành 3/3 (100%).
Thông qua nội dung báo cáo quý 3 năm 2023 của Ban kiểm soát.	Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát Quy định tại Điều lệ và Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty, Quy Chế Tổ chức và Hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty, các thành viên Ban kiểm soát thảo luận, đóng góp ý kiến và thống nhất thông qua nội dung báo cáo quý 3 năm 2023 của Ban kiểm soát số 4/2023/BC-BKS.	13/12/2023	Các thành viên thống nhất thông qua, tỷ lệ biểu quyết tán thành 3/3 (100%).



HOẠT ĐỘNG CỦA BKS

HOẠT ĐỘNG SXKD VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY TRONG NĂM 2023

Năm 2023 là một năm đầy thách thức và cũng là một năm thành công đối với Tổng Công ty Becamex IDC, với việc tiếp tục khẳng định vị thế của mình và đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Bình Dương. Tổng công ty cũng đã hoàn thành một số mục tiêu kế hoạch hoạt động đặt ra trong năm và duy trì được tình hình tài chính ổn định và tích cực. Sự đa dạng hóa về nguồn thu nhập từ các lĩnh vực khác nhau giúp công ty giảm thiểu rủi ro và đảm bảo sự ổn định và bền vững trong hoạt động kinh doanh.

Tổng tài sản hợp nhất đến 31/12/2023 là **53.424 tỷ đồng**, tăng 5.118 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2022.

Tỷ suất lợi nhuận hợp nhất sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) năm 2023 đạt **12,2%**

Tỷ suất lợi nhuận hợp nhất sau thuế/Tổng Tài sản bình quân (ROA) năm 2023 đạt **4,5%**

Hệ số nợ/Tổng tài sản thời điểm 31/12/2023 là **63,55%**, đảm bảo mức an toàn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển.



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHCĐ NĂM 2023

Các chỉ tiêu chủ yếu

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Hợp nhất		Tổng hợp	
		Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm
1	Tổng tài sản	48.305	53.424	40.391	44.790
2	Vốn chủ sở hữu	17.765	19.473	13.045	13.845

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Hợp nhất			Tổng hợp		
	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ TH/KH	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ TH/KH
Tổng doanh thu	8.830	9.460	93%	7.245	6.800	107%
Lợi nhuận trước thuế	2.697	2.628	103%	2.072	1.925	108%
Lợi nhuận sau thuế	2.280	2.263	101%	1.666	1.597	104%



HOẠT ĐỘNG CỦA BKS

Đánh giá của BKS về kết quả hoạt động SXKD và tình hình tài chính

- BKS thống nhất với các báo cáo của HĐQT và Ban Điều hành về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính trong năm qua.
- Với tinh thần làm việc nghiêm túc, vì lợi ích hợp pháp của Tổng Công ty, cổ đông, HĐQT luôn bám sát kế hoạch, triển khai nhiệm vụ để đạt kết quả tốt nhất trong điều kiện khó khăn chung của thị trường trong năm 2023.
- Về kết quả tài chính tổng hợp, Tổng doanh thu tại Tổng Công ty mẹ đạt 7.245 tỷ đồng, tăng 7% so với kế hoạch và tăng 57% so với thực hiện trong năm 2022, Doanh thu kinh doanh bất động sản quý 4 đã tăng mạnh giúp cho lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty đạt mức 1.666 tỷ đồng, tăng 8,5% so với thực hiện trong năm 2022 và vượt kế hoạch 4% mà ĐHCĐ đã đặt ra.
- Về kết quả tài chính hợp nhất, Tổng doanh thu đạt 8.830 tỷ giảm 7% so với kế hoạch nhưng tăng 10% so với thực hiện trong năm 2022. Lãi từ hoạt động liên doanh, liên kết giảm 30% so với năm 2022, tuy nhiên lợi nhuận sau thuế tăng 32% so với năm 2022 và tăng 1% so với kế hoạch nhờ vào doanh thu kinh doanh bất động sản của Công ty mẹ tăng mạnh vào quý 4.
- Nhìn chung, hoạt động kinh doanh năm 2023 của Tổng Công ty Becamex có mức tăng trưởng tốt về lợi nhuận so với năm 2022, có vượt kế hoạch nhưng không đáng kể do tình hình kinh tế nói chung vẫn còn khó khăn.
- BKS thực hiện thẩm tra BCTC quý, 6 tháng, năm trên cơ sở báo cáo kết quả kiểm toán của Kiểm toán độc lập và đồng ý với kết luận kiểm toán BCTC 2023 được lập và trình bày trung thực, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt nam và các quy định hiện hành. Trong năm tài chính 2023, Tổng Công ty áp dụng thống nhất các chính sách kế toán và nguyên tắc xác định các ước tính kế toán từ kỳ kế toán năm trước. Không phát hiện các gian lận hoặc rủi ro gian lận tiềm tàng trên BCTC.
- Thường xuyên rà soát, đánh giá các giao dịch với bên liên quan, đảm bảo tuân thủ theo quy định Pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, quy định về giao dịch bên liên quan. Chấp hành tốt các quy định về công bố Thông tin, giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.
- Trong năm, BKS không nhận được các tranh chấp khiếu nại liên quan đến tình hình sản xuất kinh doanh của cổ đông. Bên cạnh đó, BKS đã hoàn thành thực hiện soát xét các báo cáo theo yêu cầu cụ thể của đại diện cổ đông Nhà Nước phù hợp Điểm c Khoản 2 Điều 115 và Khoản 6 Điều 170 Luật Doanh Nghiệp 2020.

Kết quả hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, BTGD, và Ban quản lý trong năm 2023

Hoạt động của HĐQT trong năm 2023 được đánh giá là tích cực và hiệu quả, thể hiện qua các nội dung sau:

- Tuân thủ các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty
- HĐQT đã nghiêm túc triển khai việc thực hiện nghị quyết ĐHCĐ. Các cuộc họp HĐQT được tổ chức thường xuyên nhằm đưa ra các giải pháp tối ưu để hoàn thành kế hoạch SXKD. Qua đó, các Nghị quyết của HĐQT được ban hành đều tuân thủ các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm HĐQT đã tổ chức 50 cuộc họp và ban hành 50 nghị quyết để triển khai công việc.
- Các vấn đề cần thiết, quan trọng đều được HĐQT bàn bạc công khai nhằm thống nhất đưa ra các quyết định cần trọng trước khi ban hành nghị quyết.
- HĐQT đã đưa ra các quyết định đúng đắn, góp phần giúp Tổng Công ty hoàn thành kế hoạch SXKD và đạt được các chỉ tiêu đề ra.

Giám sát của BKS đối với hoạt động của HĐQT

BKS đã thực hiện giám sát hoạt động của HĐQT thông qua các cuộc họp, trao đổi, đảm bảo việc ban hành nghị quyết của HĐQT theo đúng các quy chế nội bộ và quy định của pháp luật.

Hoạt động của Ban TGD và Ban quản lý Công ty

Ban TGD và Ban quản lý Công ty cũng đã có những hoạt động tích cực, hiệu quả trong năm 2023, thể hiện qua các nội dung sau:

- Ban TGD và Ban quản lý Công ty đã thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao ban định kỳ và đột xuất để triển khai nghị quyết HĐQT theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình.
- Ban TGD và Ban quản lý Công ty cũng đã thường xuyên mời BKS tham dự họp và trao đổi, lấy ý kiến tham vấn từ BKS các vấn đề khi xét thấy cần thiết nhằm cải thiện công tác quản trị rủi ro, nâng cao tính tuân thủ và cải tiến quy trình, quy chế quản trị nội bộ.

Nhìn chung, hoạt động giám sát của BKS đối với hoạt động của HĐQT, BTGD và Ban quản lý Công ty trong năm 2023 đã được thực hiện hiệu quả, góp phần đảm bảo cho hoạt động của Tổng Công ty được thực hiện đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS, HĐQT VÀ BTGD TRONG NĂM 2023

Nhìn chung, sự phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT và BTGD trong năm 2023 đã được đánh giá là khá tốt. HĐQT và BTGD đã tạo điều kiện thuận lợi cho BKS thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, bao gồm:

- Cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của công ty.
- Mời BKS tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban của Ban TGD.
- Tiếp thu và giải quyết các kiến nghị của BKS.

Với sự phối hợp chặt chẽ giữa BKS, HĐQT và BTGD, công tác giám sát hoạt động của công ty trong năm 2023 đã được thực hiện một cách hiệu quả, góp phần bảo vệ quyền lợi của cổ đông và đảm bảo hoạt động của công ty được thực hiện đúng quy định của pháp luật



BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA BKS

NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

BKS đã thực hiện Kế hoạch hoạt động năm 2023 một cách linh hoạt và hiệu quả, điều này phản ánh sự phù hợp với yêu cầu thực tế. Tuân thủ đúng quyền hạn và trách nhiệm theo quy định, bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch hoạt động, và tình hình thực tế của Tổng Công ty.

BKS thực hiện các hoạt động giám sát định kỳ và bất thường một cách đầy đủ và kịp thời theo yêu cầu. Nắm bắt kịp thời các thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty để đảm bảo công tác điều hành hoạt động đúng thẩm quyền và tuân thủ các quy định.

Hoạt động giám sát của BKS được thực hiện thông qua nhiều kênh báo cáo, trao đổi ý kiến tại các cuộc họp, phỏng vấn với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các quản lý khác, nhằm nâng cao công tác quản trị rủi ro, tính tuân thủ và cải tiến quy trình, quy chế quản trị nội bộ.

Hoạt động tuân thủ theo quy định Pháp luật và các quy định nội bộ được duy trì, đảm bảo không phát sinh sai phạm trọng yếu. Đồng thời, chúng tôi duy trì mối quan hệ công tác và hợp tác/phối hợp tốt với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.

BKS đã hoàn thành việc soát xét các báo cáo theo yêu cầu cụ thể của đại diện cổ đông Nhà Nước, tuân thủ Điều 115 Khoản 2 và Điều 170 Khoản 6 của Luật Doanh Nghiệp 2020.

BKS cũng đã cung cấp các khuyến nghị và tư vấn về các vấn đề tài chính kế toán, tuân thủ và kiểm soát rủi ro phù hợp. Theo dõi việc thực hiện các kiến nghị của kiểm toán độc lập và có trao đổi kịp thời với Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện.

Các thành viên của BKS làm việc độc lập và cẩn trọng, luôn hướng tới lợi ích hợp pháp cao nhất của cổ đông và sự phát triển bền vững của Tổng Công ty.

KIẾN NGHỊ VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BKS ĐỐI VỚI NĂM 2024

Kiến nghị:

- Tiếp tục duy trì sự phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban TGD trong công tác giám sát, kiểm tra hoạt động của công ty.
- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho các thành viên để nâng cao hiệu quả hoạt động của BKS.

Phương hướng hoạt động:

Giám sát việc tuân thủ Điều lệ và Nghị quyết của ĐH cổ đông/HĐQT

Giám sát các hoạt động quản lý và điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Giám sát việc lập và trình bày BCTC tuân thủ chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành và quy định về CBTT đối với Tổng Công ty cũng như các đơn vị thành viên. Phối hợp với Ban điều hành trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến BCTC.

Cung cấp cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc ý kiến chuyên môn để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Hoàn thành việc soát xét các báo cáo theo yêu cầu cụ thể của đại diện cổ đông Nhà Nước

Rà soát, khảo sát lựa chọn đơn vị tư vấn chuyên nghiệp để nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng Công ty và phối hợp với đơn vị được lựa chọn theo dõi triển khai thực hiện công tác kiểm toán nội bộ.

Đề xuất danh sách Công ty kiểm toán độc lập sẽ được lựa chọn để thực hiện công tác soát xét BCTC bán niên, kiểm toán BCTC năm 2024 và thực hiện kiểm tra các hoạt động (nếu cần) trong năm 2024.

Cung cấp dịch vụ tư vấn khác theo chủ đề, yêu cầu của HĐQT.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thù lao
Viên chức quản lý chuyên trách				
Ông Nguyễn Văn Hùng	CT HĐQT	2.426.660.000	1.188.800.000	-
Ông Phạm Ngọc Thuận	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.836.395.000	1.041.600.000	-
Ông Nguyễn Danh Tùng	Thành viên HĐQT	897.600.600	485.380.000	-
Ông Nguyễn Văn Thanh Huy	P. Tổng Giám đốc	1.239.632.600	694.400.000	-
Ông Nguyễn Hoàn Vũ	P. Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 06/6/2023)	513.285.000	294.400.000	-
Ông Quảng Văn Viết Cường	P. Tổng Giám đốc	1.234.895.000	694.400.000	-
Ông Giang Quốc Dũng	P. Tổng Giám đốc	1.232.395.000	694.400.000	-
Ông Trịnh Xuân Đức	P. Tổng Giám đốc	1.231.395.000	694.400.000	-
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Trưởng BKS	866.660.000	416.080.000	-
Bà Huỳnh Thị Quế Anh	Thành viên BKS	366.660.000	168.600.000	-
Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 29/6/2023)	435.515.000	194.460.000	-
Ông Nguyễn Minh Dương	Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 29/6/2023)	246.560.000	154.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân	Kế toán trưởng	1.254.375.800	694.400.000	-
Tổng cộng		13.782.029.000	7.415.320.000	
Viên chức quản lý không chuyên trách				
Ông Nguyễn Phú Thịnh	Phó CT HĐQT	-	-	300.000.000
Ông Nguyễn Văn Hiền Phúc	Thành viên HĐQT	-	-	180.000.000
Tổng cộng				480.000.000



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	Họ tên	Chức vụ/Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT	6.009.000	0,581%	6.219.000	0,6%	Mua cổ phiếu
2	Nguyễn Văn Hiến Phúc	Thành viên HĐQT	872.600	0,084%	709.700	0,069%	Bán cổ phiếu
3	Nguyễn Văn Thanh Huy	Phó Tổng Giám Đốc	461.200	0,045%	396.000	0,038%	Bán cổ phiếu
4	Đoàn Thị Kiều Oanh	Người liên quan Phó Tổng Giám Đốc	3.800	0,000%	0	0,000%	Bán cổ phiếu
5	Quảng Văn Viết Cường	Phó Tổng Giám Đốc	560.900	0,054%	537.700	0,052%	Bán cổ phiếu
6	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Kế toán trưởng	596.300	0,058%	584.300	0,056%	Bán cổ phiếu

Nguồn: Báo cáo quản trị 2023



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ (TÍNH TẠI NGÀY 31/12/2023)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên Công ty	Mối quan hệ liên quan với Tổng công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Thời điểm giao dịch với Tổng công ty	Số hợp đồng/biên bản thông qua (nếu có)	Nội dung hợp đồng	Nội dung, số lượng, giá trị giao dịch
1	Công ty Cổ phần SetiaBecamex	Công ty liên kết, tổ chức có liên quan với người nội bộ	Khu 6, Phường Thới Hòa, TX. Bến Cát, tỉnh Bình Dương	13/03/2023	04/2023/NQ-HĐQT	Chuyển nhượng một phần dự án	222.386.000.000
2	Cty CP Kinh Doanh và Phát triển Bình Dương TDC	Công ty con, tổ chức có liên quan với người nội bộ	Số 26-27 Lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.TDM, Bình Dương	20/02/2023	77/02/2023/HĐVT/HĐ	Duy tu sửa chữa hệ thống thoát nước mưa	232.958.145
				01/11/2023	05/11/2023/HĐVT/HĐ	Hệ thống thoát nước thải đường d7; cửa xả cx4 và gia cố hạ lưu cửa xả cx3	459.929.008
				20/12/2023	61/12/2023/HĐVT/HĐ	Thi công vỉa hè đường NF5C, NF6C, NF8C, NF9C, NF10C, N15, N16, N17	2.181.772.719
3	Cty CP Kinh Doanh và Phát triển Bình Dương TDC	Công ty con, tổ chức có liên quan với người nội bộ	Số 26-27 Lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.TDM, Bình Dương	Trong năm 2023	34/2022/NQ-HĐQT	Mua bê tông	14.124.713.999
						Tiền điện, cho thuê mặt bằng	272.727.273 (theo số liệu quý 4)
4	Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (IJC)	Công ty liên kết, tổ chức có liên quan với người nội bộ	ĐL Bình Dương, P. Phú Hoà, TP. TDM, Bình Dương	19/10/2023	37/NQ-HĐQT	Mua cổ phần Bệnh viện Becamex của IJC	10.000.000.000
				Trong năm 2023	34/2022/NQ-HĐQT	Cho thuê mặt bằng	218.181.818 (theo số liệu quý 4)
5	Công ty CP CP VSES	Công ty liên kết, tổ chức có liên quan với người nội bộ	ĐL Bình Dương, P. Phú Hoà, TP. TDM, Bình Dương	24/10/2023	40/NQ-HĐQT	Góp tăng vốn điều lệ	67.059.720.000
				07/06/2023	17/NQ-HĐQT	Góp tăng vốn điều lệ	388.000.000.000
6	Công ty CP Becamex – Bình Phước	Công ty liên kết, tổ chức có liên quan với người nội bộ	P. Minh Thành, Chơn Thành, Bình Phước	4/8/2023	29/NQ-HĐQ	Ghi nhận vốn góp từ cổ tức	72.000.000.000
				Trong năm 2023	34/2022/NQ-HĐQT	Cho thuê xe thi công	6.355.742.100 (theo số liệu quý 4)
				Trong năm 2023	34/2022/NQ-HĐQT	Các chi phí dịch vụ khác	318.181.818 (theo số liệu quý 4)
7	Cty CP Bệnh Viện Đa Khoa QT Becamex	Công ty con, tổ chức có liên quan với người nội bộ	Đại lộ Bình Dương, Khu Gò Cát, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	14-04-2023	14-04-2023	41/04/2023/HĐVT/HĐ	Khám sức khỏe nhân viên năm 2023
				Trong năm 2023	34/2022/NQ-HĐQT	Cung cấp điện	37.683.663 (theo số liệu quý 4)



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ (TÍNH TẠI NGÀY 31/12/2023)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên Công ty	Mối quan hệ liên quan với Tổng công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Thời điểm giao dịch với Tổng công ty	Số hợp đồng/biên bản thông qua (nếu có)	Nội dung hợp đồng	Nội dung, số lượng, giá trị giao dịch
8	Cty CP Bệnh Viện Mỹ Phước	Công ty con, tổ chức có liên quan với người nội bộ	Đường TC3, Tổ 6, Khu 3, Phường Mỹ Phước, TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương	14-04-2023	37-23/KSK-BVMP	Khám sức khỏe nhân viên năm 2023	712.131.000
				Trong năm 2023	34/2022/NQ-HĐQT	Cung cấp điện	37.683.663
				Trong năm 2023	34/2022/NQ-HĐQT	Phí quản lý	123.389.506 (theo số liệu quý 4)
9	Công ty CP Đông Sài Gòn	Công ty liên kết, tổ chức có liên quan với người nội bộ	P. Phú Thủy, Thành phố Phan Thiết, Bình Thuận	17/03/2023	05/2023/NQ-HĐQT	Dịch vụ tài chính	200.000.000.000
10	Cty CP Công nghệ và Truyền thông Việt Nam - VNNT	Công ty liên kết, tổ chức có liên quan với người nội bộ	21VSIP II, đường số 1, KCN VSIP II, P.Hòa Phú, TP.TDM, Bình Dương	04-01-2023	11/01/2023/HĐVT/HĐ	Cung cấp máy tính bàn cho phòng điều hành Tổng công ty	538.615.000
				10-01-2023	39/01/2023/HĐVT/HĐ	Cung cấp màn hình ghép cho hệ thống IOC	3.358.168.000
				30-01-2023	71/01/2023/HĐVT/HĐ	Xử lý sự cố đầu cáp ngầm trung thế trạm	121.385.000
				30-01-2023	72/01/2023/HĐVT/HĐ	Di dời lưới điện trung thế	816.433.750
				30-01-2023	73/01/2023/HĐVT/HĐ	Cung cấp, lắp đặt hoàn chỉnh thiết bị kiểm soát	511.458.600
				01-01-2023	75A/01/2023/HĐVT/HĐ	Cung cấp dịch vụ	2.750.000
11	Cty CP Công nghệ và Truyền thông Việt Nam - VNNT	Công ty liên kết, tổ chức có liên quan với người nội bộ	21VSIP II, đường số 1, KCN VSIP II, P.Hòa Phú, TP.TDM, Bình Dương	08-02-2023	32/02/2023/HĐVT/HĐ	Cung cấp Hosting	3.286.800
				09-02-2023	34/02/2023/HĐVT/HĐ	Cung cấp thiết bị phát sinh cho việc cung cấp DVC Internet	6.600.000
				09-02-2023	36/02/2023/HĐVT/HĐ	Cung cấp thiết bị mạng và âm thanh cho hệ thống IOC	135.259.740
				09-01-2023	106/01/2023/HĐVT/HĐ 36394/HĐDV-VNNT	Thuê server phục vụ để án khu đô thị Cn Thông minh	57.024.000
				14-02-2023	56/02/2023/HĐVT/HĐ	Cung cấp thiết bị kiểm soát xe ra vào bãi xe	816.568.400
				21-02-2023	83/02/2023/HĐVT/HĐ	Cung cấp server cho Becamex IOT Platform và Becamex	536.614.100
				03-04-2023	03/04/2023/HĐVT/HĐ	Di dời trụ điện trung thế	114.976.400
				03-04-2023	07/04/2023/HĐVT/HĐ	Cung cấp thiết bị chuyển mạch	1497.691.700
				05-04-2023	21/04/2023/HĐVT/HĐ	Cung cấp lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống mạng	2.070.781.900
07-04-2023	21/04/2023/HĐVT/HĐ	Bảo trì hệ thống điện nhẹ và hệ thống camera thang máy	111.320.000				



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ (TÍNH TẠI NGÀY 31/12/2023)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên Công ty	Mối quan hệ liên quan với Tổng công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Thời điểm giao dịch với Tổng công ty	Số hợp đồng/biên bản thông qua (nếu có)	Nội dung hợp đồng	Nội dung, số lượng, giá trị giao dịch
12	Cty CP Công nghệ và Truyền thông Việt Nam - VNTT	Công ty liên kết, tổ chức có liên quan với người nội bộ	21VSIP II, đường số 1, KCN VSIP II, P.Hòa Phú, TP.TDM, Bình Dương	22-05-2023	34/05/2023/HĐVT/HĐ	Cung cấp dịch vụ nhân công	353.364.000
				13/10/2023	26/10/2023/HĐVT/HĐ	Bảo trì, vệ sinh, thí nghiệm các trạm biến áp thuộc KCN và KDC MPI,2,3	1.301.630.040
				19/09/2023	05A/09/2023/HĐVT/HĐ	Thay thế hệ thống switch chuyển mạch distribution và access tại các tủ kỹ thuật	1.806.590.000
				18/08/2023	28/08/2023/HĐVT/HĐ	Cung cấp nhân công lắp đặt, cấu hình thiết bị mạng, máy tính, âm thanh và màn hình ghép cho hệ thống IOC	302.400.000
				18/08/2023	29/08/2023/HĐVT/HĐ	Cung cấp nhân công triển khai hệ thống máy chủ IoT và AI	162.000.000
					40/08/2023/HĐVT/HĐ	Cung cấp dịch vụ tư vấn và triển khai phần mềm quản lý tài liệu	300.000.000
13	Công Ty Cổ Phần Công nghệ Và Truyền thông Việt Nam - VNTT	Công ty liên kết, tổ chức có liên quan với người nội bộ	21VSIP II, đường số 1, KCN VSIP II, P.Hòa Phú, TP.TDM, Bình Dương	25/10/2023	42/10/2023/HĐVT/HĐ	Thay thế, sửa chữa thiết bị, hệ thống cáp quang	130.767.400
				11/03/2023	07/11/2023/HĐVT/HĐ	Di dời phòng server hiện hữu tại tầng 2 Block 4 sang vị trí mới	1.647.040.120
				27/11/2023	45/11/2023/HĐVT/HĐ	Cung cấp DV vệ sinh, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống lạnh phòng server tầng 7	84.974.400
				29/11/2023	49/11/2023/HĐVT/HĐ	Cung cấp thiết bị đấu nối phát sinh	62.055.800
14	Cty TNHH MTV Khách sạn Becamex	Thuộc nhóm công ty trong cùng hệ thống	230, Đại lộ Bình Dương, P. Phú Hòa, Thủ Dầu Một, Bình Dương	01-01-2023	77A/01/2023/HĐVT/HĐ01/2023/HĐKT-IDC-BH	HĐ cho thuê mặt bằng	441.000.000
					78A/01/2023/HĐVT/HĐ02/2023/HĐKT-IDC-BH	HĐ cho thuê mặt bằng	110.000.000
15	Cty CP Becamex Bình Định	Công ty liên kết, tổ chức có liên quan với người nội bộ	Số 11, Ngô Mây, Phường Nguyễn văn Cừ, TP.Quy Nhơn, Bình Định	07/02/2023	02A/02/2023/HĐVT/BBĐ-IDC	TV lập báo cáo nghiên cứu khả thi, TK bản vẽ thi công và lập dự toán	1.015.232.227
16	Cty CP Becamex Bình Định	Công ty liên kết, tổ chức có liên quan với người nội bộ	Số 11, Ngô Mây, Phường Nguyễn văn Cừ, TP.Quy Nhơn, Bình Định	14-09-2023	31/NQ-HĐQT	Góp tăng vốn điều lệ	160.000.000.000
17	Cty TNHH MTV WTC Bình Dương	Thuộc nhóm công ty trong cùng hệ thống	B11, Hùng Vương, P. Hòa Phú, TP.TDM, Bình Dương	01-04-2023	41/04/2023/HĐDV WTC/EXPO/IDC	Tổ chức sự kiện	44.000.000



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ (TÍNH TẠI NGÀY 31/12/2023)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên Công ty	Mối quan hệ liên quan với Tổng công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Thời điểm giao dịch với Tổng công ty	Số hợp đồng/biên bản thông qua (nếu có)	Nội dung hợp đồng	Nội dung, số lượng, giá trị giao dịch
18	Cty CP Xây dựng và Giao thông Bình Dương BCE	Công ty con, tổ chức có liên quan với người nội bộ	Lô G, Đường Đồng Khởi, P. Hòa Phú, TP.TDM, Bình Dương	21-06-2023	71/06/2023/HĐVT/HĐ	Cung cấp mặt hàng cống HDPE và phụ kiện cống HDPE	72.221.531.800
				21-06-2023	62/06/2023/HĐVT/HĐ	Cung cấp mặt hàng cống HDPE và phụ kiện cống HDPE	103.605.055.950
				21-06-2023	61/06/2023/HĐVT/HĐ	Cung cấp mặt hàng cống HDPE và phụ kiện cống HDPE	98.132.458.886
				01-08-2023	04/08/2023/HĐVT/HĐ	Thi công ép cọc thử Việt Sing	2.144.902.680
				05/10/2023	19/10/2023/HĐVT/HĐ	Thi công HỒ BƠI – KHU THAY ĐỔI - WC tại Bàu Bàng	3.148.364.536
19	Cty CP Phát Triển Đô Thị (Becamex UDJ)	Công ty con, tổ chức có liên quan với người nội bộ	C1-2-3 Đường DT6, KLH CN DV Bình Dương, P.Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	28/11/2023	28A/11/2023/HĐVT/HĐ	Thanh lý và thu hồi dự án Lakeview	50.670.142.936
20	Cty CP Giải Pháp Năng lượng thông minh Việt Nam Singapore	Công ty liên kết, tổ chức có liên quan với người nội bộ	Tầng 19, Tòa nhà Becamex Tower, số 230, Đại lộ Bình Dương, Hòa Phú, Thủ Dầu Một, Bình Dương	28-02-2023	76/02/2023/HĐVT/HĐ	Mua điện năng lượng mặt trời	8.139.492.900
21	Công ty Liên doanh TNHH KCN Việt Nam – Singapore	Công ty liên doanh, tổ chức có liên quan với người nội bộ	Đại lộ Bình Dương, Thuận An, Bình Dương	24/10/2023	39/NQ-HĐQT	Chi nhận vốn góp của BCM tại VSIP	795.139.279.769 (vốn góp BCM sau khi ghi nhận)
				30/10/2023	39/NQ-HĐQT	Góp tăng vốn điều lệ	517.274.184.000
22	Chi Nhánh Nước Thải Thủ Dầu Một- Công Ty Cp – Tổng Công Ty Nước – Môi Trường Bình Dương	Công ty đầu tư tài chính	Số 138, khu phố 6, đường Lý Tự Trọng, P. Phú Thọ, TP. TDM, Bình Dương	27/09/2023	97-VC/HĐ-KT/23	Vận chuyển rác sinh hoạt tại các điểm tập kết thị trấn Lai Uyên về Chi Nhánh Xử lý Chất thải.	Nghiệm thu thanh toán theo tháng theo khối lượng thực tế
				05/10/2023	02A/10/2023/HĐVT/HĐ	Nạo vét cát tại trạm bơm nước thải 5C	27.000.000
				05/10/2023	03A/10/2023/HĐVT/HĐ	Nạo vét cát tại trạm bơm nước thải 5F	27.000.000
				05/10/2023	04A/10/2023/HĐVT/HĐ	Nạo vét cát tại trạm bơm nước thải Bàu Bàng – Hồ Chí Minh	27.000.000
22				05/10/2023	05A/10/2023/HĐVT/HĐ	Nạo vét cát tại các trạm bơm nước thải Lai Hưng và 5E	54.000.000
23	Công ty CP Giáo Dục Miền Đông	Công ty liên kết, tổ chức có liên quan với người nội bộ	P. Hòa Phú, TP TDM, Bình Dương	Trong năm 2023	34/2022/NQ-HĐQT	Cho thuê mặt bằng	681.818.182 (Theo số liệu quý 4)
24	Công ty TNHH Becamex Tokyu	Công ty liên kết, tổ chức có liên quan với người nội bộ	P. Hòa Phú, TP TDM, Bình Dương	Trong năm 2023	34/2022/NQ-HĐQT	Dịch vụ khác	113.473.023 (Theo số liệu quý 4)



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc luôn cố gắng sắp xếp tham gia các buổi tập huấn do Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán tổ chức nhằm cập nhật các chính sách pháp luật mới áp dụng cho công ty đại chúng.
- Trong năm Tổng công ty thực hiện đầy đủ và không vi phạm các nghĩa vụ của công ty đại chúng niêm yết theo đúng quy định



VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Quản trị tài chính - kế toán

Tổng công ty quản trị tài chính - kế toán thông qua phần mềm quản lý chuyên ngành và nhân sự có kinh nghiệm chuyên môn. Trong năm, Tổng công ty cử nhân sự kế toán - tài chính tham gia các buổi tập huấn chuyên ngành để cập nhật kiến thức và những thay đổi mới về pháp luật liên quan.

Tổng công ty cũng đang từng bước chuyển đổi sang thực hiện theo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS)

Quản trị quan hệ khách hàng

Tổng công ty quản trị quan hệ khách hàng thông qua công tác chăm sóc khách hàng trực tiếp của từng chuyên viên được phân công, qua các hội thảo tiếp xúc nhà đầu tư trong và ngoài nước và bằng phần mềm quản lý dịch vụ khách hàng

Quản trị nhân sự

Tổng công ty áp dụng phần mềm quản lý KPI đo lường hiệu quả công việc giúp nâng suất làm việc và hiệu quả công việc nâng cao

Quan hệ cổ đông/ Nhà đầu tư (IR)

Định kỳ mỗi cuối Quý, Tổng công ty sẽ tổ chức các cuộc họp tại văn phòng Tổng công ty để cập nhật, cung cấp các thông tin về hoạt động SXKD cho nhà đầu tư và cổ đông.

Bên cạnh đó, Tổng công ty cũng tham gia các buổi hội thảo được tổ chức bởi các Công ty chứng khoán (trực tuyến và trực tiếp) để giải đáp các thắc mắc và nội dung muốn tìm hiểu thêm của các chuyên viên phân tích và đại diện Quỹ đầu tư.





04

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

138 Thông điệp phát triển bền vững

140 Gắn kết các bên liên quan

146 Tiêu chuẩn áp dụng



THÔNG ĐIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tiếp nối 46 năm hình thành và phát triển, Becamex IDC vẫn luôn nỗ lực để đạt được những thành tựu lớn mà doanh nghiệp đặt ra trước đó đi liền với phát triển bền vững với giá trị dài hạn. Phát triển bền vững là một trong những giá trị cốt lõi của Becamex IDC và là nguyên tắc cơ sở cho mọi quyết định và hành động trên tư cách doanh nghiệp. Tổng Công ty cam kết đóng góp vào sự phát triển của một tương lai bền vững hơn bằng sự chú trọng đặc biệt đến trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường cùng với phát triển kinh tế.

Trong năm qua, tinh thần trách nhiệm và tinh thần nhân văn của doanh nghiệp đã được phát huy cao thông qua nhiều hoạt động thiết thực và ý nghĩa. Tổng Công ty đã có những chính sách quan trọng để chăm sóc tốt nhất cho nhân viên, người lao động, những người có liên quan và đồng hành sâu sắc với nhiều địa phương. Trong thời gian đó, bên cạnh nỗ lực xây dựng các kế hoạch thúc đẩy hoạt động kinh doanh, Becamex IDC cũng đặt ra nhiều yêu cầu mới để liên tục nâng cao trách nhiệm trong phát triển bền vững, tạo ra giá trị xã hội, môi trường sống bền vững và thân thiện với con người.

Becamex IDC lựa chọn con đường phát triển bền vững thông qua các hoạt động sau:

Tăng tỷ trọng sử dụng các nguồn tài nguyên và năng lượng bền vững thông qua các nguồn năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, năng lượng gió và tối ưu hóa sử dụng tài nguyên như nước và đất đai.

Tiếp tục triển khai các dự án KCN theo tiêu chuẩn xanh, thông minh và bền vững: đảm bảo an toàn môi trường, đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Thúc đẩy các hoạt động đóng góp tích cực cho cộng đồng: Tổ chức các hoạt động đóng góp xã hội, đóng góp cho các chương trình bảo vệ môi trường và cộng đồng, giúp tạo ra sự kết nối tốt hơn với cộng đồng.

Không ngừng cải tiến hệ thống quản lý chất lượng, môi trường và an toàn thông tin để vươn đến sự hoàn thiện và phát triển bền vững

Xây dựng một môi trường làm việc thân thiện và tích cực: Cải thiện chất lượng cuộc sống và sức khỏe cho nhân viên, đảm bảo các quyền lợi lao động, tăng cường đào tạo và phát triển nhân viên để tạo ra một môi trường làm việc tích cực và khuyến khích sự sáng tạo.

Thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường như tăng cường chính sách về xử lý rác thải và nước thải, giảm thiểu khí thải ô nhiễm, tăng cường sử dụng năng lượng xanh.

Thường xuyên rà soát lại các quy trình hoạt động liên quan đến mục tiêu phát triển bền vững thông qua việc chủ động trao đổi với các bên liên quan. Quá trình đối thoại tích cực giữa Tổng Công ty Becamex với các bên liên quan nhằm đảm bảo thực hiện các giải pháp hiệu quả và phù hợp với chiến lược và định hướng phát triển bền vững.



GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN

BÊN LIÊN QUAN



**CỔ ĐÔNG/NHÀ
ĐẦU TƯ**

KÊNH THAM VẤN

Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường

Cập nhật thông tin định kỳ qua Mục Quan hệ cổ đông, trực tiếp, điện thoại, email khi phát sinh thông tin và có yêu cầu của nhà đầu tư

Gặp gỡ các nhà phân tích hàng quý và thường xuyên khi có phát sinh

BÊN LIÊN QUAN



**NGƯỜI LAO
ĐỘNG**

KÊNH THAM VẤN

Thường niên tổ chức hội nghị người lao động

Thường niên khảo sát mức độ hài lòng

Hàng quý và khi cần thiết phát hành ấn phẩm nội bộ, bản tin nội bộ

Thường niên trao đổi với Công đoàn

Hàng ngày tạo môi trường kết nối, đào tạo, giao lưu

BÊN LIÊN QUAN



KHÁCH HÀNG

KÊNH THAM VẤN

Trung tâm chăm sóc khách hàng và số hotline hoạt động 24/7

Thực hiện khảo sát mức độ hài lòng 24/7

Tương tác trên Mạng xã hội và cập nhật bản tin theo dõi phản hồi trên Mạng xã hội hàng ngày.

BÊN LIÊN QUAN



**CƠ QUAN
QUẢN LÝ**

KÊNH THAM VẤN

Duy trì cơ chế đối thoại hàng tháng

Gặp gỡ trao đổi tại các diễn đàn khi có phát sinh

Cung cấp các bài tham luận, báo cáo chuyên đề khi có phát sinh

Đóng góp ý kiến đối với các dự thảo chính sách khi có phát sinh



GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN

BÊN LIÊN QUAN



CỘNG ĐỒNG

KÊNH THAM VẤN

Phối hợp với chính quyền địa phương thường niên và khi cần thiết

Tham gia các chương trình an sinh xã hội chung tay cùng chính quyền địa phương thường niên và khi cần thiết

BÊN LIÊN QUAN



CƠ QUAN
BÁO CHÍ

KÊNH THAM VẤN

Tổ chức họp báo hàng quý và khi cần thiết

Thông cáo báo chí/ báo cáo kết quả hoạt động định kỳ hàng quý và khi cần thiết

Đội ngũ chuyên gia trả lời cung cấp thông tin cho báo chí khi có phát sinh

BÊN LIÊN QUAN



NHÀ CUNG CẤP
DỊCH VỤ

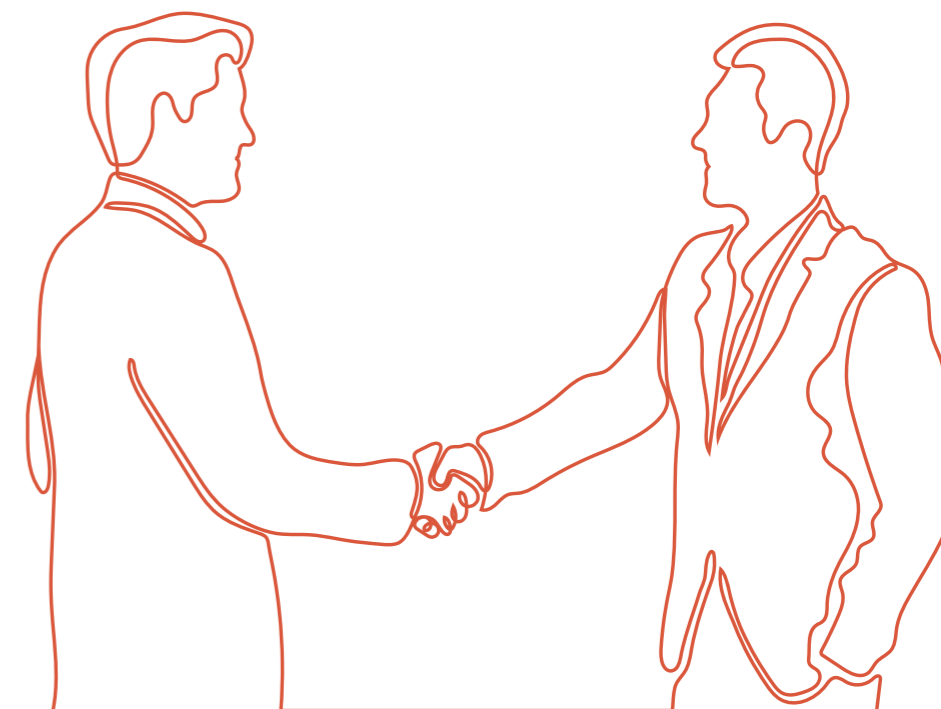
KÊNH THAM VẤN

Gặp gỡ trao đổi trực tiếp bổ sung trong quy chế đấu thầu, hợp tác với nhà cung cấp khi có phát sinh

Thường xuyên duy trì tính cạnh tranh trong quy trình

Thường xuyên đảm bảo minh bạch trong quy trình

Trong quy trình, luôn luôn đảm bảo chất lượng dịch vụ, nguồn gốc hàng hóa rõ ràng



CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2023



TỔNG GIÁ TRỊ KINH
TẾ TẠO LẬP
8.830
TỶ ĐỒNG

TỔNG GIÁ TRỊ KINH
TẾ PHÂN PHỐI
6.133
TỶ ĐỒNG

NỘP NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC
1.217
TỶ ĐỒNG



CỔ TỨC TIỀN MẶT
CHI TRẢ TRONG NĂM
828
TỶ ĐỒNG

SỐ LƯỢNG NGƯỜI
LAO ĐỘNG
1.997
NGƯỜI

TỶ LỆ
LAO ĐỘNG NỮ
22%





KINH TẾ

Hiệu quả hoạt động kinh tế

- Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ
- Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác

Sự hiện diện trên thị trường

- Tỷ lệ của mức lương khởi điểm theo giới tính so với mức lương tối thiểu của vùng
- Tỷ lệ thành viên Ban lãnh đạo được tuyển dụng từ cộng đồng địa phương

Tác động kinh tế gián tiếp

- Đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ được hỗ trợ
- Tác động kinh tế gián tiếp trọng yếu

Thông lệ mua sắm

- Tỷ lệ chi tiêu cho các nhà cung cấp địa phương

MÔI TRƯỜNG

Vật liệu

- Vật liệu đã được sử dụng theo trọng lượng hoặc khối lượng
- Vật liệu tái chế đã được sử dụng

Nước

- Lượng nước đầu vào theo nguồn

Năng lượng

- Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức
- Giảm tiêu hao năng lượng
- Giảm nhu cầu năng lượng của sản phẩm và dịch vụ

Phát thải, nước thải và chất thải

XÃ HỘI

Việc làm

An toàn sức khỏe và nghề nghiệp

Giáo dục và đào tạo

Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng

Không phân biệt đối xử



TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

Báo cáo Phát triển bền vững năm 2023 của Becamex IDC được áp dụng Bộ tiêu chuẩn lập Báo cáo phát triển bền vững theo tiêu chuẩn quốc tế – GRI Sustainability Reporting Standards của Tổ chức sáng kiến Báo cáo toàn cầu.

KINH TẾ

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GRI 201)

Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ (GRI 201-1)

Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác (GRI 201-3)



MỤC TIÊU TRỌNG YẾU

Với mục tiêu phát triển bền vững, Tổng Công ty luôn tập trung vào việc mang lại lợi ích kéo dài cho khách hàng, cổ đông, nhân viên và cộng đồng. Điều này chỉ có thể đạt được thông qua việc xây dựng một nền tảng kinh doanh vững chắc, trong đó hiệu quả hoạt động kinh tế đóng vai trò then chốt. Để đạt được mục tiêu này, Tổng Công ty tập trung vào xây dựng một nền tảng kinh doanh vững chắc, trong đó hiệu quả hoạt động kinh tế được xem như thước đo và cũng là yếu tố quan trọng để tạo nên vị thế kinh doanh. Do đó, đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh tế là một trong những mục tiêu trọng yếu và là điểm tựa quan trọng để Tổng Công ty thực hiện cam kết với các bên liên quan.

Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra

Năm 2023, hoạt động bất động sản nói chung và bất động sản công nghiệp nói riêng đối diện với nhiều thách thức đáng kể, từ các yếu tố vĩ mô đến thực trạng sụt giảm tổng cầu. Mặc dù hoạt động sản xuất kinh doanh bị ảnh hưởng bởi tình hình biến động của nền kinh tế toàn cầu cũng như ở Việt Nam, Tổng Công ty đã không ngừng nỗ lực để đạt được những kết quả đáng kể và góp phần quan trọng vào sự phát triển của nền kinh tế. Cụ thể năm 2023, tổng doanh thu hợp nhất đạt 8.830 tỷ đồng và tổng số tiền đã nộp NSNN trong năm 2023 là 1.217 tỷ đồng, trong đó thuế TNDN đã nộp trong năm 2023 là hơn 80 tỷ đồng.

Giá trị trực tiếp được phân bổ

Với phương châm “Tinh gọn bộ máy, kiểm soát chi phí, chủ động vận hành”, Tổng Công ty đã thành công trong việc quản lý chi phí một cách hiệu quả, hướng tới mục tiêu tối ưu hóa chi phí mà vẫn đảm bảo hoạt động vận hành được thực hiện một cách an toàn và hiệu quả, đặc biệt là trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế trong và ngoài nước. Để chuẩn bị cho tiến trình hiện thực hóa chiến lược “Đổi

mới để phát triển”, Tổng Công ty đã khai thác đòn bẩy tài chính trong quá trình phát triển, tăng các khoản nợ vay để mở rộng hoạt động kinh doanh dẫn đến chi phí lãi vay tăng từ 880 tỷ đồng lên 906 tỷ đồng, tương đương tăng 3% so với năm 2022. Tuy nhiên, Tổng Công ty vẫn duy trì việc kiểm soát và đảm bảo mức độ cơ cấu vốn ổn định để đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ mà không gây áp lực quá mức lên dòng tiền và ảnh hưởng đến khả năng thanh toán lãi vay. Ngoài ra, Tổng công ty Becamex IDC cũng đóng góp tích cực vào việc tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho cộng đồng và đồng thời đầu tư vào việc phát triển cơ sở hạ tầng tại các khu vực mà các dự án bất động sản đang triển khai, bao gồm cả việc xây dựng và nâng cấp hệ thống giao thông, thoát nước và các tiện ích khác. Điều này không chỉ mang lại lợi ích cho cộng đồng mà còn góp phần vào sự phát triển bền vững của khu vực.

Từ khi thành lập đến nay, Tổng công ty Becamex IDC luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, đóng góp vào ngân sách nhà nước và đóng góp tích cực vào sự phát triển của cộng đồng và xã hội.

Đánh giá phương pháp quản trị

Với sự tập trung vào định hướng chiến lược và áp dụng công nghệ mới trong quản trị doanh nghiệp, trong những năm qua Tổng Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh tích cực, nâng cao giá trị đóng góp cho Ngân sách Nhà nước. Đồng thời, Tổng công ty Becamex IDC đã tăng cường chế độ lương và phúc lợi cho CBCNV, góp phần nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống của nhân viên trong hệ thống Tổng công ty Becamex IDC. Tổng Công ty Becamex luôn cố gắng đổi mới và nâng cao quản trị doanh nghiệp để đạt được sự phát triển bền vững và tăng trưởng bền vững trong tương lai



SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG (GRI 202)

Tỷ lệ của mức lương khởi điểm theo giới tính so với mức lương tối thiểu của vùng (GRI 202-1)

Tỷ lệ thành viên Ban lãnh đạo được tuyển dụng từ cộng đồng địa phương (GRI 202-2)



MỤC TIÊU TRỌNG YẾU

Tổng Công ty luôn đặt việc tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của cán bộ, nhân viên là ưu tiên hàng đầu, và điều này được thể hiện qua việc xây dựng chính sách lương thưởng và phúc lợi công bằng, bình đẳng và phù hợp với năng lực, không phân biệt giới tính. Đặc biệt, Tổng Công ty đảm bảo chính sách lương cạnh tranh so với mức tối thiểu của vùng, giúp ổn định thu nhập và nâng cao mức sống của người lao động; từ đó góp phần nâng cao công tác an sinh xã hội, xây dựng cộng đồng vững mạnh thông qua việc giải quyết vấn đề lao động ở địa phương.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Mục đích quản trị

- Tổng Công ty thiết lập chính sách thưởng cho những cá nhân có những ý tưởng sáng tạo và đóng góp đột phá vào công việc. Các cá nhân này sẽ được công nhận và đánh giá cao thông qua các phần thưởng phù hợp, không chỉ là một động viên mà còn là một cách thể hiện sự đánh giá và công nhận sự cống hiến của họ đối với sự phát triển của Tổng Công ty.
- Nhằm duy trì chính sách đãi ngộ công bằng nội bộ cho người lao động và tăng sức cạnh tranh về tổng thu nhập trên thị trường, Tổng Công ty Becamex hàng năm đều thực hiện rà soát và tăng lương cho nhân viên dựa trên kết quả kinh doanh và các hiệu quả làm việc của cá nhân người lao động (KPI) nhằm tạo động lực làm việc, tăng mức độ gắn bó với doanh nghiệp và góp phần tăng năng suất lao động của nhân viên.
- Ngay cả khi trong thời điểm nhiều Công ty phải cắt giảm nhân sự và thu nhỏ quy mô hoạt động, Tổng công ty Becamex IDC vẫn cam kết không cắt giảm, trả đủ lương và đãi ngộ cho nhân sự, thậm chí còn khuyến khích tuyển dụng và thu thập nhân tài.
- Tại Tổng công ty Becamex IDC, mọi CBCNV đều được đối xử công bằng, bình đẳng giới tính với mức lương khởi điểm luôn cao hơn với mức lương khởi điểm của vùng.

- Tổng Công ty luôn chú trọng quan tâm phát triển chất lượng nguồn nhân lực thông qua việc cải tiến môi trường làm việc, cung cấp các chương trình đào tạo, bổ sung kiến thức, kỹ năng cho người lao động; nhờ vậy các CBNV đều được tiếp cận các ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong môi trường làm việc chuyên nghiệp.

Với chính sách và thực tế triển khai đào tạo nhân lực áp dụng cho toàn Tổng Công ty như trên, Tổng Công ty đã và đang xây dựng một môi trường lao động dồi dào có chất lượng cao, tạo tiền đề cho việc nâng cao trình độ của lực lượng lao động trên cả nước nói chung.

Cách thức quản trị

Để đảm bảo sự công bằng và tăng tính cạnh tranh về tổng thu nhập trên thị trường, Tổng Công ty đã thiết lập chính sách đãi ngộ bên trong Tổng Công ty cho người lao động. Hàng năm, căn cứ kết quả kinh doanh và hiệu quả làm việc của cá nhân, Tổng Công ty sẽ thực hiện xem xét, nâng lương cho người lao động để tạo động lực làm việc, tăng mức độ gắn bó với doanh nghiệp và thúc đẩy năng suất lao động của người lao động. Trường hợp, Chính phủ điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng, Tổng Công ty sẽ áp dụng mức lương mới và điều chỉnh thu nhập cho nhân viên để đảm bảo vị thế và uy tín của Tổng Công ty trên thị trường.

Với phương châm bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh, tăng cường phúc lợi cho mọi người, mọi lứa tuổi, Tổng Công ty luôn chủ trương tạo công ăn việc làm ổn định cho lao động địa phương. Bình quân mức lương khởi điểm của CBNV đều cao hơn mức lương tối thiểu của vùng, góp phần đảm bảo đời sống cho người lao động. Bình Dương vẫn là khu vực thu hút chính các lao động cấp cao. Tuy nhiên, Tổng Công ty Becamex cũng ưu tiên xem xét và tuyển dụng nhân lực tại các khu vực tỉnh khác cũng như từ nước ngoài.

ĐÁNH GIÁ VỀ PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Năm 2023, với những chính sách và hành động điều chỉnh thu nhập cho người lao động tại Tổng Công ty, hiện tại mức lương thỏa thuận hàng tháng thấp nhất cho nhân viên mới được tuyển dụng không phân biệt nam, nữ là đã cao hơn mức lương bình quân tối thiểu vùng.



KINH TẾ

TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP (GRI 203)

Đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ được hỗ trợ (GRI 203-1)

Tác động kinh tế gián tiếp trọng yếu GRI 203-2



MỤC TIÊU TRỌNG YẾU

Với mục tiêu trở thành Nhà phát triển khu công nghiệp, đô thị hàng đầu Việt Nam, Tổng Công ty luôn hướng đến chiến lược phát triển bền vững thông qua các tác động gián tiếp giúp thúc đẩy sự phát triển chung của nền kinh tế và nâng cao chất lượng đời sống xã hội, cộng đồng.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Mục đích quản trị

Tổng Công ty không ngừng nỗ lực hỗ trợ và thực hiện các hoạt động mang lại lợi ích kinh tế gián tiếp cho cộng đồng một cách tích cực và hiệu quả. Tổng Công ty tự hào thể hiện sự chủ động và trách nhiệm trong việc gánh vác các nhiệm vụ xã hội, đồng thời đóng góp tích cực vào quá trình xây dựng đời sống cộng đồng ngày càng phát triển bền vững.

Cách thức quản trị

Trong quá trình triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổng Công ty nhận thức được rằng tại nơi Tổng Công ty triển khai dự án sẽ có những tác động nhất định đến môi trường và xã hội. Để tránh các tác động tiêu cực, Tổng Công ty luôn tiến hành khảo sát kỹ lưỡng các tác động tiềm ẩn có thể xảy ra trong quá trình triển khai tại khu vực dự án trước khi triển khai. Dựa vào những đánh giá này, Tổng Công ty sẽ có những biện pháp hợp lý để hạn chế và ngăn ngừa các rủi ro này. Đồng thời, Tổng Công ty cũng tạo ra các tác động tích cực và giá trị thặng dư thông qua các dự án hạ tầng phục vụ việc triển khai dự án và các hoạt động thiện nguyện hỗ trợ địa phương.

Trong hoạt động kinh doanh của mình, Tổng Công ty không chỉ dừng ở việc chấp hành nghiêm, đầy đủ các quy định của Nhà nước về hoạt động kinh doanh và các quy định khác có liên quan mà còn tích cực tham gia xây dựng các sản phẩm mới trên thị trường. Theo đó, hòa cùng chiến lược phát triển địa phương, Tổng Công ty đang phối hợp cùng với các đơn vị tại Bình Dương và các Công ty thành viên trong chiến lược phát triển và kiến tạo các dự án khu công nghiệp và đô thị tích hợp nhằm tạo nên những chuỗi giá trị khép kín.



TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP (GRI 203)

Đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ được hỗ trợ (GRI 203-1)

Tác động kinh tế gián tiếp trọng yếu GRI 203-2



ĐÁNH GIÁ VỀ PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Trong năm 2023, trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam và thế giới gặp nhiều khó khăn, thách thức, Tổng Công ty vẫn duy trì những đóng góp đáng kể cho cộng đồng địa phương và nền kinh tế, góp phần cùng các doanh nghiệp chia sẻ và giải quyết các vấn đề xã hội. Trong tương lai, Tổng Công ty sẽ tiếp tục duy trì đẩy mạnh các hoạt động an sinh xã hội, nghiên cứu cho ra mắt thêm những sản phẩm mới giúp tăng cường bảo vệ khách hàng, mở rộng hoạt động thu hút nhân lực địa phương cũng như góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước.

Quá trình phát triển bền vững phải đi liền với sự ủng hộ, tin tưởng của xã hội và cộng đồng địa phương. Vì vậy, Becamex IDC luôn mong muốn đóng góp sức mình vào các chương trình mang ý nghĩa cộng đồng. Là một doanh nghiệp tiên phong trong phát triển mô hình khu công nghiệp gắn liền với đô thị và thương mại dịch vụ, góp phần thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, không những thế, Tổng công ty Becamex IDC trong thời gian qua đã có nhiều hoạt động an sinh xã hội, hướng đến cộng đồng mang nhiều ý nghĩa tích cực và nhân văn.

Với triết lý xuyên suốt, “lấy con người làm trọng tâm”, trong những năm qua Becamex IDC đã đóng góp hàng nghìn tỷ đồng xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, ủng hộ hàng trăm tỷ đồng vào các hoạt động an sinh xã hội, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào các tỉnh bị thiệt hại do thiên tai, chăm lo sức khỏe các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, xây dựng nhà tình nghĩa, tình thương, ủng hộ quỹ vì người nghèo tỉnh Bình Dương đồng thời hỗ trợ, chia sẻ khó khăn cùng nhà đầu tư, người lao động thông qua chính sách miễn giảm phí quản lý, phí thuê nhà trọ dành cho công nhân tại các khu công nghiệp do Becamex IDC đầu tư và quản lý...

Tổng số tiền công ty sử dụng cho các hoạt động thiện nguyện, xã hội, các chương trình liên quan đến cộng đồng địa phương trong năm 2023 là 27.959.000.000 VND, nổi bật là các hoạt động sau:

Về hoạt động đền ơn đáp nghĩa: thực hiện chi 6.143.000.000 đồng, chiếm 0,27% LNST năm 2023, trong đó Tổng Công ty nhận hỗ trợ và nuôi dưỡng 8 bà mẹ Việt Nam anh hùng, Chi tiền tặng quà gia đình Thương binh Liệt sĩ dịp Tết Quý Mão 2023, Chi tiền thương binh liệt sĩ 27/07/2023, tài trợ kinh phí xây dựng Khu lưu niệm đồng bào, cán bộ chiến sĩ miền Nam tập kết ra Bắc, hỗ trợ kinh phí xây dựng Nhà đồng đội...

Về hoạt động y tế, giáo dục: thực hiện chi khoảng 4.791.200.000 đồng, chiếm 0,21% LNST năm 2023, trong đó Tổng Công ty đã tài trợ cho các hoạt động giáo dục, hỗ trợ chương trình hiến máu nhân đạo trong địa bàn, tài trợ Hội nghị phát triển giáo dục và đào tạo vùng Đông Nam Bộ, chi tiền khen thưởng học sinh giỏi cho con em CBNV, ...

Về hoạt động văn hóa thể thao: thực hiện chi 10.715.000.000 đồng, chiếm 0,47% LNST năm 2023, nhằm khuyến khích cho các vận động viên tài năng của Tỉnh đạt giải cao trong các chương trình như Carom Vô địch Châu Á lần 11, Seagames 32, , giải V.LEAGUE 2023 và hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà văn hóa đa năng ...

Công tác xã hội và tôn giáo: Thực hiện chi 6.269.700.000 đồng, chiếm 0,27% LNST năm 2023, cho các hoạt động hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn năm 2023, Hỗ trợ K/P cho đội bóng CĐBD tham gia VCK Giải vô địch Bóng đá CN toàn quốc năm 2023; tài trợ cho hoạt động tôn giáo của tỉnh vì cộng đồng.



KINH TẾ

THÔNG LỆ MUA SẴM (GRI 204)

Tỷ lệ chi tiêu cho các nhà cung cấp địa phương (GRI 204-1)



MỤC TIÊU TRỌNG YẾU

Tại Tổng Công ty, việc đánh giá các rủi ro liên quan đến môi trường, xã hội và quản trị trong chuỗi cung ứng là một yếu tố rất quan trọng không chỉ đối với Tổng Công ty mà còn đối với các nhà đầu tư và khách hàng. Để đạt được mục tiêu xây dựng chuỗi giá trị bền vững cũng như đem lại lợi ích cho Tổng Công ty và các bên liên quan, Tổng Công ty cần gắn kết yếu tố bền vững với các nhà cung cấp và dự án đầu tư. Thông lệ mua sắm cũng phản ánh mức độ các thông lệ mua sắm của Tổng Công ty, bao gồm điều kiện lựa chọn nhà cung cấp dựa trên chất lượng, uy tín, khả năng cung cấp, trách nhiệm xã hội, môi trường và nhiều yếu tố khác. Việc áp dụng các thông lệ này sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả của chuỗi cung ứng tại Tổng Công ty và khả năng cung ứng cho cộng đồng.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Mục đích quản trị

Bằng cách lồng ghép các vấn đề bền vững vào quyết định của mình, Tổng Công ty Becamex sẽ có khả năng bám sát mục tiêu bền vững của Tổng Công ty và đem lại lợi ích cho các bên liên quan, đồng thời cũng góp phần bảo vệ môi trường và xã hội.

Cách thức quản trị

Ngay từ khi lựa chọn các nhà cung ứng, Tổng Công ty đã lựa chọn những nhà cung ứng tuân thủ đầy đủ yêu cầu luật pháp, có ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường, có đạo đức kinh doanh.

Với mục tiêu triển khai dự án đúng tiến độ cam kết, đạt tiêu chuẩn chất lượng và tính thẩm mỹ cao; Tổng Công ty luôn đánh giá cao tầm quan trọng của việc hợp tác, ưu tiên lợi ích của các đối tác và khách hàng.

ĐÁNH GIÁ VỀ PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Trước biến động nhanh và khó lường của nền kinh tế trong năm 2023, Tổng Công ty đã linh hoạt, chủ động trong việc lựa chọn và đa dạng hóa nhà cung ứng, đặc biệt ưu tiên cho các đối tác cung ứng trong nước nhằm đảm bảo tiến độ dự án theo cam kết với chủ đầu tư; cụ thể 100% giá trị mua sắm đã trả cho nhà cung cấp trong năm 2023 đều đến từ các nhà cung cấp địa phương.



TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

MÔI TRƯỜNG

Môi trường đang đối mặt với nhiều thách thức nghiêm trọng từ việc ô nhiễm môi trường đến sự suy giảm của các nguồn tài nguyên tự nhiên. Biến đổi khí hậu, mất rừng, ô nhiễm không khí và nước là những vấn đề cấp bách đang ảnh hưởng đến sức khỏe của con người và sự phát triển bền vững của xã hội.

Chống ô nhiễm và góp phần phục hồi, cải tạo môi trường là mục tiêu hàng đầu trong chiến lược phát triển bền vững của Becamex IDC. Chính sách môi trường của Tổng công ty thể hiện rõ phải ngăn ngừa ô nhiễm gây thiệt hại đến môi trường và không ngừng cải tiến hệ thống quản

lý chất lượng, môi trường và an toàn thông tin để vươn đến sự hoàn thiện và phát triển bền vững. Tổng Công ty luôn nỗ lực cập nhật và nâng cao các tiêu chuẩn về môi trường theo xu hướng của quốc tế và Việt Nam. Hiện nay, Tổng Công ty đã triển khai và áp dụng tiêu chuẩn ISO 14001:2015 vào việc xác định và quản lý các vấn đề liên quan đến môi trường một cách toàn diện và chủ động kiểm soát để đảm bảo tuân thủ các yêu cầu pháp luật, ngăn ngừa rủi ro và giảm thiểu tác động tiêu cực từ các sự cố về môi trường. Trong năm, Tổng Công ty không bị vi phạm về xử phạt môi trường.



VẬT LIỆU (GRI 301)

Vật liệu đã được sử dụng theo trọng lượng hoặc khối lượng (GRI 301-1)

Vật liệu tái chế đã được sử dụng (GRI 301-2)



MỤC TIÊU TRỌNG YẾU

Là nhà phát triển bất động sản công nghiệp và đô thị, nguyên vật liệu là một trong những yếu tố có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Mục đích quản trị

Tổng Công ty chú trọng quản lý nguồn nguyên vật liệu, thực hiện nghiêm túc các chính sách, chủ trương bảo vệ môi trường theo quy định, chỉ thị của nhà nước. Với vai trò là bên trực tiếp lẫn gián tiếp xây dựng, thi công các công trình, bên cạnh việc nâng cao chất lượng sản phẩm, trách nhiệm đối với môi trường luôn được Becamex IDC chú trọng.

Cách thức quản trị

Là một doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh có nền tảng giá trị từ chuỗi cung ứng khép kín, Tổng Công ty Becamex luôn đảm bảo tính ổn định của nguồn nguyên vật liệu chính cho tất cả các công trình do mình thực hiện. Việc cung cấp nguyên liệu đầu vào được thực hiện từ các công ty con như CTCP Kinh doanh và Phát triển Bình Dương (vật liệu xây dựng), CTCP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương (cung cấp và thi công các công trình giao thông), các công trình công nghiệp và dân dụng được thực hiện bởi các đối tác có kinh nghiệm và hợp tác lâu dài trong thời gian qua. Trong tất cả các hoạt động, Tổng Công ty luôn chú trọng đẩy mạnh các công nghệ kỹ thuật thông qua việc liên tục cải tiến năng lực áp dụng mô hình 3D vào lĩnh vực thi công. Nhờ vậy, không chỉ các xung đột trong thiết kế, rủi ro trong quá trình thi công được kiểm soát, phát hiện và xử lý kịp thời mà còn giúp tiết kiệm nguyên vật liệu xây dựng và hạn chế các chi phí sửa chữa cho Tổng Công ty. Ngoài ra, với mục đích gắn kết các hoạt động của Tổng Công ty với trách nhiệm về xã hội, môi trường và kinh tế, nhằm mục đích cải thiện chất lượng cuộc sống cho Khách hàng nói riêng, cộng đồng xung quanh và xã hội nói chung, Tổng Công ty còn đặc biệt quan tâm và tăng ứng dụng các phương pháp thi công hiện đại, các loại vật liệu mới thân thiện với môi trường vào quá trình thi công và hoàn thiện dự án.



TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

MÔI TRƯỜNG

NƯỚC (GRI 303)

Lượng nước đầu vào theo nguồn (GRI 303-1)



MỤC TIÊU TRỌNG YẾU

Nước đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong mọi hoạt động trên Trái đất. Mặc dù nước chiếm 3/4 diện tích của Trái đất, nhưng chỉ có 0,7% nước ngọt có sẵn để sử dụng. Hiện nay, chúng ta đang phải đối mặt với cuộc khủng hoảng nước nghiêm trọng do suy giảm hệ sinh thái, ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu. Do đó, việc sử dụng nguồn nước sạch một cách hiệu quả và tiết kiệm là vô cùng quan trọng để bảo vệ môi trường và đáp ứng nhu cầu nước của con người.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Mục đích quản trị

Là doanh nghiệp thuộc lĩnh vực xây dựng, Tổng Công ty Becamex hiểu rằng nước có vai trò quan trọng đến hoạt động kinh doanh và tác động trực tiếp đến môi trường xung quanh. Do đó, Tổng Công ty luôn gắn kết mọi hoạt động sử dụng nước với mục tiêu giảm thiểu tác động đến môi trường, đảm bảo tài nguyên nước được khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và kiểm soát nguồn thải.

Cách thức quản trị

Nước là nguồn tài nguyên có sẵn trong thiên nhiên nhưng không vô tận, do đó việc tiêu thụ nước, công tác tiết kiệm nước sinh hoạt, kiểm soát các điểm cung

cấp nước, tận dụng các nguồn nước thiên nhiên như nước mưa... trong suốt quá trình công tác thi công xây dựng dự án luôn là một trong những mối quan tâm lớn của Tổng Công ty. Tổng công ty cũng không ngừng cải tiến, hệ thống cấp nước tinh khiết trực tiếp tích hợp năng lượng mặt trời, tận dụng nước mưa và tái xử lý qua hệ thống trạm xử lý ngay tại dự án để sử dụng tưới cây, đảm bảo cung cấp đầy đủ nước sạch cho người dân và doanh nghiệp theo tiêu chuẩn của WHO,...Chính những điều đó đảm bảo sự hiện đại và tận dụng các nguồn tài nguyên sẵn có tại Becamex IDC. Để tránh sử dụng nguồn nước lãng phí, Tổng Công ty đã có những biện pháp kiểm soát nguồn nước cũng như quy trình kiểm tra hệ thống nước định kỳ. Đồng thời, Tổng Công ty cũng đề ra một số phương án nhằm cắt giảm lượng nước sử dụng như:

- Quản trị vấn đề nước và nước thải thông qua hệ thống xử lý nước thải và hồ chứa nước sau khi xử lý để tái sử dụng nước cho các mục đích khác.
- Kiểm tra hệ thống nước định kỳ nếu có dấu hiệu bất thường về định mức, đảm bảo đã đóng chặt van nước sau khi sử dụng.
- Xây dựng bờ bao vây xung quanh tại các khu vực nơi chứa nguyên liệu;
- Tuyên truyền tới toàn thể CBCNV Tổng Công ty về ý thức sử dụng và tiết kiệm tài nguyên nước.
- Quyết liệt tuyên truyền và phát động các CBNV trực tiếp thi công tại công trường cùng các CBNV tại khối văn phòng cùng tham gia thực hành tiết kiệm nước



MÔI TRƯỜNG

NƯỚC (GRI 303)

Lượng nước đầu vào theo nguồn (GRI 303-1)



ĐÁNH GIÁ VỀ PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

STT	Các nguồn nước	Đơn vị tính	Lượng tiêu thụ
1	Nước sử dụng	m ³	148,145

Dự án Quản lý nước mưa đổi mới thí điểm tại Khu công nghiệp Bàu Bàng

Dự án Quản lý nước mưa đổi mới thí điểm tại Khu công nghiệp Bàu Bàng nhằm mục tiêu phát triển Khu công nghiệp xanh, hiện đại và bền vững, từ đó nâng cao danh tiếng của Becamex IDC như một nhà tiên phong trong lĩnh vực công nghiệp tại Việt Nam. Dự án này nhằm đến việc cải thiện chất lượng nước, phục hồi đa dạng sinh học, giảm thiểu CO₂ và dấu chân nước trong KCN bằng cách áp dụng các Giải pháp Dựa Vào Thiên nhiên (NBS) và các cách tiếp cận phù hợp, cải tiến khác.

Trong trường hợp KCN Bàu Bàng của Becamex IDC có nảy sinh các cơ hội có thể trở thành KCN có tầm nhìn tương lai, hiện đại nhờ vào sơ đồ quản lý nước mưa hiện đại. Đây bao gồm các biện pháp như giảm thiểu hệ thống thoát nước mưa "xám" (bê tông) để giảm chi phí đầu tư, giảm thiểu mối đe dọa đối với các khu định cư và cộng đồng ở hạ lưu, tạo cơ hội tuần hoàn nước mưa cho các quá trình công nghiệp, và tái sử dụng nước mưa cho nhiều mục đích như tưới cây, rửa đường, và thấm nước ngầm.

Vườn mưa là một phương pháp xanh được áp dụng để hấp thụ nước mưa và tạo ra không gian xanh cho khu vực. Bằng cách sử dụng các loại cây, cây cỏ và các loại

thảo mộc có khả năng hấp thụ nước tốt, vườn mưa giúp làm giảm lượng nước thấm vào đất và giảm nguy cơ ngập úng trong mùa mưa. Đồng thời, vườn mưa còn là một cách hiệu quả để cải thiện chất lượng nước bằng cách loại bỏ các chất ô nhiễm và tạo ra một môi trường sống lành mạnh cho các loài sinh vật.

Hệ thống rãnh sinh học là một giải pháp khác được sử dụng để điều tiết dòng chảy nước mưa và giảm thiểu tác động của lũ lụt. Các rãnh sinh học thường được xây dựng với cấu trúc tự nhiên, có thể là đất hoặc vật liệu hữu cơ, để tạo ra các kênh dẫn nước mưa đi vào các hồ chứa hoặc kênh dẫn nước chính. Các loại cây cỏ và thảo mộc được trồng xung quanh các rãnh để giữ đất và hấp thụ nước, đồng thời tạo ra một môi trường sống cho các loài sinh vật.

Ngay trung tâm khu công nghiệp Bàu Bàng, một khu vực đất công viên rộng gần 10ha dọc bờ suối và có sẵn hồ nước đang được thiết kế chi tiết lại để tiếp nhận nước mưa từ những hệ thống thu gom nước mưa kiểu mới như vườn mưa, hệ thống rãnh sinh học. Dự án này không chỉ giúp tăng cường khả năng chịu nước cho khu vực mà còn đóng góp vào việc cải thiện môi trường sống và giảm thiểu tác động của nước mưa đến môi trường và cộng đồng xung quanh.

Với mục tiêu phát triển bền vững, quản lý tài nguyên nước là yếu tố môi trường cốt lõi trong hoạt động kinh doanh khu công nghiệp và đô thị của Becamex IDC. Đồng thời, Tổng công ty Becamex cũng đang xem xét việc tạo ra tín chỉ carbon thông qua việc tạo ra các vùng đất ngập nước nhân tạo, từ đó tạo nguồn thu nhập ổn định và giúp chi trả một phần chi phí vận hành và bảo dưỡng của Tổng công ty.

Điều này không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn đóng góp vào mục tiêu phát triển bền vững của Becamex IDC trong việc quản lý tài nguyên nước và giảm thiểu phát thải ô nhiễm công nghiệp. Cùng với đó, dự án còn tạo ra nhiều lợi ích môi trường và đa dạng sinh học, đồng thời thu hút các nhà đầu tư và khách hàng tiềm năng.



TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

MÔI TRƯỜNG

NĂNG LƯỢNG GRI 302

Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức (GRI 302-1)

Giảm tiêu hao năng lượng (GRI 302-2)

Giảm nhu cầu năng lượng của sản phẩm và dịch vụ (GRI 302-3)



MỤC TIÊU TRỌNG YẾU

Biến đổi khí hậu đang trở thành một trong những thách thức khó khăn nhất mà nhân loại phải đối mặt trong thế kỷ 21. Theo đánh giá của các chuyên gia, vai trò của cộng đồng doanh nghiệp là rất quan trọng trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, nhận thức về vấn đề này trong các doanh nghiệp vẫn còn hạn chế và không đồng đều, điều này đang gây ra ảnh hưởng đáng kể đến mục tiêu của việc thúc đẩy tăng trưởng bền vững.

Trong quá trình hoạt động, Tổng Công ty đã nhận ra rằng việc điều chỉnh và cân nhắc về nguồn năng lượng mà doanh nghiệp tiêu thụ có thể giúp giảm thiểu tác động của chúng đối với môi trường. Do đó, Tổng công ty luôn đặc biệt chú trọng đến việc giám sát và quản lý việc sử dụng nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên, nhằm giảm thiểu lượng năng lượng tiêu thụ cũng như cường độ phát thải khí nhà kính, từ đó giảm thiểu tác động tiêu cực lên môi trường và cộng đồng xã hội.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Mục đích quản trị

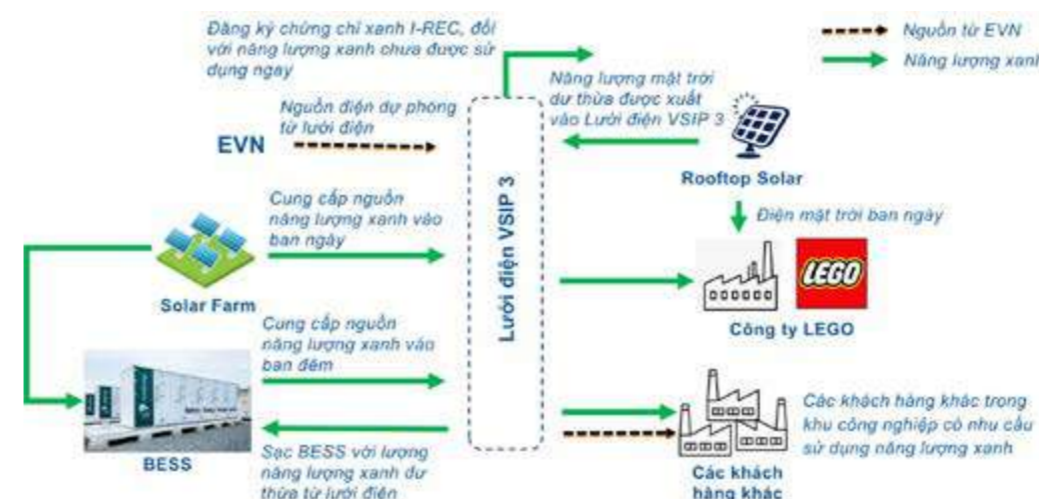
Tổng Công ty Becamex tin rằng, việc đạt được mục tiêu bảo vệ môi trường sẽ trở nên dễ dàng hơn khi có sự hợp tác từ các bên liên quan, đặc biệt là các đối tác trong chuỗi giá trị của Tổng công ty, cùng tham gia thực hiện mục tiêu môi trường được tích hợp trong các hoạt động kinh doanh, đồng thời đảm bảo sẵn sàng thích ứng với trạng thái bình thường mới. Chúng tôi cam kết giảm thiểu sử dụng các nguồn năng lượng và tài nguyên, đồng thời nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và tạo ra một môi trường sống bền vững hơn.

Cách thức quản trị

Với đặc thù hoạt động kinh doanh trong ngành, nguồn năng lượng tiêu thụ được sử dụng trong các hoạt động hàng ngày, vận hành hệ thống và các máy móc thiết bị, vận chuyển chủ yếu của Tổng Công ty là điện năng, xăng và dầu Diesel. Theo đó, năng lượng sử dụng tại Tổng Công ty được kiểm soát qua thời

gian vận hành, khoảng cách di chuyển nguyên vật liệu. Để đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững trong các hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty đã hợp tác cùng Sembcorp – tập đoàn năng lượng toàn cầu hàng đầu hình thành liên doanh Công ty Cổ phần Giải pháp Năng lượng Thông minh Việt Nam – Singapore (VSSSES) nhằm mang đến những giải pháp năng lượng thông minh cho khách hàng công nghiệp. VSSSES chịu trách nhiệm về chi phí xây dựng, sở hữu, vận hành và bảo dưỡng hệ thống mạng lưới điện mặt trời tầng mái, nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh của khách hàng không phát sinh bất kỳ gián đoạn nào trong suốt quá trình hoạt động. Bên cạnh đó, Tổng công ty luôn nâng cao nhận thức người lao động thúc đẩy triển khai các sáng kiến như tiết kiệm năng lượng, tài nguyên, thực hành sản xuất sạch hơn.

Đối với việc năng lượng tiêu thụ từ các KCN, KĐT, KDC được lắp đặt hệ thống giám sát năng lượng, chiếu sáng sẽ chuyển toàn bộ dữ liệu hoạt động được kết nối về Trung tâm điều hành thông minh (Becamex IOC).



Mô hình triển khai Nhà máy trung hoà carbon đầu tiên của LEGO (Năm 2024 sẽ đưa vào hoạt động và dự kiến 2032 đạt trung hoà Carbon)



TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

MÔI TRƯỜNG

NĂNG LƯỢNG GRI 302

Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức (GRI 302-1)

Giảm tiêu hao năng lượng (GRI 302-2)

Giảm nhu cầu năng lượng của sản phẩm và dịch vụ (GRI 302-3)

ĐÁNH GIÁ VỀ PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Trong năm 2023, tổng nguồn năng lượng tiêu thụ của Tổng Công ty như sau:

Lượng điện sử dụng	Đơn vị tính	Năm 2023
Khối lượng	kWh	21,498,997.15
Giá trị	Đồng	41.889.044.269

Loại nhiên liệu	Đơn vị tính	Khối lượng	Sử dụng cho mục đích gì
Dầu Diezen	Lít	269.788	Phục vụ cho việc vệ sinh đường và chăm sóc cây xanh
Xăng A95	Lít	21.136	Phục vụ cho việc chăm sóc cây xanh
Nhớt	Lít	2.694	Phục vụ cho việc vệ sinh đường và chăm sóc cây xanh

Tổng công ty Becamex đã chú trọng vào việc phát triển năng lượng sạch như một phần quan trọng của chiến lược kinh doanh của mình. Bằng cách tận dụng tiềm năng của năng lượng tái tạo, Tổng công ty đã triển khai hàng loạt các dự án, bao gồm việc cung cấp giải pháp năng lượng tái tạo cho các nhà đầu tư trong các Khu công nghiệp. Một số dự án tiêu biểu bao gồm việc lắp đặt năng lượng áp mái cho khách hàng Emivest Feedmill và dự án cung cấp hệ thống năng lượng hướng đến nhà máy trung hòa carbon đầu tiên của tập đoàn Lego trên thế giới được phát triển theo hướng xanh, bền vững và thân thiện môi trường. Mục tiêu đặt ra là không có khí thải carbon, nguồn điện sử dụng hoạt động nhà máy là năng lượng tái tạo cung cấp từ hệ thống pin mặt trời từ cánh đồng pin ngay cạnh nhà máy. Các dự án này đều đóng góp vào việc kết nối năng lượng tái tạo vào lưới điện KCN, giúp giảm tải tác động lên lưới điện quốc gia và đáp ứng nhu cầu năng lượng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các nhà đầu tư.

Trong năm 2023, hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái và hệ thống quản lý năng lượng tòa nhà tích hợp có diện tích 6 ha được lắp đặt trên tòa WTC Expo với công suất 1.586 MWp. Khi đi vào hoạt động, công trình dự kiến sẽ sản xuất 2,2 triệu kWh năng lượng xanh mỗi năm. Điều này không chỉ giúp giảm mức tiêu thụ điện trung bình hàng năm từ 4,67 triệu kWh xuống còn 3 triệu kWh,

mà còn tiết kiệm được 38% điện năng. Mỗi năm, dự án này dự kiến sẽ giảm lượng khí thải CO2 lên đến 1,98 triệu tấn, tương đương với việc trồng thêm 24.000 cây xanh, đồng thời mang lại lợi ích môi trường to lớn. Trong suốt 25 năm hoạt động, dự án này dự kiến sẽ giảm tổng cộng 49 triệu tấn CO2 và trồng thêm 600.000 cây xanh, góp phần tích cực vào việc bảo vệ môi trường và cải thiện chất lượng không khí.

Mô hình trạm sạc xe điện kết hợp lưu trữ năng lượng cũng được triển khai, nhằm tận dụng tối đa nguồn năng lượng mặt trời từ dự án. Năng lượng này được lưu trữ và sử dụng khi nhu cầu thấp, giúp giảm thiểu lượng khí thải CO2 và thúc đẩy sử dụng năng lượng xanh. Đồng thời, nó cũng có thể được sử dụng cho các tiện ích xanh như trạm sạc xe điện và làm nguồn điện dự phòng cho tòa nhà, giúp giảm thiểu sự phụ thuộc vào các nguồn năng lượng truyền thống và tăng cường bảo vệ môi trường.

Công suất sản xuất điện tại các dự án:

Khu vực	DC Capacity (MWp)	Solar Generated (MWh)
Bình Dương	15.644	18,688
Bình Phước	0.577	506
Đồng Nai	5.741	5,806
Hưng Yên	0	-
KCN Bà Rịa	1.465	1,225
KCN VSIP 2A	4.756	3,780
KCN VSIP HẢI PHÒNG	13.518	10,134
KCN VSIP NGHỆ AN	0.111	105
KCN VSIP QUẢNG NGÃI	0.068	70
KCN VSIP1	6.99	5,741
LONG AN	4.764	5,926
NAM ĐỊNH	1.242	828
QUẢNG NAM	0.278	284
SÓC TRĂNG	1.106	757
TÂY NINH	2.86	3,864
VŨNG TÀU	2.14	2,421
Tổng cộng	61.26	60,135



MÔI TRƯỜNG

PHÁT THẢI GRI 305, NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI GRI 306

MỤC TIÊU TRỌNG YẾU

Với đặc thù ngành nghề kinh doanh, nên phần lớn lượng phát thải, nước thải từ tòa nhà và các dự án trong KCN nếu không được xử lý trước khi thải ra môi trường sẽ kéo theo các tác động tới sức khỏe và môi trường sống của cộng đồng. Do đó, Tổng công ty luôn tìm kiếm các giải pháp công nghệ tiên tiến để giảm thiểu phát thải, nước thải và chất thải, nâng cao hiệu quả hoạt động và góp phần phát triển ngành công nghệ môi trường và năng lượng tái tạo góp phần giảm tối đa lượng phát thải nhà kính độc hại ra môi trường và sử dụng tài nguyên hiệu quả.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Mục đích quản trị

Giảm hoặc loại bỏ tác động xấu đến môi trường thông qua việc giảm thiểu chất thải, phát thải, nước thải từ đó giảm ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng và môi trường tự nhiên.

Cách thức quản trị

Hàng năm, Tổng công ty tuân thủ công bố Báo cáo giám sát bảo vệ môi trường cho từng KCN-ĐT-DV của Tổng Công ty theo quy định tại khoản 12 điều 102 Nghị định 08/2022/ND-CP. Tổng Công ty thực hiện giám sát bảo vệ môi trường tại các KCN-KĐT-KDC định kỳ 3 tháng/1 lần.

ĐÁNH GIÁ VỀ PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Theo dõi và kiểm soát lượng nước thải

Tổng công ty ban hành Quy trình xử lý nước thải nhằm quy định các biện pháp, trình tự thực hiện hoạt động kiểm soát chất lượng nước thải từ điểm xả thải, đến hệ thống thu gom, hệ thống xử lý và xả nước thải ra môi trường tại xí nghiệp xử lý nước thải do Tổng Công Ty quản lý để đảm bảo đúng yêu cầu của Pháp luật về môi trường và được mục tiêu của hệ thống quản lý chất lượng - môi trường.

Với hệ thống xử lý xả thải đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011, Becamex IDC tiếp nhận nước thải từ các nguồn (các công ty trong khu công nghiệp, hộ dân cư, tòa nhà trong các khu đô thị) về các NM XLNT tập trung của Becamex IDC để xử lý theo quy trình chặt chẽ xả nước thải ra môi trường. Nước thải xử lý trong năm 2023: **8.035.799** m³.

Phân loại nước thải:

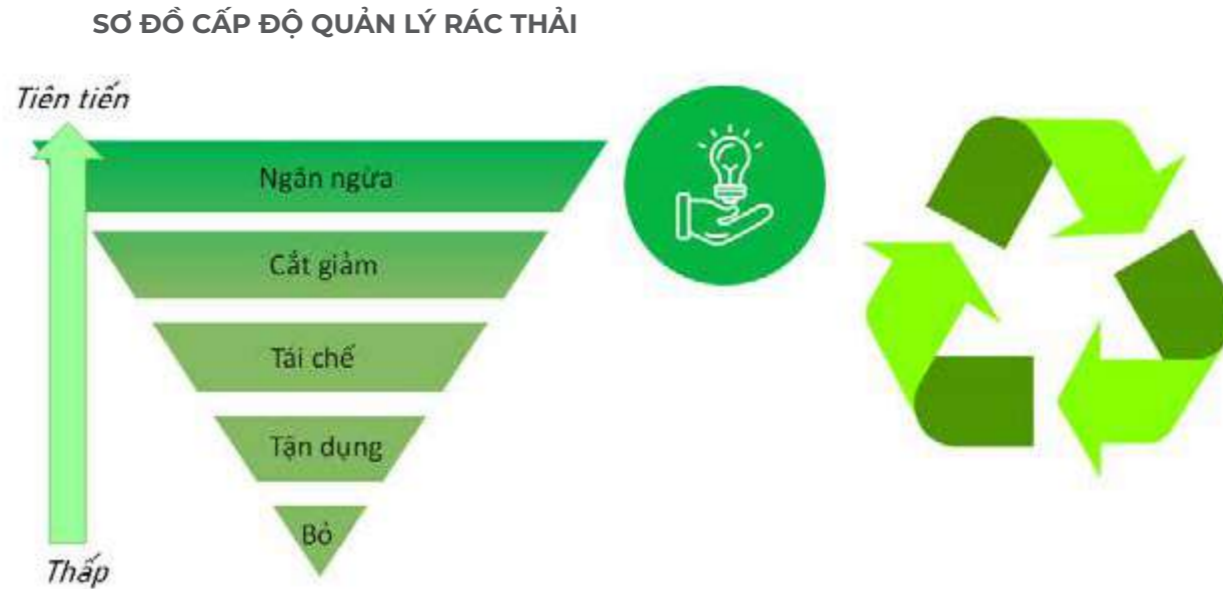
- Nước mưa và nước chảy tràn: Trong các tháng mùa mưa phát sinh lượng lớn nước mưa chảy tràn trên toàn bộ diện tích của khu đất dự án. Chất lượng nước mưa và nước chảy tràn khá tốt nên không làm ô nhiễm nguồn nước mặt xung quanh khu vực công trình. Để tiết kiệm lượng nước tiêu thụ sử dụng trong quá trình thi công dự án, Tổng Công ty có thể thu gom và tận dụng lại nguồn nước thiên nhiên này.
- Nước thải sinh hoạt: Thành phần chủ yếu là các hợp chất hữu cơ dễ phân hủy, chất rắn lơ lửng, các hợp chất dinh dưỡng (N, P), vi khuẩn... được xử lý bằng bể tự hoại, sau đó theo cống thoát nước chung của KCN cùng với nước thải công nghiệp của các cơ sở chảy về HTXL tập trung của KCN.
- Nước thải sản xuất: Thành phần nước thải sản xuất đa dạng, phụ thuộc vào ngành nghề sản xuất. Nước thải tại các nhà máy trong KCN được xử lý sơ bộ trước khi đầu nối vào hệ thống cống thu gom về NM XLNT tập trung.

Biện pháp xử lý kỹ thuật:

- Nước thải sau khi được xử lý sơ bộ ở nhà máy đều đưa về HTXLNT tập trung của KCN, xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT trước khi xả ra mạng lưới cống thoát nước của khu vực.
- Hệ thống quan trắc nước thải tự động được đặt tại trạm XLNT tập trung của KCN truyền thông tin liên tục, đầy đủ về Sở TNMT tỉnh Bình Dương và đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra đạt yêu cầu của quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.
- Thuê đơn vị có đủ chuyên môn tiến hành quan trắc và lập báo cáo định kỳ về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường (Phòng Tài nguyên nước) theo quy định.
- Bổ sung chế phẩm vi sinh theo định kỳ nhằm tăng hiệu suất xử lý nước thải tại bể tự hoại, bổ sung hóa chất khử trùng để khử trùng nước thải trước khi thải ra nguồn nước.
- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, thoát nước và hệ thống cống xả tránh hiện tượng tắc nghẽn và tràn mặt kể cả trong điều kiện thời tiết bất lợi nhất;
- Tại các nhà máy xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn ISO tiên tiến nhất, nước thải từ hoạt động công nghiệp được thu gom và xử lý đạt chung theo quy trình nghiêm ngặt trước khi quay lại môi trường. Tổng Công ty tăng cường ứng dụng các giải pháp tiên tiến để tận dụng một phần nguồn nước đã qua xử lý cho các hoạt động sản xuất, vệ sinh và tưới tiêu.



PHÁT THẢI GRI 305, NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI GRI 306



KHU LIÊN HIỆP XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN NAM BÌNH DƯƠNG

ĐÁNH GIÁ VỀ PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Theo dõi và kiểm soát lượng chất thải

Tại các KCN được bố trí đầy đủ đảm bảo công tác vệ sinh và phân loại rác, sau đó rác được thu gom đưa về cơ sở xử lý, tái chế của Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương được đầu tư và vận hành bởi Biwase. Hiện nay, Biwase có đến 4 dây chuyền công nghệ tách lọc xử lý rác với công suất 2.520 tấn/ngày với quy mô khu tích ủ lên men trên 100.00 m³, diện tích sàn 30.800 m²; diện tích nhà xưởng ủ chín lên tới 56.800 m²; 2 nhà máy xử lý nước rỉ rác công suất 1.000 m³/ngày cùng nhiều dây chuyền xử lý tái chế khác hoàn toàn đủ công suất tiếp nhận 100% rác sinh hoạt của tỉnh về khu liên hợp; 2 nhà máy đốt rác y tế công suất 16 tấn/ngày; 4 nhà máy đốt rác hỗn hợp công suất 500 tấn/ngày, trong đó có 1 nhà máy công suất 200 tấn/ngày có thu nhiệt phát điện công suất 5MW.

Phân loại chất thải

- Chất thải sinh hoạt: Chất thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn từ quá trình sinh hoạt của công nhân làm việc trên công trình. Lượng chất thải sinh hoạt không lớn và ký hợp đồng với đối tác để thu gom, vận chuyển để đưa đi xử lý tại nhà máy xử lý tập trung.

- Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại: Tại trạm XLNT tập trung KCN không phát sinh loại chất thải này. Chất thải phát sinh tại các công ty trong KCN đều thực hiện thu gom, lưu trữ và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý đúng theo quy định.
- Chất thải nguy hại: Được thu gom, phân loại, lưu trữ tại khu vực riêng biệt, có thùng chứa riêng, có ghi tên, dán nhãn cảnh báo nguy hiểm, độc hại theo quy định, hợp đồng với Xí nghiệp Xử lý chất thải - Công ty Cổ phần Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương vận chuyển xử lý theo quy định. Các công ty trong KCN đều thực hiện các biện pháp phân loại, lưu trữ tương tự theo quy định và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý.

Biện pháp xử lý kỹ thuật

- Lượng chất thải được xử lý trong năm là 2,08 tấn. Trong đó lượng chất thải nguy hại được xử lý là 2,065 tấn.
- Becamex IDC trang bị đầy đủ thùng rác theo ISO 14001, có đội ngũ công nhân vệ sinh, dọn dẹp đường phố tại các KCN, KĐT, KDC và văn phòng làm việc. Tổng Công ty ký hợp đồng đầy đủ với đơn vị thu gom có chức năng để thu gom và xử lý toàn bộ chất thải rắn (thông thường và nguy hại) phát sinh.
- Chất thải nguy hại được phân loại tại nguồn, thu gom, lưu trữ tại vị trí riêng biệt có cảnh báo theo quy định.
- Ký hợp đồng, chuyển giao chất thải nguy hại và chất thải thông thường cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.



TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

MÔI TRƯỜNG

PHÁT THẢI GRI 305, NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI GRI 306

ĐÁNH GIÁ VỀ PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

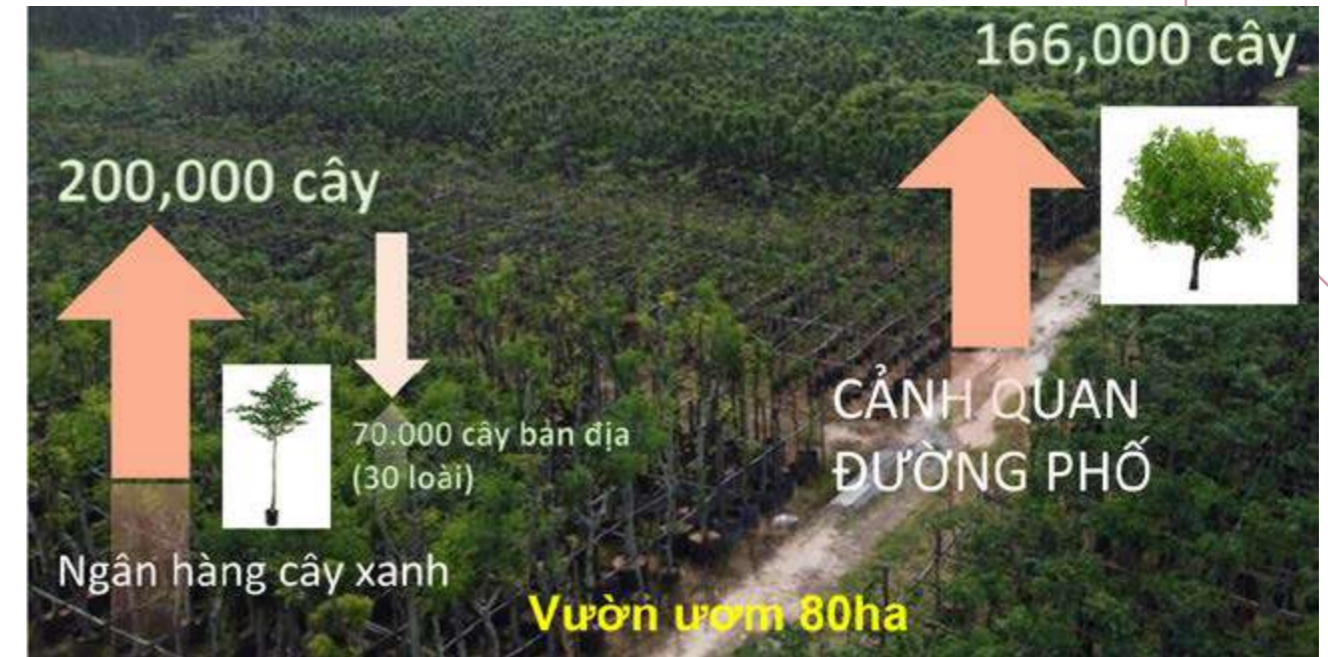
Tăng cường mảng xanh

Với mục tiêu phát triển KCN xanh - thông minh, Tổng Công ty tích cực chủ động nghiên cứu, thúc đẩy giải pháp thực hành sáng kiến về bảo vệ môi trường để gia tăng cường mảng xanh cho KCN góp phần kiến tạo một tương lai bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của KCN.

Chiến lược trồng 1 triệu cây xanh, trong đó ưu tiên cây rừng, cây bản địa góp phần phủ xanh, giảm phát thải cacbon, và phục hồi đa dạng sinh học. Trồng cây rừng và cây bản địa tại các KCN, KĐT và KDC do Tổng Công ty quản lý: hơn 270.000 cây được trồng đến hết năm 2023. Dự kiến trong năm 2024, sẽ có thêm 89.000 cây xanh được trồng tại các KCN. Thông qua việc này, Tổng công ty dự kiến có thể cắt giảm trên 85,300 tấn CO2 phát thải và lưu giữ 3,8 triệu m³ nước mưa hàng năm giúp phục hồi đa dạng sinh học với nhiều chủng loại cây rừng thực hiện dự án tạo ra hành lang cây xanh xung quanh KCN. Đây không chỉ là một cách để tạo ra một môi trường làm việc dễ chịu mà còn có vai trò quan trọng trong việc giữ nước, chống xói lở đất và lọc chất ô nhiễm từ môi trường xung quanh. Bên cạnh đó, góp phần loại bỏ hoàn toàn khí nhà kính từ quá trình sản xuất và khôi phục, bảo tồn hệ sinh thái động thực vật bản địa. Tổng công ty sẽ đầu tư vào công nghệ xanh và tiên tiến nhằm đạt được mục tiêu tín chỉ carbon, giúp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và khí hậu toàn cầu.

Ngoài việc trồng cây xanh, chúng tôi cũng hướng đến việc tích hợp đồng bộ quy hoạch, thiết kế và xây dựng cảnh quan nội khu, đường phố, khu dân cư theo hướng xanh – sạch – đẹp. Điều này giúp chúng tôi từng bước chuyển đổi hạ tầng xám sang hạ tầng xanh, thân thiện với môi trường. Tổng công ty rất tự hào được đồng hành cùng chính quyền địa phương, cộng đồng doanh nghiệp, và nhà đầu tư trong hành trình phủ xanh.

Becamex IDC sẽ không ngừng phát động và tổ chức các chương trình ngày hội trồng cây đến cộng đồng dân cư và người lao động trong và ngoài KCN. Điều này giúp nâng cao ý thức của mọi người về hoạt động bảo vệ môi trường và tạo ra một sự hiểu biết sâu sắc về tầm quan trọng của việc bảo vệ và duy trì môi trường sống xanh cho thế hệ tương lai. Chúng tôi tin rằng, thông qua sự hợp tác chặt chẽ này, chúng ta có thể tạo ra một môi trường sống và làm việc tốt đẹp hơn cho tất cả mọi người.



Đóng góp 1 triệu cây xanh đến 2030

	Mỹ Phước	Bàu Bàng	Thới Hòa	Khu Liên Hợp	Bình Định	Bình Phước	Bình Thuận	Khu khác (tặng địa phương, KCN mới)	Tổng các khu
Trước 2023	55.986	65.416	29.445	69.825	1.065			6.865	228.602
Năm 2023	6.789	21.992	1.906	3.143	2.477	8.333		1.000	45.640
Kế hoạch năm 2024	10.000	60.000	3.000	5.000	3.300	5.000		2.000	89.230
Kế hoạch năm 2025	10.000	60.000	3.000	5.000	5.000	5.000	2.000	7.000	97.000
Tổng số cây đến hết 2030	132.775	507.408	52.351	107.968	61.842	69.263	47.000	51.865	1.030.472



TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

MÔI TRƯỜNG

PHÁT THẢI GRI 305, NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI GRI 306



ĐÁNH GIÁ VỀ PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Sử dụng nguồn tài nguyên hiệu quả- Quản lý chất thải rắn- Vật liệu tái chế

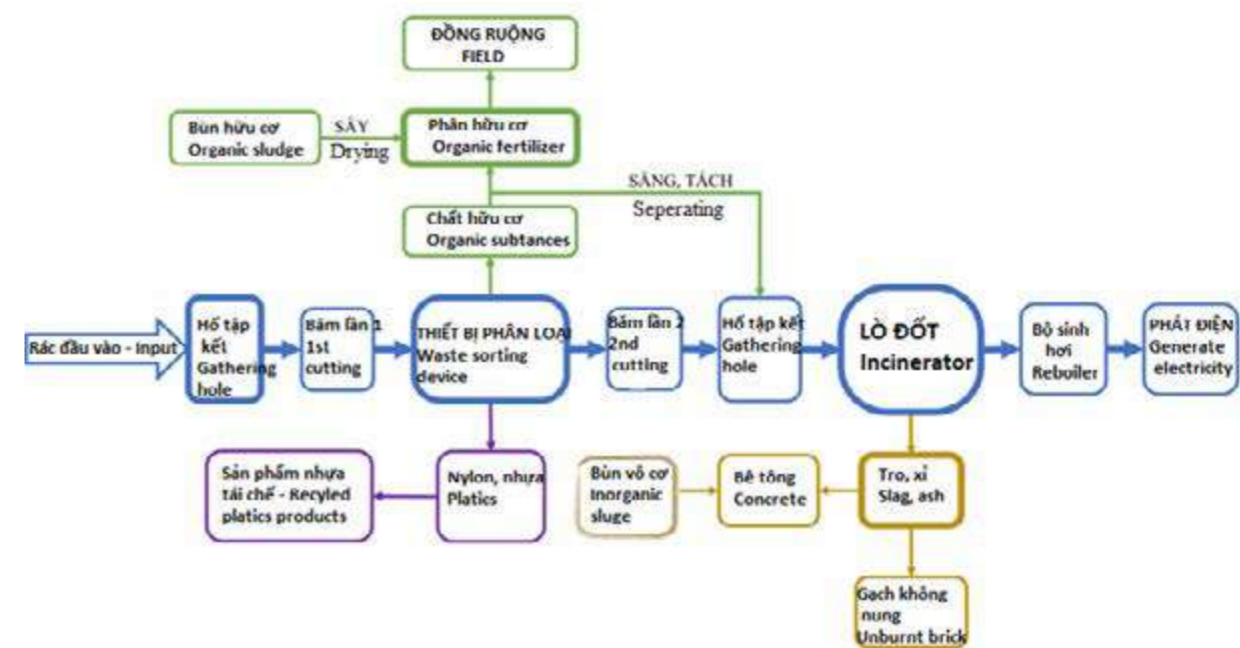
Tổng Công ty đã áp dụng quy trình tái chế rác cành cây được cắt tỉa từ hạ tầng các KCN để ủ làm mùn gỗ, bón lại cho cây xanh, vừa tạo dinh dưỡng và môi trường ẩm cho đất, giảm lượng nước tưới và cỏ dại. Tổng lượng dăm gỗ xay 2023 là 2.667m³.

Chất thải rắn được tái chế thành các sản phẩm thân thiện với môi trường như: phân bón vi sinh, phân cải tạo đất hữu cơ, phân hữu cơ, các loại phân hữu cơ khoáng, phân hữu cơ sinh học, gạch xây không nung(gạch bê tông) và tận dụng nguồn nhiệt, khí phát ra từ quá trình phân hủy, xử lý rác thải để sản xuất điện năng.

Một số hệ thống công nghệ được áp dụng tại Becamex IDC nhằm sử dụng nguồn tài nguyên hiệu quả:

- Công nghệ thu hồi khí Biogas từ các hố chôn lấp hợp vệ sinh: 04 tổ hợp máy phát với công suất 400KVA/máy, tổng công suất phát điện là 1600 KVA
- 16 dòng sản phẩm phân bón được Bộ NN&PTNT cấp phép: Phân cải tạo đất hữu cơ; Phân hữu cơ; Các loại phân hữu cơ khoáng; Phân hữu cơ vi sinh; Phân hữu cơ sinh học
- Hệ thống tái chế tro, xỉ làm vật liệu xây dựng: Nhà máy sản xuất gạch xây không nung (gạch bê tông) từ tro, xỉ lò đốt: 120.000 viên/ ngày. Hệ thống nghiền chất thải xây dựng: 160 tấn/ ngày.
- 1 lò đốt chất thải sinh hoạt, công nghiệp, nguy hại công suất 201,6 tấn/ngày có tận thu nhiệt phát điện, công suất 5 MW, 02 lò đốt chất thải y tế: 7,2 tấn/ngày, 02 lò đốt chất thải công nghiệp, 03 lò đốt chất thải nguy hại: 182,4 tấn/ngày

Quy trình công nghệ xử lý chất thải:



XÃ HỘI

VIỆC LÀM GRI 401

Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc (GRI 401-1)

Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian (GRI 401-2)

Nghỉ thai sản (GRI 401-3)



MỤC TIÊU TRỌNG YẾU

Trân trọng giá trị con người – Nền tảng cho môi trường làm việc năng động và công bằng

Trải qua nhiều giai đoạn phát triển, Tổng Công ty Becamex luôn trân trọng và ý thức rằng thành công của Tổng Công ty là kết tinh từ những giá trị do mỗi thành viên tạo ra, không phân biệt vị trí, độ tuổi, giới tính, trình độ, địa vị xã hội, tính cách, phong cách sống, quá trình tư duy, kinh nghiệm làm việc, nguồn gốc hay dân tộc. Chính triết lý này là nền tảng để Tổng Công ty xây dựng một môi trường làm việc năng động, công bằng, nơi mỗi cá nhân đều có cơ hội phát triển và hướng đến thành công trong sự nghiệp.

Theo đó, chính sách quản trị nguồn nhân lực tại Tổng Công ty Becamex với các mục tiêu chính sau:

- Tạo cơ hội việc làm cho thị trường lao động trong nước và địa phương;
- Tạo cơ hội việc làm cho các ứng viên trẻ, sinh viên mới ra trường;
- Xây dựng quy trình đào tạo bài bản nhằm hướng đến mục tiêu gây dựng lực lượng lao động chuyên nghiệp và chất lượng cao;
- Luân chuyển vị trí công tác để nâng cao năng lực, kinh nghiệm và mở rộng chuyên môn của lực lượng lao động;
- Tạo dựng môi trường làm việc bình đẳng, công bằng.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Mục đích quản trị

Nhằm tạo nên một môi trường làm việc chuyên nghiệp, văn minh và tạo dựng đội ngũ nhân sự vững mạnh với những cá nhân tràn đầy nhiệt huyết, động lực, đam mê và nhiệt tình cho công việc chung cùng cống hiến cho sự phát triển vững mạnh của Tổng Công ty.

Cách thức quản trị

Tại Tổng Công ty, việc tuân thủ và thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các Quy định về phúc lợi, bảo hiểm, thời gian làm việc cho Người lao động theo Quy định Việt Nam luôn được hết sức quan tâm. Tổng Công ty luôn chú trọng việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CBNV, tạo điều kiện CBNV làm việc trong môi trường cởi mở và gắn kết giữa các đồng nghiệp, sự hỗ trợ và tính trung thực giữa nhân viên và quản lý cấp trên là yếu tố quan trọng nhất để giữ chân CBNV ở ngôi nhà Becamex và thúc đẩy CBNV nỗ lực hơn nữa để đóng góp vào sự thành công và phát triển của Tổng Công ty. Có thể nói, với sự quan tâm sâu sắc của Ban lãnh đạo cùng chính sách đãi ngộ tốt hơn so với mặt bằng chung của thị trường đã giúp CBNV an tâm công tác và cống hiến lâu dài với Tổng Công ty, cụ thể:

Chính sách đãi ngộ, phúc lợi

- Áp dụng chính sách lương, thưởng theo kết quả KPI đảm bảo trả lương thưởng đúng theo năng lực.
- Hỗ trợ các chính sách bảo hiểm sức khỏe cho người lao động, chi phí khám và điều trị tại Bệnh viện.

Chính sách phép năm

- CBNV có 12 ngày phép/ năm, ngày phép được tích lũy đến 31/03 của năm kế tiếp và cứ mỗi 5 năm CBNV sẽ được tăng 01 ngày phép.
- Luôn khuyến khích và tạo điều kiện cho CBNV nghỉ phép trong mọi tình huống.

ĐÁNH GIÁ VỀ PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Trong năm 2023, Tổng Công ty đã áp dụng và thực hiện đúng cam kết về các chính sách lương, thưởng, phép, bảo hiểm, chế độ thai sản, chế độ kết hôn và các chính sách về quyền và phúc lợi khác cho người lao động. Đặc biệt, tính đến ngày tính đến 31/12/2023, tổng số CBNV Tổng Công ty 1.997 CBNV tăng 5% so với đầu năm. Trong đó, mức lương bình quân trên tháng của CBCNV là 16,3 triệu đồng/người. Đồng thời áp dụng chỉ số KPI nhằm đánh giá hiệu quả làm việc của nhân viên Tổng Công ty. Bằng các phương pháp quản trị này, Tổng Công ty Becamex đã xây dựng được đội ngũ nhân sự giỏi, chuyên nghiệp và tràn đầy nhiệt huyết, phù hợp với các mục tiêu phát triển bền vững của Tổng Công ty.

Bên cạnh đó, Tổng Công ty Becamex sẽ tiếp tục hoàn thiện các chính sách tuyển dụng, đào tạo và phúc lợi để thu hút lực lượng lao động có trình độ chuyên môn cao, am hiểu công nghệ, khoa học kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu trong thời đại công nghệ 4.0.



XÃ HỘI

AN TOÀN SỨC KHỎE VÀ NGHỀ NGHIỆP (GRI 403)

Đại diện người lao động trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động (GRI 403-1)

Loại thương tích và tỷ lệ thương tích, bệnh nghề nghiệp, ngày công bị mất, tình trạng vắng mặt và số vụ tử vong liên quan đến công việc (GRI 403-2)

Các chủ đề về sức khỏe và an toàn được đề cập trong thỏa thuận chính thức với công đoàn (GRI 403-4)



MỤC TIÊU TRỌNG YẾU

Nhằm đảm bảo đối xử công bằng và tôn trọng quyền lợi của lao động trong quá trình hoạt động, Tổng Công ty Becamex đã đặt ra các yêu cầu, tiêu chuẩn về khía cạnh môi trường làm việc, bao gồm quyền lợi lao động, đạo đức nghề nghiệp, an toàn và sức khỏe, đồng thời tôn trọng và hỗ trợ sự đa dạng, phát triển nghề nghiệp và cơ hội bình đẳng cho tất cả các nhân viên.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Mục đích quản trị

Tạo ra môi trường làm việc an toàn và lành mạnh để ngăn chặn tai nạn và bệnh tật liên quan đến công việc, đồng thời cung cấp các biện pháp phòng tránh và điều trị khi cần thiết. Đảm bảo rằng mọi hoạt động của Tổng Công ty đều tuân thủ các quy định và tiêu chuẩn về an toàn lao động, bao gồm việc cung cấp trang thiết bị bảo hộ, huấn luyện an toàn và xây dựng các quy trình làm việc an toàn.

Cách thức quản trị

Các chính sách đảm bảo an toàn sức khỏe và nghề nghiệp là một trong những nội dung quan trọng được Tổng Công ty quan tâm và chỉ đạo giám sát chặt chẽ, cụ thể:

- Thực hiện tham gia đầy đủ bảo hiểm bắt buộc, bảo hiểm sức khỏe cho NLĐ, mỗi CBNV được cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại Bệnh viện, hỗ trợ chi phí khám và điều trị bệnh, Khám sức khỏe và khám chuyên sâu.
- Hàng năm thực hiện đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, cấp chứng chỉ hành nghề, đào tạo ATLĐ, nghiệp vụ bảo vệ, PCCC, cập nhật các văn bản pháp luật
- Thực hiện diễn tập nghiêm túc các tình huống khẩn cấp tại văn phòng Tổng và một số Ban quản lý xí nghiệp.
- Tổ chức các chương trình Hội thao, chăm sóc sức khỏe đảm bảo tất cả NLĐ đều được tham gia
- Tuân thủ pháp luật của nhà nước Việt Nam, những quy định của địa phương và yêu cầu của các bên có liên quan đến công tác An toàn - Sức khỏe nghề nghiệp - Môi trường.

ĐÁNH GIÁ VỀ PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Trong năm 2023, Tổng Công ty ghi nhận không có vụ việc vi phạm an toàn và sức khỏe của người lao động. Đồng thời, Tổng Công ty thực hiện bảo hiểm 24/7 cho người lao động. Trong năm Tổng Công ty đã tổ chức cho gần 1.500 lượt khám sức khỏe tổng quát cho người lao động, đã chi 7.212.131.000 đồng khám sức khỏe định kỳ cho CBNV thể hiện sự quan tâm và đầu tư của Tổng Công ty vào sức khỏe của nhân viên, góp phần vào sự phát triển bền vững của tổ chức.



XÃ HỘI



GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (GRI 404)

Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên (GRI 404-1)

Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp (GRI 404-2)

Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp (GRI 404-3)

MỤC TIÊU TRỌNG YẾU

Tổng Công ty luôn nỗ lực cải thiện chính sách phúc lợi, đem tới môi trường làm việc bình đẳng, thân thiện, chuyên nghiệp, đảm bảo sức khỏe, an toàn lao động. Đào tạo và phát triển nhân lực giúp gia tăng khả năng thích ứng với những thay đổi của môi trường và đáp ứng yêu cầu tổ chức trong việc thực hiện mục tiêu bền vững của Tổng Công ty.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Mục đích quản trị

Tổng Công ty đang thúc đẩy sự phát triển và nâng cao trình độ của nhân viên thông qua các chương trình giáo dục và đào tạo phù hợp và đảm bảo rằng các chương trình giáo dục và đào tạo tuân thủ các quy định pháp luật và các tiêu chuẩn ngành.

Cách thức quản trị

Để đảm bảo nhân lực của Tổng Công ty Becamex đáp ứng được các yêu cầu công việc phức tạp và đa dạng, Tổng Công ty đã thực hiện các chương trình đào tạo nội bộ, đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng được các yêu cầu công việc của Tổng Công ty. Các chương trình này được thiết kế đặc biệt để cung cấp kiến thức, kỹ năng và năng lực mới nhất cho nhân viên, giúp họ hoàn thiện và phát triển sự chuyên môn cũng như nâng cao hiệu suất làm việc.

Ngoài ra, Tổng Công ty cũng rất chú trọng đến việc cập nhật và đào tạo pháp luật cho nhân viên. Bằng cách cung cấp thông tin về các văn bản pháp luật mới nhất và tạo điều kiện cho nhân viên tham dự các hội thảo chuyên ngành, Tổng Công ty giúp nhân viên luôn nắm bắt được những thay đổi trong lĩnh vực pháp luật liên quan đến công việc.



ĐÁNH GIÁ VỀ PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Nhờ việc chú trọng và nỗ lực nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, Tổng Công ty đã đạt được một số thành quả tích cực khi người lao động tại Tổng Công ty Becamex luôn được đánh giá có chất lượng cao, được phát triển toàn diện cả về chuyên môn nghiệp vụ lẫn kỹ năng mềm. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng cho cán bộ và người lao động các cấp được duy trì thường xuyên thông qua các phần mềm, tiện ích công nghệ, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động.

Trong năm 2023, Tổng Công ty mở các lớp bồi dưỡng về chuyên môn cụ thể: Lớp quản trị rủi ro, đào tạo đánh giá viên nội bộ về ISO 27001, Cập nhật chính sách liên quan đến tiền lương, lao động và thuế.

Phối hợp Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương tổ chức Hội nghị tuyên truyền An toàn giao thông đường bộ cho 150 học viên là đội ngũ tài xế, cán bộ phụ trách quản lý phương tiện giao thông trong toàn Tổng Công ty.

Chương trình đào tạo về An toàn lao động:

- Tổ chức 06 lớp huấn luyện An toàn vệ sinh lao động thuộc nhóm 1 và nhóm 4 cho hơn 1.000 cán bộ nhân viên và người lao động.
- Tổ chức gần 20 lớp đào tạo về an toàn lao động, nghiệp vụ bảo vệ, diễn tập PCCC, phổ biến Luật, giám sát và quản lý công nghệ thông tin.

Tổng số giờ đào tạo: 300 giờ.



XÃ HỘI

SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG GRI 405

Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên (GRI 405-1)

Tỷ lệ lương cơ bản và thù lao của phụ nữ so với nam giới (GRI 405-2)



MỤC TIÊU TRỌNG YẾU

Nguồn nhân lực đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc hoàn thiện các sứ mệnh, mục tiêu chiến lược của Tổng Công ty. Trong suốt quá trình hoạt động và phát triển, Tổng Công ty luôn trân trọng những đóng góp và cống hiến của đội ngũ cán bộ nói chung và các cán bộ Nữ nói riêng cho thành công chung của Tổng Công ty Becamex. Do đó, Tổng Công ty luôn nỗ lực triển khai các chính sách lương, thưởng, phúc lợi cạnh tranh nhằm đảm bảo đối xử công bằng với người lao động, đảm bảo cơ hội bình đẳng trong các hoạt động đào tạo, phát triển, thăng tiến.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Mục đích quản trị:

Quan điểm nguồn nhân lực là một trong những yếu tố then chốt đảm bảo sự phát triển bền vững, Tổng Công ty tiếp tục xây dựng môi trường làm việc ở Tổng Công ty theo xu hướng chuyên nghiệp và tích cực, đặc biệt là áp dụng các chính sách phúc lợi cạnh tranh so với thị trường, các chính sách thưởng theo mức độ hoàn thành công việc, chính sách ưu đãi khi mua sản phẩm của Tổng Công ty ... để thu hút và gìn giữ nhân tài. Việc duy trì văn hóa bình đẳng và đa dạng tại môi trường làm việc sẽ góp phần thúc đẩy sự ổn định xã hội và hỗ trợ phát triển kinh tế hơn nữa.

Cách thức quản trị

Tại Tổng Công ty, hoạt động so sánh giữa sự đa dạng của nhân viên nói chung và sự đa dạng của cấp quản lý cung cấp một cái nhìn khá rõ ràng về tình trạng bình đẳng hiện tại. Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng tích cực trong việc rà soát các hoạt động và chính sách khác nhằm thúc đẩy sự đa dạng, loại bỏ thành kiến về giới tính và hỗ trợ cơ hội bình đẳng cho các thành phần lao động. Những nguyên tắc này áp dụng công bằng và công khai trong các hoạt động tuyển dụng, quyết định thăng tiến và chính sách thù lao, trong đó bình đẳng về thù lao cũng là một yếu tố quan trọng để Tổng Công ty Becamex áp dụng nhằm giữ chân những nhân viên có trình độ. Bên cạnh đó, việc đối xử công bằng với người lao động có vai trò quan trọng trong việc hình thành một môi trường làm việc tốt, tạo động lực cho nhân viên, phát huy khả năng, gắn bó với Tổng Công ty

ĐÁNH GIÁ VỀ PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Năm 2023, Tổng Công ty đã duy trì tỷ lệ hợp lý giữa cán bộ quản lý và nhân viên, đảm bảo tính tối ưu trong quản trị, điều hành doanh nghiệp, đồng thời tạo cơ hội và khuyến khích các cán bộ Nữ tham gia và giữ các chức vụ quản lý tại các đơn vị. Tổng Công ty luôn sắp xếp, bố trí CBNV hợp lý đảm bảo cân đối sự phù hợp nguồn lực giữa quản lý, nhân viên cũng như nguồn lực giữa văn phòng và công trình.

Trong bối cảnh thị trường lao động ngành Xây dựng ngày càng cạnh tranh gay gắt, việc đảm bảo nguồn lực chất lượng cao được Tổng Công ty Becamex đặt lên hàng đầu. Tổng nguồn lực hiện tại có trình độ từ Đại học trở lên trong năm vẫn đảm bảo duy trì ở mức cao (43%), khẳng định chất lượng nguồn nhân lực của Tổng Công ty trước những biến động của thị trường.

Do đặc thù ngành nghề, tỷ lệ CBCNV nam của Tổng Công ty chiếm đa số so với nữ, tuy nhiên với 22% nữ trong cơ cấu nguồn nhân lực là tỷ trọng phù hợp với các Tổng Công ty trong lĩnh vực bất động sản. Nguồn nhân lực Tổng Công ty có độ tuổi trên 35 chiếm hơn 74%, là đội ngũ dày dặn kinh nghiệm đã cùng đồng hành cùng Tổng Công ty trong nhiều năm. Luôn sẵn sàng đáp ứng cho nhu cầu thay đổi và phát triển của Tổng Công ty

Ngoài lĩnh vực chuyên môn, Tổng Công ty luôn chăm lo đến đời sống tinh thần cho người lao động thông qua các hoạt động như tặng hoa, quà cho công đoàn viên nữ nhân dịp 8/3, 20/10; tổ chức cuộc Thi "Áo dài đẹp", "Nét đẹp công nhân lao động" qua ảnh; Khen thưởng cho các CĐV nữ đạt danh hiệu Giải việc nước đảm việc nhà; Khen thưởng cho hơn 500 cháu là con cán bộ nhân viên đạt danh hiệu học sinh giỏi trong năm học 2022 – 2023; Tổ chức hoạt động nhân ngày Hội Gia Đình Việt Nam 28/06 với chủ đề Gắn kết tình thân.



TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

XÃ HỘI

KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ GRI 406

Kinh tế xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao ngày càng gia tăng, kéo theo tình trạng cạnh tranh gay gắt trên thị trường lao động. Để thu hút và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao cho tiến trình thực hiện chiến lược đổi mới và phát triển bền vững, Tổng Công ty không ngừng hoàn thiện những chính sách lương thưởng phù hợp với từng vị trí, công việc, kĩ năng của từng cán bộ công nhân viên; thực hiện đúng các quy định của pháp luật về chính sách bảo hiểm bắt buộc, chi trả toàn bộ chi phí mua bảo hiểm sức khỏe/tai nạn cho người lao động hàng năm và tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 năm/lần. Ngoài những chính sách về lương thưởng, Becamex IDC còn có các kế hoạch đào tạo nhằm nâng cao nghiệp vụ, mở rộng kiến thức cho nhân viên, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo kế cận, đặc biệt là những lãnh đạo trẻ tài năng làm nòng cốt trong tương lai.

Nhằm tạo nơi ở ổn định, tạo điều kiện cho người lao động đang sinh sống và làm việc tại Bình Dương an cư lạc nghiệp, góp phần phục vụ nhu cầu đa dạng của người lao động và thúc đẩy kinh tế – xã hội phát triển. Becamex

IDC đã tiên phong, đi đầu trong việc phát triển nhà ở xã hội, thực hiện đề án nhà ở xã hội Becamex IDC với quy mô ban đầu 120.000 căn, phục vụ nhu cầu an cư của hơn 300.000 người. Đến nay, hàng chục nghìn căn nhà ở xã hội của Becamex hiện diện ở khắp nơi tại Bình Dương như: Định Hòa, Hòa Lợi (TP Thủ Dầu Một), Viet - Sing (TP Thuận An), Mỹ Phước (TX Bến Cát), Bàu Bàng (huyện Bàu Bàng)... được xây dựng với cảnh quan đẹp (công viên, khu thể thao, vườn hoa), cùng trang thiết bị nội thất hợp lý.





05

**BÁO CÁO
TÀI CHÍNH NĂM 2023**



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP được chuyển đổi từ Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – TNHH MTV theo Quyết định số 849/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145020 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 6 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 22 tháng 11 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Tổng Công ty chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 31 tháng 7 năm 2020 với mã cổ phiếu là BCM.

Trụ sở chính
Địa chỉ : Tầng 9, Tòa nhà WTC Tower, số 1 đường Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
Điện thoại (84 - 274) 3 822 655
Fax (84 - 274) 3 822 713

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Phát triển Công nghiệp Mỹ Phước	Khu Công nghiệp Mỹ Phước 1, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
Xí nghiệp Phát triển Công nghiệp Bàu Bàng	Khu Công nghiệp Bàu Bàng, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương
Xí nghiệp Phát triển Công nghiệp & Đô thị Thới Hòa	Khu Công nghiệp & Đô thị Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	Phòng 1908-09 tầng 19, Cao ốc Sài Gòn Trade Center, Số 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Xây dựng Giao thông Becamex	Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Ban Quản lý Phát triển Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ Đường Huỳnh Văn Lũy, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

Khảo sát, đo đạc và vẽ bản đồ địa chính;

Sàn giao dịch bất động sản;

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

Truyền tải và phân phối điện;

Xây dựng công trình điện;

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;

Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;

Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;

Bốc xếp hàng hóa;

Báo cáo thường niên 2023

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;

Xây dựng nhà để ở;

Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;

Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa;

Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);

Xây dựng, sửa chữa công trình thủy. Hoạt động nạo vét đường thủy;

Vận tải hàng hóa ven biển. Vận tải hàng hóa viễn dương. Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế;

Xây dựng công trình đường sắt;

Vận tải hành khách trong nội thành, ngoại thành bằng đường sắt đô thị;

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt;

Sửa chữa máy móc, thiết bị chuyên ngành đường sắt đô thị;

Tư vấn, thiết kế, giám sát, thi công, xây dựng các công trình dân dụng, công cộng, công nghiệp, giao thông, công trình

kỹ thuật hạ tầng;

Khai thác, chế biến khoáng sản;

Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn;

Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; dịch vụ nhà ở công nhân;

Tư vấn và lập quy hoạch chi tiết, thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán, lập, thẩm định dự án đầu tư các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;

Thực hiện kinh doanh các dự án đầu tư xây dựng theo phương thức PPP;

Thi công các công trình điện công nghiệp và điện dân dụng;

Thiết kế, thẩm tra, giám sát và thi công các công trình điện năng từ 35 KV trở xuống (Đường dây tải điện, trạm biến

thế, hệ thống chiếu sáng, hệ thống điện dân dụng và công nghiệp);

Quản lý dự án và giám sát thi công công trình;

Sản xuất, gia công, mua bán các sản phẩm dệt và may mặc;

Sản xuất, lắp ráp, mua bán hàng điện tử, máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ cho sản xuất công nghiệp và tiêu dùng;

Sản xuất, mua bán vật tư, nguyên liệu và hàng hóa phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng;

Dịch vụ vận tải, giao nhận hàng hóa và khai thuê hải quan;

Thực hiện các dịch vụ tiếp thị, nghiên cứu thị trường và tư vấn đầu tư;

Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước;

Hoạt động trong lĩnh vực bệnh viện, y tế, giáo dục.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch	Ngày 29 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Phú Thịnh	Phó Chủ tịch	Ngày 29 tháng 6 năm 2023
Ông Phạm Ngọc Thuận	Thành viên	Ngày 29 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Danh Tùng	Thành viên	Ngày 29 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Văn Hiên Phúc	Thành viên độc lập	Ngày 29 tháng 6 năm 2023



Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Bà Huỳnh Thị Quế Anh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Minh Dương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Ngọc Thuận	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2023
Ông Nguyễn Văn Thanh Huy	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2023
Ông Nguyễn Hoàn Vũ	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 06 năm 2023
Ông Quảng Văn Viết Cương	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2023
Ông Giang Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2023
Ông Trịnh Xuân Đức	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2023

Đại diện theo pháp luật

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch	Ngày 29 tháng 6 năm 2023
Ông Phạm Ngọc Thuận	Tổng Giám đốc	Ngày 22 tháng 8 năm 2023

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;

Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;

Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Nguyễn Văn Hùng
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 27 tháng 3 năm 2024



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 ktiv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội : 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 ktiv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Sl. No. 13, Lê Hồng Phong II Urban Area, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 ktiv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 ktiv.ct@a-c.com.vn



www.a-c.com.vn

Số: 1.0721/24/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2024, từ trang 07 đến trang 70, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Lê Thị Thu Hiền
Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0095-2023-008-1
Người được ủy quyền

Nguyễn Thị Phước Tiên
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1199-2023-008-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN			28.440.868.532.001	27.849.285.308.891
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.332.254.152.561	1.070.646.673.840
1. Tiền	111		1.145.554.152.561	891.536.767.684
2. Các khoản tương đương tiền	112		186.700.000.000	179.109.906.156
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		87.314.044.988	436.495.062.079
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	87.314.044.988	436.495.062.079
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.023.976.107.081	5.333.204.527.012
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	5.667.315.921.284	3.006.857.697.689
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	264.488.069.059	263.139.355.203
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	4.500.000.000	5.500.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	1.145.911.494.062	2.106.880.951.320
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(58.239.377.324)	(49.173.477.200)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		19.833.611.109.149	20.840.989.008.652
1. Hàng tồn kho	141	V.8	19.834.545.893.485	20.842.354.558.607
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(934.784.336)	(1.365.549.955)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		163.713.118.221	167.950.037.308
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	49.734.526.339	39.646.637.756
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		107.306.815.500	25.856.532.616
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18	6.671.776.382	102.446.866.936
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24.983.033.405.257	20.456.156.201.512
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		532.900.344.879	569.737.494.444
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	146.176.074.825	233.632.462.099
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	386.724.270.054	336.105.032.345
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.159.631.559.571	1.245.657.645.129
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	1.018.917.915.768	1.092.350.149.811
Nguyên giá	222		2.620.565.341.678	2.546.223.203.610
Giá trị khấu hao lũy kế	223		(1.601.647.425.910)	(1.453.873.053.799)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định thuê tài chính	227	V.11	140.713.643.803	153.307.495.318
Nguyên giá	228		254.427.882.467	233.168.214.827
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(113.714.238.664)	(79.860.719.509)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	2.535.424.205.616	424.698.865.350
1. Nguyên giá	231		2.721.301.441.588	529.089.109.896
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(185.877.235.972)	(104.390.244.546)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.190.878.584.313	1.903.972.166.697
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.13	2.309.019.457.864	1.836.771.508.701
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14	881.859.126.449	67.200.657.996
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		17.225.939.343.913	15.883.747.073.831



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	16.633.570.123.113	15.291.377.853.031
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	592.369.220.800	592.369.220.800
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		338.259.366.965	428.342.956.061
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	174.307.939.980	205.040.814.556
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15	163.951.426.985	223.302.141.505
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		53.423.901.937.257	48.305.441.510.403

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		33.951.011.068.428	30.540.617.201.248
I. Nợ ngắn hạn	310		22.997.575.585.298	18.837.735.330.910
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16a	747.079.215.310	634.977.571.339
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17a	1.322.792.099.430	3.858.656.820.224
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	332.296.607.420	460.922.936.483
4. Phải trả người lao động	314	V.19	72.348.888.363	89.335.110.131
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	9.701.716.760.941	7.513.663.968.841
6. Phải trả ngắn hạn khác	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.22a	926.745.919.533	817.097.832.856
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.23a	9.385.205.395.358	4.950.680.794.580
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.24	8.475.415.082	4.089.456.220
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.25	500.915.283.861	508.310.840.236
13. Quỹ bình ổn giá				
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ				
II. Nợ dài hạn	330		10.953.435.483.130	11.702.881.870.338
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.16b	2.354.656.478	16.304.996.478
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.17b	168.796.000	10.066.946.000
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.21	475.457.895.826	594.037.373.899
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.22b	4.972.284.864	5.361.284.864
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.23b	10.331.236.566.188	10.935.701.571.848



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		731.461.329	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	2.895.874.804
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.26	138.513.822.445	138.513.822.445

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		19.472.890.868.829	17.764.824.309.155
I. Vốn chủ sở hữu	410		19.472.890.868.829	17.764.824.309.155
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.27	10.350.000.000.000	10.350.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27	11.944.006.419	11.944.006.419
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.27	7.777.275.814	7.777.275.814
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	V.27	(185.236.096.384)	(185.236.096.384)
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.27	2.074.585.807.020	1.586.248.502.582
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.27	6.302.930.324.830	4.986.705.736.048
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.879.761.408.288	4.986.705.736.048
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		2.423.168.916.542	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		910.889.551.130	1.007.384.884.676
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		53.423.901.937.257	48.305.441.510.403

Bình Dương, ngày 27 tháng 3 năm 2024



Nguyễn Phước Đại
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Nhân
Kế toán trưởng



Phạm Ngọc Thuận
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	8.174.569.493.181	6.582.062.928.055
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	292.003.133.955	16.876.768.976
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		7.882.566.359.226	6.565.186.159.079
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	3.634.733.022.767	3.790.909.227.312
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.247.833.336.459	2.774.276.931.767
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	131.071.246.067	73.526.610.163
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	906.368.644.124	879.521.392.089
Trong đó: chi phí lãi vay	23		906.131.859.386	879.326.949.337
8. Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	798.075.062.189	1.142.556.831.602
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	873.156.796.031	763.860.128.555
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	592.087.610.965	533.809.802.709
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.805.366.593.595	1.813.169.050.179
12. Thu nhập khác	31	VI.8	18.695.690.689	228.921.162.502
13. Chi phí khác	32	VI.9	126.904.122.759	90.271.306.851
14. Lợi nhuận khác	40		(108.208.432.070)	138.649.855.651
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.697.158.161.525	1.951.818.905.830
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	416.345.779.321	229.040.304.031
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.15	724.614.995	(1.026.309.131)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.280.087.767.209	1.723.804.910.930
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		2.423.168.916.542	1.700.055.767.317

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(143.081.149.333)	23.749.143.613
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.187	1.497
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	2.187	1.497

Bình Dương, ngày 27 tháng 3 năm 2024


Nguyễn Phước Đại
Người lập


Nguyễn Thị Thanh Nhân
Kế toán trưởng


Phạm Ngọc Thuận
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.697.158.161.525	1.951.818.905.830
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11, V.12	267.444.334.094	189.604.807.996
Các khoản dự phòng	03	V.7, V.8, V.24	10.125.218.563	(9.924.033.467)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2b, VI.4, VI.8, VI.9	(928.524.472.383)	(1.321.974.765.245)
Chi phí lãi vay	06	VI.5	906.131.859.386	879.326.949.337
Các khoản điều chỉnh khác	07		(43.789.260.552)	(14.412.010.654)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.908.545.840.632	1.674.439.853.797
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.261.764.919.513)	321.526.747.297
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.165.723.697.632)	1.390.592.672.262
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(414.301.684.633)	(860.895.810.868)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		26.431.421.346	6.520.476.437
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	V.20, VI.5, VII	(1.995.924.310.711)	(1.685.451.016.868)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.18	(80.781.829.141)	(241.947.751.287)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.25	10.900.000	900.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.25	(167.132.286.965)	(100.823.988.241)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.150.640.566.616)	503.962.082.529
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.11, V.14, VII	(114.780.773.534)	(212.302.505.899)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10, VI.8	1.282.029.931	103.442.477.588
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a, V.5	350.181.017.091	(222.405.062.079)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a, V.5	-	1.379.857.210
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	(859.059.720.000)	(743.782.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.2b, VI.4, V.6a	1.094.808.999.107	193.361.120.005
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		472.431.552.595	(880.306.113.175)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.23	9.983.931.108.461	5.608.258.738.634
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.23	(6.216.114.535.719)	(6.421.517.404.471)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(828.000.080.000)	(724.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.939.816.492.742	(1.537.758.665.837)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		261.607.478.721	(1.914.102.696.483)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1.070.646.673.840	2.984.749.370.323
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	1.332.254.152.561	1.070.646.673.840

Bình Dương, ngày 27 tháng 3 năm 2024


Nguyễn Phước Đại
Người lập


Nguyễn Thị Thanh Nhân
Kế toán trưởng


Phạm Ngọc Thuận
Tổng Giám đốc



"Đính kèm thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2023"



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP

Bình Dương, ngày 19 tháng 04 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM NGỌC THUẬN



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – TNHH MTV theo Quyết định số 849/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Kinh doanh bất động sản; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Dịch vụ cho thuê, quản lý và xử lý nước thải Khu Công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Sản xuất và chế biến mùn cao su.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng. Đối với hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản, chu kỳ kinh doanh tùy thuộc theo từng phương án đầu tư.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 11 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	CI-2-3 Đường DT6, Khu Liên hợp Công nghiệp Dịch vụ Bình Dương Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Sản xuất bê tông trộn sẵn; Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và đô thị; Kinh doanh bất động sản	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	Lô I, Đồng Khởi, Phường Hoà Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh và đầu tư cơ sở hạ tầng khu dân cư, đô thị; Thi công các công trình công nghiệp và dân dụng; Sản xuất vật liệu xây dựng	60,70%	60,70%	60,70%	60,70%
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương (*)	Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Xây dựng dân dụng và công nghiệp; San lấp mặt bằng, đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp; Kinh doanh bất động sản	44,42%	44,42%	44,42%	44,42%
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	Đường TC3, Khu Công Nghiệp Mỹ Phước 1, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	Hoạt động của bệnh viện và phòng khám chữa bệnh	75,79%	75,79%	82,47%	82,47%

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	Khu đô thị mới thuộc Khu Liên hợp Công nghiệp Dịch vụ và Đô thị Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Đào tạo trung cấp, cao đẳng và đại học theo học chế tín chỉ, liên thông	65,57%	65,57%	75,00%	75,00%
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex	Đại lộ Bình Dương, Khu Gò Cát, Phường Lái Thiêu, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Khám và chữa bệnh	90,00%	85,00%	90,00%	85,00%
Công ty TNHH MTV Hỗ trợ khởi nghiệp Becamex IDC – Block 71	Tháp B2, Khu chung cư phức hợp Lô M2 – Số 72 đường Nguyễn Cơ Thạch, phường An Lợi Đông, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ tư vấn	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex (**)	Đường D1 – Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	Sản xuất và cung cấp xi măng, bê tông cấu kiện,...	35,21%	35,21%	58,00%	58,00%
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Becamex (**)	Ấp Mương Đào, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương	Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng như: cát, đá, thếp,...	49,17%	49,17%	81,00%	81,00%
Công ty TNHH MTV Aspire (***)	Khu đô thị mới thuộc Khu Liên hợp Công nghiệp Dịch vụ và Đô thị Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh bất động sản	51,00%	51,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Nhựa Bình Dương (****)	Lô C-5B và C-6B-CN đường NA4, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	Sản xuất thương mại	44,42%	44,42%	100,00%	100,00%

(*) Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương đã thực hiện việc tái cơ cấu vốn bằng việc phát hành tăng vốn cho các cổ đông không kiểm soát làm giảm tỉ lệ đầu tư của Tổng Công ty vào trong Công ty này từ 51,82% xuống còn 44,42%. Tuy nhiên, Tổng Công ty vẫn nắm quyền kiểm soát các hoạt động trong Công ty này nên Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương vẫn được hợp nhất dưới dạng Công ty con.

(**) Công ty con của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương.

(***) Công ty con của Trường Đại học Quốc tế Miền Đông.

(****) Công ty con của Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính Hợp nhất



BM-TC-10-24030004

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



BM-TC-10-24030004

5b. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số	Số	Số	Số
			cuối năm	đầu năm	cuối năm	đầu năm
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	Tầng 5 Becamex Tower, 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Duy tu, sửa chữa, khai thác thu phí giao thông. Xây dựng dân dụng & công nghiệp, kinh doanh bất động sản	49,76%	49,76%	49,76%	49,76%
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	Số 8, Đại lộ Hữu Nghị, VSIP, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh khu công nghiệp	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Setia – Becamex	Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh bất động sản	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Lô Z.01-02-03A Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh dược phẩm	35,19%	35,19%	35,19%	35,19%
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	21 VSIP II, Đường số 1 Khu Công nghiệp VSIP II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh viễn thông, công nghệ thông tin	48,59%	48,59%	48,59%	48,59%
Công ty TNHH Becamex Tokyu	Khu đô thị mới thuộc Khu Liên hợp Công nghiệp Dịch vụ và Đô thị Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh khu đô thị	35,00%	35,00%	35,00%	35,00%
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW	Tầng 17 Becamex Tower, số 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	24,06%	30,00%	24,06%	30,00%
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước	Quốc lộ 14, Tô 8, Ấp 3, Xã Minh Thành, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	Đường ĐT750, Xã Cây Trông, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương	Trồng cây hàng kỳ; Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	46,94%	46,94%	46,94%	46,94%
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	Số 35, Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Giải pháp năng lượng thông minh Việt Nam - Singapore	Tầng 19, Tòa Nhà Becamex Tower, 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống điện	36,00%	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Đông Sài Gòn	Số 337 đường Võ Văn Kiệt, phường Phú Thủy, TP Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Kinh doanh bất động sản	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Becamex - Vsip	Tầng 20, Tòa Nhà Becamex Tower, 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Đầu tư kinh doanh điện	36,00%	-	36,00%	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



BM-TC-10-24030004

5c. Danh sách các Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số	Số	Số	Số
			cuối năm	đầu năm	cuối năm	đầu năm
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông	Lô M2 Lý Thái Tổ, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh giáo dục	50,00%	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Liên doanh TNHH SinViet	Số 2B Đại lộ Tự do, Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Sản xuất và phân phối nước uống đóng chai	30,35%	30,35%	50,00%	50,00%

5d. Danh sách các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Phát triển Công nghiệp Mỹ Phước	Khu Công nghiệp Mỹ Phước 1, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
Xí nghiệp Phát triển Công nghiệp Bàu Bàng	Khu Công nghiệp Bàu Bàng, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương
Xí nghiệp Phát triển Công nghiệp & Đô thị Thới Hòa	Khu Công nghiệp & Đô thị Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	Phòng 1908-09 tầng 19, Cao ốc Sài Gòn Trade Center, số 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Xây dựng Giao thông Becamex	Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Ban quản lý Phát triển Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương	Đường Huỳnh Văn Lũy, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có 3.896 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (Số đầu năm là 3.686 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



BM-TC-10-24030004

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



BM-TC-10-24030004

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



BM-TC-10-24030004

BECONMEX

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính Hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính Hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính Hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính Hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đánh giá lại

Tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo giá trị đánh giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và điều chỉnh các khoản làm tăng hoặc giảm vốn đầu tư kể từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo nguyên tắc:

- Giá trị vốn góp của Tổng Công ty vào công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá tham chiếu của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.
- Giá trị vốn góp của Tổng Công ty vào công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.
- Giá trị vốn góp của Tổng Công ty vào các doanh nghiệp khác (không phải là doanh nghiệp niêm yết hoặc giao dịch trên thị trường UPCOM) được xác định trên cơ sở tỷ lệ vốn thực góp nhân (x) với giá trị vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp khác. Trường hợp giá trị vốn đầu tư của Tổng Công ty tại doanh nghiệp khác khi đánh giá, xác định lại có giá trị thực tế thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán của Tổng Công ty thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.



6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Các công trình xây dựng dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền đối với nguyên vật liệu, tính theo phương pháp thực tế đích danh đối với hàng hóa bất động sản và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa; tiền thuê đất; giá trị thương hiệu và giá trị lợi thế kinh doanh. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Giá trị thương hiệu

Giá trị thương hiệu của doanh nghiệp được xác định căn cứ vào Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Giá trị thương hiệu này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Giá trị lợi thế kinh doanh

Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp được xác định căn cứ vào Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Giá trị lợi thế kinh doanh này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
Tài sản cố định hữu hình khác	10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.



Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 49 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 năm đến 08 năm.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản vô hình khác bao gồm chi phí thiết kế trang web, chi phí khảo sát, thăm dò trữ lượng đủ tiêu chuẩn kỹ thuật công. Các chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 10 năm.

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của nhà văn phòng là 50 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

15. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 05 - 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

16. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.



- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

17. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chỉ bao gồm dự phòng cho bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 05% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

18. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tập đoàn theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

19. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tập đoàn như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ tối đa không quá 10% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau.

20. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

21. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức, lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.



22. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tập đoàn đã là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tập đoàn đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Tập đoàn đã thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Tập đoàn đã đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, doanh thu được ghi nhận một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Tập đoàn đã không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức.
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản.
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê.
- Giá vốn của hoạt động cho thuê được ước tính tương đối đầy đủ.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

23. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn đã tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.



24. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến Năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

25. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

26. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

27. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

28. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

29. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	12.976.277.891	10.619.488.368
Tiền gửi ngân hàng	1.132.554.058.670	880.913.779.316
Tiền đang chuyển	23.816.000	3.500.000
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	186.700.000.000	179.109.906.156
Cộng	1.332.254.152.561	1.070.646.673.840

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 12 tháng được cầm cố tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để đảm bảo cho khoản vay của chính các ngân hàng này (xem thuyết minh số V.23).

2b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore ⁽ⁱ⁾	1.701.442.007.510	4.616.062.768.682	6.317.504.776.192	1.295.442.007.510	3.868.592.795.432	5.164.034.802.942
Công ty Cổ phần Setia – Becamex ⁽ⁱⁱ⁾	178.151.496.663	114.408.122.116	292.559.618.779	178.151.496.663	148.907.570.879	327.059.067.542
Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi ⁽ⁱⁱⁱ⁾	55.873.557.078	155.705.310.503	211.578.867.581	55.873.557.078	134.850.413.487	190.723.970.565
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam ^(iv)	148.040.227.697	59.995.361.875	208.035.589.572	148.040.227.697	56.389.060.954	204.429.288.651
Công ty TNHH Becamex Tokyu ^(v)	2.932.020.037.837	95.479.987.586	3.027.500.025.423	2.932.020.037.837	106.627.427.346	3.038.647.465.183
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông ^(vi)	101.305.497.883	160.020.592.336	261.326.090.219	101.305.497.883	135.200.613.291	236.506.111.174
Công ty Liên doanh TNHH Sinviet ^(vii)	2.235.910.000	1.024.544.604	3.260.454.604	2.235.910.000	543.831.690	2.779.741.690
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW ^(viii)	4.132.435.370.000	(538.285.427.644)	3.594.149.942.356	4.132.435.370.000	(239.112.695.099)	3.893.322.674.901
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước ^(ix)	430.000.000.000	127.740.596.965	557.740.596.965	240.000.000.000	90.755.377.740	330.755.377.740
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương ^(x)	84.500.000.000	(11.041.654.637)	73.458.345.363	84.500.000.000	4.328.127.638	88.828.127.638
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định ^(xi)	200.000.000.000	60.269.287.062	260.269.287.062	40.000.000.000	17.948.029.974	57.948.029.974
Công ty Cổ phần Giải pháp năng lượng thông minh Việt Nam – Singapore ^(xii)	130.059.720.000	(49.729.995.569)	80.329.724.431	63.000.000.000	(22.861.192.928)	40.138.807.072
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật ^(xiii)	777.837.621.600	900.417.468.949	1.678.255.090.549	777.837.621.600	907.300.261.514	1.685.137.883.114

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



BM-TC-10-24030004

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Đông Sài Gòn (xiv)	30.000.000.000	1.601.714.017	31.601.714.017	30.000.000.000	1.066.504.845	31.066.504.845
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Becamex - Vsip (xv)	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-	-	-
Cộng	10.939.901.446.268	5.693.668.676.845	16.633.570.123.113	10.080.841.726.268	5.210.536.126.763	15.291.377.853.031

- (i) Tập đoàn đầu tư vào Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore theo giá gốc là 461.013.591.407 VND, tương đương 49% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty là 1.295.442.007.510 VND. Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore đã thực hiện vốn hóa lợi nhuận để tăng vốn điều lệ (Tổng Công ty chiếm tỷ lệ 49% tương ứng 196.473.732.000 VND). Trong năm, Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore 406.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, giá trị đầu tư của Tập đoàn là 1.701.442.007.510 VND, tương đương 49% vốn điều lệ (số đầu năm là 1.295.442.007.510 VND, tương đương 49% vốn điều lệ).
- (ii) Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Setia – Becamex theo giá gốc là 264.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty là 178.151.496.663 VND.
- (iii) Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi theo giá gốc là 56.158.252.500 VND, tương đương 35,19% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty là 55.873.557.078 VND.
- (iv) Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam 17.844.600 cổ phiếu, tương đương 48,59% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty là 148.040.227.697 VND.
- (v) Tập đoàn đầu tư vào Công ty TNHH Becamex Tokyu theo giá gốc là 3.010.000.000.000 VND, tương đương 35% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty là 2.932.020.037.837 VND.
- (vi) Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông 91.500.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty là 101.305.497.883 VND. Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông đã thực hiện phát hành cổ phiếu trả cổ tức tỷ lệ 100%. Số cổ phiếu Tổng Công ty đang nắm giữ tại ngày kết thúc năm tài chính là 18.300.000 cổ phiếu (số đầu năm là 9.150.000 cổ phiếu).
- (vii) Tập đoàn đầu tư vào Công ty Liên doanh TNHH Sinviet 2.235.910.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ.
- (viii) Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW 4.132.435.370.000 VND, tương đương 24,06% vốn điều lệ (số đầu năm là 4.132.435.370.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ).
- (ix) Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước 430.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ. Trong năm, Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước 190.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đã đầu tư 430.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ (số đầu năm là 240.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ).

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



BM-TC-10-24030004

- (x) Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương 84.500.000.000 VND, tương đương 46,94% vốn điều lệ.
- (xi) Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Becamex Bình Định 200.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ. Trong năm, Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Becamex Bình Định 160.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đã đầu tư 200.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ (số đầu năm là 40.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ).
- (xii) Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Giải pháp năng lượng thông minh Việt Nam - Singapore 130.059.720.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ. Trong năm, Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Giải pháp năng lượng thông minh Việt Nam - Singapore 67.059.720.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đã đầu tư 130.059.720.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ (số đầu năm là 63.000.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ).
- (xiii) Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật 108.033.003 cổ phiếu, tương đương 49,76% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty là 777.837.621.600 VND. Trong năm, Tập đoàn được chia cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng là 17.285.280 cổ phiếu. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn nắm giữ 125.318.283 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật.
- (xiv) Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Đông Sài Gòn 30.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ.
- (xv) Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Becamex - Vsip số tiền 36.000.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết:

Thông tin về giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở phụ lục 01 đính kèm.

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể.

Tình hình hoạt động của công ty liên doanh, liên kết

Các công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật		
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	7.892.438.475	10.500.000.000
Cho thuê mặt bằng	218.181.818	218.181.818
Doanh thu dịch vụ	295.271.000	772.422.000
Chi phí hợp tác kinh doanh	13.954.248.748	16.661.316.796
Cổ tức được chia	175.445.596.200	-
Chi phí các dịch vụ khác	1.238.318.182	2.670.863.638
Doanh thu hợp tác kinh doanh tạm chia	13.331.735.073	19.568.142.873
Bán hàng hoá, thành phẩm	2.888.888	4.573.611
Mượn tiền	80.000.000.000	-
Hoàn trả tiền mượn	80.000.000.000	-
Thu nhập khác	14.999.999	-
Xây dựng công trình	2.565.149.596	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



BM-TC-10-24030004

	Năm nay	Năm trước
Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore		
Cho thuê mặt bằng	45.454.545	4.216.827.845
Cổ tức được chia	-	980.000.000.000
Cung cấp dịch vụ	1.418.448.000	3.214.771.800
Công ty Cổ phần Setia – Becamex		
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	22.342.090.909
Xây dựng công trình	12.173.680.821	10.304.051.575
Cung cấp dịch vụ	109.202.000	80.529.000
Cổ tức được chia	47.520.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi		
Cổ tức được chia	16.889.700.000	16.889.700.000
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát chi hộ	-	600.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam		
Phí quản lý, xử lý nước thải	1.049.513	28.174.413
Chi phí dịch vụ thi công công trình	14.557.953.164	18.722.105.043
Cổ tức được chia	12.491.220.000	10.706.760.000
Nhận cung cấp dịch vụ cước, bảo trì	5.929.952.630	22.909.290.925
Mua hàng hóa, công cụ dụng cụ	13.039.403.689	46.651.293.650
Hoàn trả ký quỹ	-	50.000.000
Góp vốn	-	59.482.000.000
Bán hàng hóa, thành phẩm	203.712.631	5.794.429.304
Cung cấp dịch vụ	1.918.036.186	605.388.829
Công ty TNHH Becamex Tokyu		
Phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng vay	204.475.144	234.391.109
Chi phí các dịch vụ khác	19.214.965.522	3.085.992.000
Cho thuê xe	12.087.640.404	10.202.176.431
Tiền điện thu hộ	12.663.000	11.256.778
Cung cấp dịch vụ	-	705.693.000
Ký quỹ	452.193.855	-
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông		
Cổ tức được chia	13.300.000.000	13.150.000.000
Thi công xây dựng	-	45.885.770.914
Doanh thu cho thuê	3.181.818.182	-
Ký quỹ	750.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW		
Phí quản lý	38.539.312.835	31.395.858.481
Góp vốn	-	684.300.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước		
Cung cấp dịch vụ dự án	9.869.532.382	9.701.396.248
Bán hàng hóa, thành phẩm	3.210.147.990	5.794.429.304
Doanh thu cho thuê xe	5.455.754.269	19.948.027.698
Doanh thu bán cây	2.179.950.000	4.625.170.000
Mua dịch vụ	244.778.465	201.381.934
Xây dựng công trình	59.071.293.051	104.816.285.707
Thu tiền hỗ trợ dự án Bình Phước	-	30.972.362.457

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



BM-TC-10-24030004

	Năm nay	Năm trước
Nhận ứng trước tiền xây dựng	-	50.000.000.000
Góp vốn đầu tư	-	72.000.000.000
Góp vốn	190.000.000.000	-
Cổ tức được chia	18.000.000.000	72.000.000.000
Mua bất động sản	344.683.679.772	-
Thanh lý xe	318.181.818	-
Doanh thu dịch vụ khám chữa bệnh	358.421.000	-
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương		
Cổ tức được chia	3.380.000.000	5.915.000.000
Lãi trả chậm cổ tức	509.757.986	766.731.874
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Đông Sài Gòn		
Mượn vốn	260.000.000.000	-
Hoàn trả tiền mượn vốn	260.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định		
Góp vốn đầu tư dự án	-	200.000.000.000
Cung cấp dịch vụ	-	517.107.160
Bán thành phẩm	4.502.847.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.318.719.810	-
Doanh thu khác	1.008.120.000	-
Điều chuyển vốn	260.000.000.000	-
Hoàn trả tiền điều chuyển vốn	260.000.000.000	-
Góp vốn	160.000.000.000	-

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần nước Môi trường Bình Dương	375.000.000.000	-	375.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore	217.369.220.800	-	217.369.220.800	-
Cộng	592.369.220.800	-	592.369.220.800	-

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	755.270.353.343	768.373.149.583
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	353.889.318.398	639.907.576.834
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	13.237.950.000	15.712.400.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	45.806.827.500	33.591.673.500
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	5.843.501.374	11.331.443.855
Công ty Cổ phần Setia – Becamex	4.968.957.782	740.660.636
Công ty TNHH Becamex Tokyu	-	390.725.000
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	698.249.554	590.569.507

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	63.666.114.203	39.719.372.369
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông	-	25.474.348.005
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	5.523.282.446	188.511.877
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Đông Sài Gòn	250.258.000.000	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Định	11.378.152.086	725.868.000
Phải thu các khách hàng khác	4.912.045.567.941	2.238.484.548.106
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	684.606.534.000	454.412.694.000
Công ty TNHH Sycamore	2.775.661.927.500	-
Các khách hàng khác	1.451.777.106.441	1.784.071.854.106
Cộng	5.667.315.921.284	3.006.857.697.689

Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng của Tập đoàn được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương (xem thuyết minh số V.23).

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	18.838.742.400	113.174.848.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	18.838.742.400	113.174.848.000
Phải thu các khách hàng khác	127.337.332.425	120.457.614.099
Cộng	146.176.074.825	233.632.462.099

Các khoản phải thu dài hạn của khách hàng của Tập đoàn được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương (xem thuyết minh số V.23).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	137.704.014.277	137.968.910.389
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	7.695.654.077	7.964.910.389
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	4.360.200	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	4.000.000	4.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	130.000.000.000	130.000.000.000
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	126.784.054.782	125.170.444.814
Cộng	264.488.069.059	263.139.355.203

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Cho Công ty TNHH Tùng Trần vay với lãi suất 7%/năm.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



BM-TC-10-24030004

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



BM-TC-10-24030004

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	786.487.958.524	-	1.693.547.604.338	-
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương – Cổ tức phải thu	9.295.000.000	-	11.830.000.000	-
Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore - Cổ tức phải thu	84.000.000.000	-	980.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định - Phải thu góp vốn đầu tư dự án và chi phí hoạt động	211.793.087.481	-	371.793.087.481	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng Kỹ thuật – Khoản phạt chậm thanh toán	148.000.000.000	-	148.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Đông Sài Gòn - Phải thu góp vốn đầu tư dự án	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cao Su Bình Dương - Lãi chậm trả cổ tức	1.661.950.693	-	1.152.192.707	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật - Cổ tức, lợi nhuận được chia	175.445.596.200	-	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật - Phải thu tiền đã thu hộ từ khách hàng	48.772.324.150	-	48.772.324.150	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước - Phải thu tiền ứng trước thực hiện dự án	-	-	72.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Setia Becamex - Cổ tức được chia	47.520.000.000	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	359.423.535.538	-	413.333.346.982	-
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp	1.367.730.630	-	2.021.689.806	-
Tạm ứng cho nhân viên	46.033.141.805	-	22.953.375.003	-
Thuế giá trị gia tăng tạm nộp tiền ứng kinh doanh bất động sản	104.158.197.353	-	173.673.037.835	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp tiền ứng kinh doanh bất động sản	17.689.476.228	-	43.362.043.678	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	136.311.495	-	211.310.872	-
Lãi dự thu	7.711.432.251	-	10.087.840.766	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	182.327.245.776	-	161.024.049.022	-
Cộng	1.145.911.494.062	-	2.106.880.951.320	-

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH VSIP Hải Phòng - Hợp tác kinh doanh (*)	377.840.669.585	-	326.441.961.365	-
Thuế GTGT tạm nộp tiền ứng kinh doanh bất động sản	1.216.319.633	-	1.176.751.790	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn	3.233.686.161	-	3.303.498.515	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	4.433.594.675	-	5.182.820.675	-
Cộng	386.724.270.054	-	336.105.032.345	-

(*) Khoản hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH VSIP Hải Phòng để đầu tư dự án Khu nhà phố Bắc Sông Cẩm tại huyện Thủy Nguyên, Tỉnh Hải Phòng. Dự án dự kiến hoàn thành vào tháng 12 năm 2024.

7. Nợ xấu

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm này	Năm trước
Số đầu năm	49.173.477.200	57.486.931.868
Trích lập dự phòng bổ sung	9.414.232.195	380.111.790
Hoàn nhập dự phòng	(348.332.071)	(8.207.915.938)
Xử lý xóa sổ	-	(485.650.520)
Số cuối năm	58.239.377.324	49.173.477.200

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	92.141.576.042	-	128.658.956.341	-
Công cụ, dụng cụ	2.157.221.550	-	3.333.186.159	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	17.587.553.885.210	(934.784.336)	18.626.024.633.575	(1.365.549.955)
Thành phẩm	14.257.499.600	-	8.211.290.156	-
Hàng hóa	2.138.435.711.083	-	2.076.126.492.376	-
Cộng	19.834.545.893.485	(934.784.336)	20.842.354.558.607	(1.365.549.955)

(*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của Tập đoàn là chi phí xây dựng dở dang của các dự án bao gồm chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và các chi phí phải trả để có được quyền sử dụng đất, chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí khác có liên quan đến dự án. Một số tài sản đầu tư xây dựng dở dang đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn, dài hạn của các ngân hàng và trái phiếu phát hành (xem thuyết minh số V.23).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm này	Năm trước
Số đầu năm	1.365.549.955	9.688.586.210
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(430.765.619)	(8.323.036.255)
Số cuối năm	934.784.336	1.365.549.955



9. Chi phí trả trước**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	6.409.338.766	24.358.309.096
Chi phí bảo hiểm	2.179.808.134	1.462.419.403
Chi phí đồng phục nhân viên	6.507.000.000	4.698.000.000
Chi phí tư vấn	2.335.812.499	-
Chi phí môi giới nhà ở	48.000.000	24.000.000
Phí duy tu, sửa chữa	858.374.419	793.196.728
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	31.396.192.521	8.310.712.529
Cộng	49.734.526.339	39.646.637.756

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	7.646.419.091	8.022.691.959
Chi phí sửa chữa	6.083.368.209	1.975.281.740
Tiền thuê đất	8.732.576.946	8.981.969.080
Chi phí đào tạo	120.000.000	119.999.995
Giá trị thương hiệu	6.187.399.821	7.702.681.401
Giá trị lợi thế kinh doanh	130.005.328.655	161.843.368.331
Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản (*)	7.440.970.053	6.212.871.765
Các chi phí trả trước dài hạn khác	8.091.877.205	10.181.950.285
Cộng	174.307.939.980	205.040.814.556

(*) Tập đoàn đã thế chấp quyền khai thác khoáng sản số 175/GP-UBND do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 07 tháng 8 năm 2017 để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Bình Dương (xem thuyết minh số V.23).

10. Tài sản cố định hữu hình

Thông tin về tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 260.442.765.657 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.23).

11. Tài sản cố định vô hình

Thông tin về tăng, giảm tài sản cố định vô hình được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 62.988.094.705 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.23).

12. Bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	529.089.109.896	104.390.244.546	424.698.865.350
Chuyển từ hàng tồn kho	2.164.296.335.785		
Điều chỉnh lãi nội bộ	27.915.995.907		
Khấu hao trong năm		81.486.991.426	
Số cuối năm	2.721.301.441.588	185.877.235.972	2.535.424.205.616

Theo quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tòa nhà Becamex Tower	250.260.603.705	42.681.101.439	207.579.502.266
Khách sạn Becamex	184.338.675.220	41.476.201.952	142.862.473.268
Nhà ở xã hội	102.009.995.750	24.304.243.207	77.705.752.543
Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex	2.094.708.452.126	63.008.384.556	2.031.700.067.570
Trường Mầm non Ngô Thời Nhiệm	69.587.883.659	2.189.281.738	67.398.601.921
Bất động sản đầu tư khác	20.395.831.128	12.218.023.080	8.177.808.048
Cộng	2.721.301.441.588	185.877.235.972	2.535.424.205.616

13. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án Lake view (*)	-	-	41.483.032.715	41.483.032.715
Dự án Hòa Lợi (*)	1.403.818.527.622	1.403.818.527.622	1.063.521.262.859	1.063.521.262.859
Dự án TDC Plaza	523.568.346.794	523.568.346.794	529.831.044.728	529.831.044.728
Dự án Unitown – Giai đoạn 2 (***)	381.632.583.448	381.632.583.448	190.517.978.374	190.517.978.374
Dự án khác	-	-	11.418.190.025	11.418.190.025
Cộng	2.309.019.457.864	2.309.019.457.864	1.836.771.508.701	1.836.771.508.701

(*) Dự án Lakeview Villas và Dự án Khu tái định cư Hòa Lợi còn dở dang vượt quá chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường, hiện tại dự án đang tạm dừng thực hiện nhằm giảm áp lực về nhu cầu vốn do thị trường bất động sản chưa phục hồi tốt. Trong tương lai các sản phẩm của Dự án sẽ được bán sau khi xây dựng nhà theo các quy định của Nhà nước.

Các dự án bị trì hoãn phần lớn do Tập đoàn đang xem xét tình hình thị trường, chọn thời điểm hợp lý sẽ tiếp tục triển khai.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển từ hàng tồn kho	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	24.024.870.056	14.684.159.056	(7.325.050.000)	(11.747.696.728)	(1.148.658.800)	18.487.623.584
Xây dựng cơ bản dở dang	42.471.354.993	16.095.014.572	814.552.625.860	(1.508.867.540)	(8.238.625.020)	863.371.502.865
Chi phí sửa chữa	704.432.947	-	-	-	(704.432.947)	-
Cộng	67.200.657.996	30.779.173.628	807.227.575.860	(13.256.564.268)	(10.091.716.767)	881.859.126.449

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	223.302.141.505	222.275.832.373
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(724.614.995)	1.026.309.131
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(58.626.099.525)	-
Số cuối năm	163.951.426.985	223.302.141.505

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



BM-TC-10-24030004

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



BM-TC-10-24030004

BECONMEX

16. Phải trả người bán**16a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	148.193.963.206	112.715.883.874
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	33.871.254.228	29.559.300.623
Công ty Liên doanh TNHH Sinviet	9.514.800	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	62.480.845.811	28.197.907.315
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	44.090.002.636	44.224.668.750
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	6.483.124.451	10.409.507.186
Công ty Cổ phần Setia – Becamex	324.500.000	324.500.000
Công ty TNHH Giải pháp VNTT	245.464.800	-
Công ty Cổ phần Điện lực Becamex Bình Phước	192.727.273	-
Công ty TNHH MTV WTC Bình Dương	496.529.207	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	598.885.252.104	522.261.687.465
Công ty TNHH VSIP Hải Phòng	-	179.410.185
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng RICONs	71.642.562.842	70.694.685.652
Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	78.654.240	160.164.600
Các nhà cung cấp khác	527.164.035.022	451.227.427.028
Cộng	747.079.215.310	634.977.571.339

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16b. Phải trả người bán dài hạn

Phải trả Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật – Bên liên quan.

17. Người mua trả tiền trước**17a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của bên liên quan	396.404.843.243	189.395.993.243
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	5.000.000	-
Công ty Cổ phần Setia Becamex	396.399.843.243	189.395.993.243
Trả trước của các khách hàng khác	926.387.256.187	3.669.260.826.981
Công ty Cổ phần Tân Thành Bình Dương	-	2.310.000.000.000
Các khách hàng khác	926.387.256.187	1.359.260.826.981
Cộng	1.322.792.099.430	3.858.656.820.224

17b. Người mua trả tiền trước dài hạn

Khoản ứng trước của các khách hàng không phải bên liên quan mua hàng hóa bất động sản.

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 04 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xử lý nước thải, bán mù cao su thô, khám chữa bệnh	Không chịu thuế
- Dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp trong Khu Chế xuất, hoạt động bán củi cây cao su	0%
- Dịch vụ cung cấp nước sạch sinh hoạt, hoạt động nhà thuốc	05%
- Các hoạt động khác	10%

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



BM-TC-10-24030004

Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013, thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động bán, cho thuê nhà ở xã hội là 5%. Ngoài ra, Tập đoàn còn được giảm 50% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 đối với bán, cho thuê nhà ở thương mại có diện tích sàn dưới 70 m² và có giá bán dưới 15 triệu VND/m².

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước được nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế đối với hoạt động khám chữa bệnh theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.
- Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa quốc tế Becamex được nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế đối với hoạt động khám chữa bệnh theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Thuế thu nhập doanh nghiệp. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo. Năm 2018 là năm đầu tiên Công ty kinh doanh có lãi.
- Trường Đại học Quốc tế Miền Đông nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động giáo dục đào tạo với thuế suất thuế 10% trong 50 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 05 năm tiếp theo theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46121000047 ngày 29 tháng 7 năm 2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp. Trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong 03 năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm của các công ty trong Tập đoàn bao gồm:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	666.557.807	6.293.633.213
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	1.088.828.973	3.600.204.753
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	3.817.864.753	7.731.078.599
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	1.400.013.707	81.194.363.074
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	-	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	406.858.298.038	110.742.082.135
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex	2.503.333.133	19.478.534.175
Công ty TNHH MTV khởi nghiệp Becamex IDC – Block 71	10.882.910	408.082
Cộng	416.345.779.321	229.040.304.031

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Các công ty trong Tập đoàn phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 01% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Các công ty trong Tập đoàn sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bán giao bất động sản cho người mua.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



BM-TC-10-24030004

Thuế tài nguyên

Thuế tài nguyên được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

19. Phải trả người lao động

Tiền lương và các khoản thưởng còn phải trả.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	255.615.388.611	167.190.626.975
Trích trước chi phí công trình	39.298.246.625	51.971.867.743
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn các dự án bất động sản đã bán	9.208.866.853.272	7.149.041.309.297
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	197.936.272.433	145.460.164.826
Cộng	9.701.716.760.941	7.513.663.968.841

21. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Lãi nội bộ đất chuyển nhượng chờ hoàn lại.

22. Phải trả khác**22a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	612.944.594.101	613.567.107.776
Công ty liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore - Tiền ứng đầu tư dự án	123.206.621.076	123.206.621.076
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật - Phí quản lý, sửa chữa	1.173.574.907	1.173.574.907
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật - Tiền ứng vốn hợp tác kinh doanh	472.430.287.054	472.430.287.054
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật - Tiền lãi hợp tác kinh doanh tạm chia	16.134.111.064	16.756.624.739
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	313.801.325.432	203.530.725.080
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	9.044.225.594	10.530.749.046
Cổ tức phải trả	3.508.633.512	-
Tiền thanh lý hợp đồng các dự án chưa chi cho khách hàng	56.062.234.221	44.054.487.205
Thu tiền đặt cọc, đặt chỗ các dự án	36.430.990.665	5.555.575.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	13.084.270.749	10.993.026.800
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành	5.725.868.440	6.097.464.830
Quỹ lương nhân viên	-	62.605.406.290
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	189.945.102.251	63.694.015.909
Cộng	926.745.919.533	817.097.832.856

22b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	210.100.000	240.100.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật - Nhận ký quỹ dài hạn	210.100.000	240.100.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	4.762.184.864	5.121.184.864
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	180.000.000	4.793.160.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	4.582.184.864	328.024.864
Cộng	4.972.284.864	5.361.284.864

22c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

23. Vay và nợ thuê tài chính**23a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	6.079.317.822.200	3.242.340.991.221
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	3.785.853.525.991	2.642.632.377.624
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai ⁽ⁱⁱ⁾	1.133.220.456.209	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.160.243.840.000	599.708.613.597
Vay ngắn hạn các cá nhân^(iv)	113.608.100.000	142.699.100.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.23b)	507.925.954.802	352.181.795.140
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nguyễn Văn Trỗi	255.349.635.144	255.349.635.144
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	25.200.000.000	90.200.000.000
Ngân hàng China Construction Bank Corporation - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh	222.784.042.334	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	952.680.000	2.380.680.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	1.565.333.324	1.878.399.996
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Bình Dương	2.074.264.000	2.373.080.000
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.23b)	2.684.353.518.356	1.213.458.908.219
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Dương	-	-
- Mệnh giá trái phiếu	300.000.000.000	300.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(992.372.054)	(4.163.400.000)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-
- Mệnh giá trái phiếu	500.000.000.000	921.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(1.534.246.575)	(3.377.691.781)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank	-	-
- Mệnh giá trái phiếu	1.500.000.000.000	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	(7.119.863.015)	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	-	-
- Mệnh giá trái phiếu	400.000.000.000	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	(6.000.000.000)	-
Cộng	9.385.205.395.358	4.950.400.704.580

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



BM-TC-10-24030004

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



BM-TC-10-24030004

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn, với lãi suất áp dụng cho từng lần giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp:

- Quyền sử dụng đất với tổng diện tích 730.464,10 m² tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 01/2019/83576/HĐBĐ và phụ lục ngày 11 tháng 12 năm 2020 và các phụ lục hợp đồng.
- Quyền sử dụng đất với tổng diện tích 72.039 m² tại Thành phố mới Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 01/2021/83576/HĐBĐ ngày 12 tháng 05 năm 2021.
- Quyền sử dụng đất với tổng diện tích 38.050 m² tại phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 01/2022/83576/HĐBĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023.
- Quyền sử dụng đất thuộc dự án Unitown – Giai đoạn 2
- Quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Becamex (xem thuyết minh số V.10 và V.11)
- Quyền sử dụng đất, toàn bộ tài sản gắn liền với đất hình thành từ dự án và một số máy móc thiết bị y tế thuộc dự án (xem thuyết minh số V.10 và V.11).
- Một số tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất của các Công ty trong Tập đoàn (xem thuyết minh số V.10 và V.11).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn, với lãi suất áp dụng cho từng lần giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp:

- Quyền sử dụng đất với tổng diện tích 20.625,3 m² tại phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 300076619/2021/HĐBĐ/NHCT680-BECAMEX IDC ngày 24 tháng 05 năm 2021.
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 680/2023/4864 số TK 215000324187 ngày 06 tháng 3 năm 2023 tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh Đồng Nai.
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn theo HĐ số 680/2023/4864 số TK 219000324214 ngày 06 tháng 03 năm 2023 tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh Đồng Nai.
- 06 quyền sử dụng đất thuộc dự án Phú Chánh và cầm cố khoản tiền gửi có kỳ hạn tại chính ngân hàng này (xem thuyết minh số V.2a và V.8).

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn, với lãi suất áp dụng cho từng lần giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại 64 thửa đất KDC 5F; ấp 5; thuộc các tờ bản đồ số 45,46,47,48 xã Lai Uyên (nay là thị trấn Lai Uyên), huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

(iv) Các khoản huy động vốn của các cá nhân với lãi suất theo thông báo từng thời kỳ.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm được trình bày ở Phụ lục 05 đính kèm.

23b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	1.271.494.855.122	1.972.649.811.482
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	42.044.328.491	67.244.328.491
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nguyễn Văn Trỗi ⁽ⁱⁱ⁾	893.723.730.005	1.149.073.367.149
Ngân hàng China Construction Bank Corporation - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	334.176.090.626	750.743.932.506

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai ^(iv)	637.090.000	1.589.770.000
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Bình Dương ^(v)	913.616.000	2.433.080.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(vi)	-	1.565.333.336
Trái phiếu thường dài hạn	9.059.741.711.066	8.963.051.760.366
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Dương ^(vii)	-	-
- Mệnh giá trái phiếu	-	300.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	(992.372.054)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa ^(viii)	-	-
- Mệnh giá trái phiếu	800.000.000.000	1.600.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(3.978.082.192)	(15.978.082.192)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank ^(ix)	-	-
- Mệnh giá trái phiếu	700.000.000.000	2.200.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(11.865.000.000)	(36.534.863.015)
Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest ^(x)	-	-
- Mệnh giá trái phiếu	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(22.273.972.602)	(32.273.972.602)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(xi)	-	-
- Mệnh giá trái phiếu	-	500.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	(4.867.579.908)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank ^(xii)	-	-
- Mệnh giá trái phiếu	2.500.000.000.000	2.500.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(33.801.369.863)	(46.301.369.863)
Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest ^(xiii)	-	-
- Mệnh giá trái phiếu	2.000.000.000.000	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	(45.068.493.150)	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa ^(xiv)	-	-
- Mệnh giá trái phiếu	406.000.000.000	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	(7.732.909.588)	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital ^(xv)	-	-
- Mệnh giá trái phiếu	800.000.000.000	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	(21.538.461.539)	-
Cộng	10.331.236.566.188	10.935.701.571.848

(i) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để:

- Thanh toán các chi phí thực hiện dự án đầu tư mở rộng Bệnh viện Đa khoa Mỹ Phước với lãi suất 9,5%/năm, thời hạn vay 12 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 22 tháng 8 năm 2014), thời gian ân hạn 02 năm. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 02 năm 2017. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, toàn bộ tài sản gắn liền với đất hình thành từ dự án và một số máy móc thiết bị y tế thuộc dự án (xem thuyết minh số V.10 và V.11).

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



BM-TC-10-24030004

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



BM-TC-10-24030004

BECAEMEX

- Thanh toán tiền đầu tư tài sản cố định gián tiếp là máy chụp cắt lớp CT 128 lát cắt theo Hợp đồng kinh tế số 09/HĐKT-T.D/2020 ngày 05 tháng 02 năm 2020 với lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 15 tháng 5 năm 2020). Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 15 tháng 8 năm 2020. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ hợp đồng này (xem thuyết minh số V.10).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nguyễn Văn Trỗi theo Hợp đồng tín dụng số NVT.DN.966.14052018/1 và Hợp đồng tín dụng số NVT.DN.966.14052018/1 ngày 15 tháng 6 năm 2018 với tổng hạn mức 1.948 tỷ VND, thời hạn 120 tháng, lãi suất được xác định theo từng lần nhận nợ để đền bù/mua đất thực hiện Khu công nghiệp Cây Trường và Khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 47 bất động sản tại Khu dân cư 5C ấp 5, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng China Construction Bank Corporation- Chi nhánh Tp.HCM và các tổ chức tài chính khác theo hợp đồng tín dụng số SYND-CCB-FACONT/2020-001 ngày 22 tháng 01 năm 2021 với số tiền 881 tỷ VND, thời hạn 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên để bổ sung nguồn vốn phục vụ Dự án đầu tư, xây dựng Tòa nhà văn phòng- thương mại- dịch vụ Becamex, Trung tâm Triển lãm WTC Thành phố mới Bình Dương, Nâng cấp mở rộng đường DT743, Đường tạo lực Mỹ Phước- Bàu Bàng. Lãi suất bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng (trả lãi cuối năm) của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam, Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam cộng biên độ 4%/năm nhưng không thấp hơn 10%/năm.
- Khoản vay này được bảo đảm bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất tổng diện tích 138.464,9 m2 tại Khu tái định cư Tân Vĩnh Hiệp, phường Phú Tân, Tp.Thủ Dầu Một, Bình Dương.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng tín dụng:
- Khoản vay để đầu tư 19 xe trộn bê tông với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 05 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10).
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Bình Dương để thực hiện dự án đầu tư nâng công suất sản xuất gạch đất sét và nâng công suất khai thác đất sét, mua quyền sử dụng đất. Khoản vay này được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất và quyền khai thác khoáng sản số 175/GP-UBND do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 07 tháng 8 năm 2017 (xem thuyết minh V9b. và V.11).
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đầu tư máy móc, thiết bị vận tải với lãi suất áp thả nổi, thời hạn vay 05 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các máy móc, thiết bị vận tải (xem thuyết minh số V.10).
- (vii) Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bình Dương.
- Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: tổng mệnh giá phát hành 1.500 tỷ VND dùng để tăng quy mô vốn hoạt động để thực hiện dự án Khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng, dự án Khu công nghiệp Cây Trường, dự án Tổ hợp Văn phòng – Thương mại - Dịch vụ Becamex; thực hiện tăng quy mô vốn hoạt động hoặc các dự án khác phù hợp với quy định của pháp luật. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 100 triệu VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 29 tháng 3 năm 2024, thanh toán gốc tại ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ tính lãi định kỳ 03 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định cho 04 kỳ tính lãi đầu tiên là 10,5%/năm, các năm sau lãi suất được tính bằng lãi suất sản phẩm tiết kiệm trung dài hạn linh hoạt VND kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Quân đội cộng biên độ 3,5%/năm.

- (viii) Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa làm đại lý đăng ký, lưu ký.

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành tối đa 2.000 tỷ VND dùng để thực hiện các phương án kinh doanh, dự án của Tổng Công ty. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 31 tháng 8 năm 2025, thanh toán gốc vào ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ tính lãi định kỳ 06 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định cho kỳ tính lãi đầu tiên là 10,5%/năm, các năm sau lãi suất được tính bằng trung bình cộng lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Bình Dương và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương cộng biên độ 4%/năm.

Tài sản đảm bảo: Các quyền sử dụng đất tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương; Khu tái định cư Tân Vĩnh Hiệp, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương và toàn bộ các quyền và lợi ích liên quan đến các quyền sử dụng đất.

- (ix) Trái phiếu thường và có bảo đảm kỳ hạn 05 năm được phát hành cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank để tăng quy mô vốn hoạt động để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Ngày phát hành: 09/11/2020
- Ngày đáo hạn: 15/11/2025
- Số lượng trái phiếu phát hành : 700.000 trái phiếu.
- Giá mua trái phiếu : 1.000.000 VND/trái phiếu.
- Kỳ trả lãi: 3 tháng/lần.
- Lãi suất: Đối với 4 kỳ tính lãi đầu tiên: 10,5%/năm; từ kỳ thứ 05 đến kỳ thứ 08: 11%/năm; từ kỳ thứ 09 trở đi, lãi suất bằng lãi suất tham chiếu của kỳ tính lãi đó cộng biên độ 5%/năm và không thấp hơn 11,5%/năm. Lãi suất tham chiếu được xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân (trả lãi sau) kỳ hạn 12 tháng bằng VND do Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (áp dụng đối với số tiền gửi lớn hơn 10 tỷ đồng) áp dụng tại ngày xác định lãi suất..
- Tài sản bảo đảm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 375724 tại Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương thuộc sở hữu của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP.

- (x) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest làm đại lý đăng ký, lưu ký và hiện đã được lưu ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 2.000.000.000 VND dùng để tái cơ cấu các khoản nợ của Tổng Công ty. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 1.000.000 VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 25 tháng 3 năm 2026, thanh toán gốc vào ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ tính lãi định kỳ 03 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định cho 04 kỳ tính lãi đầu tiên là 10%/năm, từ kỳ tính lãi thứ 05 và các kỳ tính lãi tiếp theo, lãi suất được tính bằng lãi suất tham chiếu của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Hội sở chính cộng biên độ 4,5%/năm nhưng không thấp hơn 10,5%/năm.

Tài sản đảm bảo:

- Quyền sử dụng đất đối với 29 lô/ thửa đất tọa lạc tại xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (nay là Khu dân cư 5E, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương) có tổng diện tích 230.068,5 m² theo Hợp đồng thế chấp số 105/2021/HĐTC/VPB/FM-BCM.29GCN ngày 01 tháng 4 năm 2021 và các phụ lục hợp đồng.
- Quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 129, tờ bản đồ số 78 tọa lạc phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, diện tích 71.631,00 m² theo Hợp đồng thế chấp số 105/2021/HĐTC/VPB/FM-BCM.1GCN ngày 01 tháng 4 năm 2021.



(xi) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam làm đại lý đăng ký, lưu ký.

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 1.500.000.000.000 VND dùng để tái cơ cấu các khoản nợ của Tổng Công ty. Đến ngày 13 tháng 9 năm 2021 khối lượng phát hành thành công 1.500.000.000.000 VND Trong đó:

- 5.000 trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 11 tháng 6 năm 2023, thanh toán gốc vào ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ tính lãi định kỳ 06 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định là 9%/năm;
- 500 trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 1.000.000.000 VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 18 tháng 6 năm 2024, thanh toán gốc vào ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ tính lãi định kỳ 6 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định cho kỳ tính lãi đầu tiên là 9,7%/năm, các kỳ tính lãi tiếp theo, lãi suất được tính bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 3,5%/năm nhưng không thấp hơn 9,5%/năm;
- 5.000 trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 11 tháng 6 năm 2023, thanh toán gốc vào ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ tính lãi định kỳ 06 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định là 8,2%/năm;

Tài sản đảm bảo: 03 Quyền sử dụng đất tọa lạc tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương có tổng diện tích 74.185,4 m² theo Hợp đồng thế chấp số 04/2021/83576/HĐBĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021 và các phụ lục hợp đồng.

(xii) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank làm đại lý đăng ký, lưu ký.

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: tổng mệnh giá phát hành 2.500 tỷ VND dùng để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư và tăng quy mô vốn. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 1 triệu VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 15 tháng 9 năm 2026, thanh toán gốc tại ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ tính lãi định kỳ 03 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định cho 04 kỳ tính lãi đầu tiên là 10%/năm, các kỳ tiếp theo lãi suất được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau (đối với số tiền gửi lớn hơn 10 tỷ VND) kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cộng biên độ 4,5%/năm và không thấp hơn 10,5%/năm.

Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất đối với 7 lô đất có tổng diện tích 230.068,50 m² tại xã Lai Hưng, huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương và 1 lô đất có diện tích 121.943,5 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương; các tài sản gắn liền với đất và toàn bộ các quyền và lợi ích gắn liền hoặc phát sinh liên quan đến tài sản gắn liền với đất được thế chấp nêu trên.

(xiii) Trái phiếu phát hành do Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest làm đại lý đăng ký, lưu ký và hiện đã được lưu ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: tổng mệnh giá phát hành 2.000 tỷ VND dùng để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 100 triệu VND/ trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 05/07/2028, thanh toán gốc tại ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ tính lãi định kỳ 03 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định cho 04 kỳ tính lãi đầu tiên là 12%/năm, các kỳ tính lãi tiếp theo lãi suất được tính bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân (trả lãi sau) kỳ hạn 12 tháng bằng VND do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh Tp.Hà Nội, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- Sở Giao dịch, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Sở Giao dịch và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Sở Giao dịch 1 cộng biên độ 4,5%/năm và không thấp hơn 11,5%/năm.

Tài sản đảm bảo gồm:

- 02 Quyền sử dụng đất thuộc phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- 18 Quyền sử dụng đất thuộc khu dân cư 5B, thị trấn Lai Uyên, huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.
- 08 Quyền sử dụng đất thuộc khu dân cư 5B, thị trấn Lai Uyên, huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.
- Trái phiếu phát hành do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa làm đại lý đăng ký, lưu ký.

(xiv) Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: tổng mệnh giá phát hành 406 tỷ VND dùng để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 06/10/2028, thanh toán gốc tại ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ tính lãi định kỳ 06 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định cho 02 kỳ tính lãi đầu tiên là 12,5%/năm, các kỳ tiếp theo lãi suất được tính bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam cộng biên độ 4,5%/năm nhưng không thấp hơn 11%/năm.

Tài sản đảm bảo: 01 Quyền sử dụng đất có diện tích 40.521,8 m² thuộc phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

(xv) Trái phiếu phát hành do Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital làm đại lý phát hành.

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: tổng mệnh giá phát hành 1.300 tỷ VND dùng để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 100 triệu VND/ trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 29/12/2028, thanh toán gốc tại ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ tính lãi định kỳ 03 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định cho 04 kỳ tính lãi đầu tiên là 12%/năm, các kỳ tính lãi tiếp theo lãi suất được tính bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân (trả lãi sau) kỳ hạn 12 tháng bằng VND do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh Tp.Hà Nội, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- Sở Giao dịch, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Sở Giao dịch và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Sở Giao dịch 1 cộng biên độ 4,5%/năm và không thấp hơn 10,5%/năm.

Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất đối với 3 lô đất có tổng diện tích 67.702,6 m² tại phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	1.779.420.809.924	507.925.954.802	1.271.494.855.122	-
Trái phiếu thường	11.744.095.229.422	2.684.353.518.356	9.059.741.711.066	-
Cộng	13.523.516.039.346	3.192.279.473.158	10.331.236.566.188	-
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	2.324.831.606.622	352.181.795.140	1.844.974.990.909	127.674.820.573
Trái phiếu thường	10.176.510.668.585	1.213.458.908.219	8.963.051.760.366	-
Cộng	12.501.342.275.207	1.565.640.703.359	10.808.026.751.275	127.674.820.573

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong kỳ được trình bày ở Phụ lục 05 đính kèm.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



BM-TC-10-24030004

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



BM-TC-10-24030004

23c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

24. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.089.456.220	272.873.568
Tăng do trích lập trong năm	1.490.084.058	4.089.456.220
Kết chuyển từ dự phòng phải trả dài hạn	2.895.874.804	-
Số hoàn nhập trong năm	-	(272.873.568)
Số cuối năm	8.475.415.082	4.089.456.220

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tăng do trích		Chi quỹ trong năm	Số cuối năm	
	Số đầu năm	lập từ lợi nhuận			Tăng khác
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	507.019.064.282	156.962.334.332	-	(164.594.575.570)	499.386.823.044
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	1.291.775.954	2.763.496.258	10.900.000	(2.537.711.395)	1.528.460.817
Cộng	508.310.840.236	159.725.830.590	10.900.000	(167.132.286.965)	500.915.283.861

26. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Chi tiết phát sinh của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	138.513.822.445	138.513.822.445
Số cuối năm	138.513.822.445	138.513.822.445

27. Vốn chủ sở hữu**27a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 06 đính kèm.

27b. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát được trình bày ở Phụ lục 06 đính kèm.

27c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.035.000.000	1.035.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	1.035.000.000	1.035.000.000
• Cổ phiếu phổ thông	1.035.000.000	1.035.000.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
• Cổ phiếu phổ thông	-	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.035.000.000	1.035.000.000
• Cổ phiếu phổ thông	1.035.000.000	1.035.000.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

27d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Tổng Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 06 năm 2023 như sau:

	Số được duyệt trích	Số trích năm nay
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	129.030.000.000	129.030.000.000
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	449.563.457.628	449.563.457.628
• Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	2.047.700.000	2.047.700.000
• Chia cổ tức 8% (*)	828.000.000.000	828.000.000.000
Cộng	1.408.641.157.628	1.408.641.157.628

(*) Trong đó, số tiền cổ tức của cổ đông Nhà nước là 93.731.813.118 VND phải nộp Ngân sách Nhà nước đã được trích tại Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo Biên bản của Kiểm toán Nhà nước.

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**28a. Tài sản thuế ngoài**

Tổng số tiền thuế tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	31.680.000.000	26.400.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	126.720.000.000	105.600.000.000
Trên 05 năm	331.672.000.000	303.600.000.000
Cộng	490.072.000.000	435.600.000.000

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm tiền thuê mặt bằng kinh doanh, công trình và trang thiết bị. Hợp đồng thuê theo mức đơn giá thuê có hiệu lực trong khoảng thời gian thỏa thuận và có khả năng gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng thêm theo mức giá thuê trên thị trường.

28b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	25.022,37	25.067,47

28c. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
Công TNHH Xây dựng Thương mại Thiên Nam	733.225.000	733.225.000	Khách hàng không có khả năng thanh toán
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng và Trang trí nội thất Viễn Đông	314.648.796	314.648.796	Khách hàng không có khả năng thanh toán
Công ty TNHH Tư vấn Trần Đình Cửu	75.600.000	75.600.000	Khách hàng không có khả năng thanh toán
Các đối tượng khác	1.245.072.619	1.403.608.210	Khách hàng không có khả năng thanh toán
Cộng	2.368.546.415	2.527.082.006	

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



BM-TC-10-24030004

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



BM-TC-10-24030004

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu thi công, xây dựng công trình	54.189.300.553	284.104.513.592
Doanh thu kinh doanh bất động sản, bất động sản đầu tư	6.582.191.962.891	4.739.410.014.094
Doanh thu cung cấp dịch vụ, hàng hóa	1.064.366.540.877	616.861.248.757
Doanh thu bán thành phẩm	371.876.876.403	791.123.191.398
Doanh thu hoạt động khác	101.944.812.457	150.563.960.214
Cộng	<u>8.174.569.493.181</u>	<u>6.582.062.928.055</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex		
Cho thuê mặt bằng	6.612.000.000	9.306.000.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex		
Cho thuê mặt bằng	24.430.308.000	24.430.308.000
Công ty Liên doanh TNHH SinViet		
Phí quản lý	35.037.434	34.302.005

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	155.164.261	1.044.671.943
Hàng bán bị trả lại	291.185.682.306	12.101.207.118
Giảm giá hàng bán	662.287.388	3.730.889.915
Cộng	<u>292.003.133.955</u>	<u>16.876.768.976</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn thi công, xây dựng công trình	41.974.625.570	277.146.690.604
Giá vốn kinh doanh bất động sản, bất động sản đầu tư	2.837.240.997.119	2.540.988.968.077
Giá vốn cung cấp dịch vụ, hàng hóa	595.335.724.896	239.754.413.993
Giá vốn của thành phẩm đã bán	305.813.262.056	629.661.688.029
Dự phòng bảo hành	1.490.084.058	6.985.331.024
Giá vốn hoạt động khác	61.745.680.686	101.025.598.482
Giá vốn cho thuê cơ sở vật chất	471.342.669	-
Hoàn nhập/Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(430.765.619)	(8.323.036.255)
Giá vốn hàng bán bị trả lại	(208.907.928.668)	3.669.573.358
Cộng	<u>3.634.733.022.767</u>	<u>3.790.909.227.312</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	36.431.989.528	65.683.797.706
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.216.526.544	2.497.876.771
Lãi tiền cho vay, lãi trả chậm	755.595.972	1.159.337.674
Cổ tức, lợi nhuận được chia	50.450.000.000	4.100.350.000
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	42.199.085.092	-
Các khoản doanh thu tài chính khác	18.048.931	85.248.012
Cộng	<u>131.071.246.067</u>	<u>73.526.610.163</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	876.565.551.224	843.537.548.154
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	29.566.308.162	35.789.401.183
Lãi chậm trả cổ tức	188.554.438	-
Các khoản chi phí tài chính khác	48.230.300	194.442.752
Cộng	<u>906.368.644.124</u>	<u>879.521.392.089</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	252.944.741.722	199.858.074.601
Chi phí vật liệu, bao bì	8.198.707.234	14.423.328.903
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	56.221.552.434	40.050.872.756
Chi phí khấu hao tài sản cố định	63.824.856.460	64.474.212.150
Chi phí hoa hồng môi giới	-	17.517.893.636
Chi phí quảng cáo, quảng bá đầu tư	87.794.436.943	138.480.223.960
Chi phí học bổng cho sinh viên	7.955.597.677	-
Các chi phí khác	396.216.903.561	289.055.522.549
Cộng	<u>873.156.796.031</u>	<u>763.860.128.555</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	284.857.229.377	360.764.415.862
Chi phí vật liệu quản lý	3.462.230.734	5.714.126.832
Chi phí đồ dùng văn phòng	9.401.924.379	7.247.817.322
Chi phí khấu hao tài sản cố định	82.505.562.889	15.898.697.360
Thuế, phí và lệ phí	27.046.498.458	19.571.600.040
Chi phí dự phòng	9.025.811.233	(7.827.804.148)
Các chi phí khác	175.788.353.895	132.440.949.441
Cộng	<u>592.087.610.965</u>	<u>533.809.802.709</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



BM-TC-10-24030004

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



BM-TC-10-24030004

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	917.551.817	103.486.890.512
Thù lao hội đồng quản trị từ công ty con, công ty liên kết	-	100.000.000
Thu nhập từ cho thuê, bán điện, nước, internet	1.133.777.584	1.015.749.560
Lãi phạt trả chậm	4.781.010.647	449.019.090
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	8.265.016.729
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	-	272.873.568
Xử lý công nợ không phải trả	1.314.207.559	167.404.605
Thu tài trợ cho hoạt động liên quan chữa bệnh Covid-19	311.900.000	96.648.645.191
Thu nhập khác	10.237.243.082	18.515.563.247
Cộng	18.695.690.689	228.921.162.502

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt vi phạm hành chính, hợp đồng, nộp phạt thuế	4.131.160.307	2.030.587.301
Thù lao Hội đồng quản trị từ công ty con, công ty liên kết	-	100.000.000
Chi phí ủng hộ và tài trợ thiết bị phòng chống Covid	127.207.943	41.520.349.849
Phạt chậm thanh toán	15.739.599.910	39.909.213.343
Hoàn nhập tài sản đã bán năm trước	99.918.545.511	-
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	304.812.215	-
Các chi phí khác	6.682.796.873	6.711.156.358
Cộng	126.904.122.759	90.271.306.851

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	2.423.168.916.542	1.700.055.767.317
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(159.725.830.590)	(150.705.269.949)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.263.443.085.952	1.549.350.497.368
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	1.035.000.000	1.035.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.187	1.497

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	810.274.782.829	573.310.732.794
Chi phí nhân công	836.132.962.813	865.990.973.170
Chi phí khấu hao tài sản cố định	264.018.118.642	189.713.347.046
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.490.224.854.284	3.386.322.904.665
Chi phí khác	441.040.455.978	326.567.334.555
Cộng	4.841.691.174.546	5.341.905.292.230

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



BM-TC-10-24030004

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư công nợ liên quan đến mua sắm tài sản cố định như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả tiền mua tài sản cố định	123.027.446.818	118.046.133.879
Trả trước tiền mua tài sản cố định	4.356.856.520	10.862.557.760
Phải thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	21.526.007.607
Phải trả tiền nhận lại tài sản cố định đã thanh lý, nhượng bán	79.499.669.996	-

Bên cạnh đó, chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị công trình trong năm là 1.001.367.689.689 VND (số năm trước là 810.018.448.032 VND).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Tài sản cho thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	24.233.415.435	30.943.665.824
Trên 01 năm đến 05 năm	119.915.155.964	154.718.329.120
Trên 05 năm	629.854.757.862	790.958.722.820
Cộng	774.003.329.261	976.620.717.764

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



BM-TC-10-24030004

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát

	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Tổng thu nhập
Năm nay				
Ông Nguyễn Văn Hùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị	2.426.660.000	1.188.800.000	-	3.615.460.000
Ông Nguyễn Phú Thịnh – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	300.000.000	300.000.000
Ông Phạm Ngọc Thuận - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	1.836.395.000	1.041.600.000	-	2.877.995.000
Ông Nguyễn Danh Tùng - Thành viên Hội đồng quản trị	897.600.600	485.380.000	-	1.382.980.600
Ông Nguyễn Văn Hiền Phúc - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	180.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Văn Thanh Huy – Phó Tổng Giám đốc	1.239.632.600	694.400.000	-	1.934.032.600
Ông Nguyễn Hoàn Vũ – Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/6/2023)	513.285.000	294.400.000	-	807.685.000
Ông Quảng Văn Viết Cương – Phó Tổng Giám đốc	1.234.895.000	694.400.000	-	1.929.295.000
Ông Giang Quốc Dũng - Phó Tổng Giám đốc	1.232.395.000	694.400.000	-	1.926.795.000
Ông Trịnh Xuân Đức – Phó Tổng Giám đốc	1.231.395.000	694.400.000	-	1.925.795.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương – Trưởng Ban kiểm soát	866.660.000	416.080.000	-	1.282.740.000
Bà Huỳnh Thị Quế Anh – Thành viên Ban kiểm soát	366.660.000	168.600.000	-	535.260.000
Ông Huỳnh Vĩnh Thành – Thành viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 29/6/2023)	435.515.000	194.460.000	-	629.975.000
Ông Nguyễn Minh Dương – Thành viên Ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 29/6/2023)	246.560.000	154.000.000	-	400.560.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân – Kế toán trưởng	1.254.375.800	694.400.000	-	1.948.775.800
Cộng	13.782.029.000	7.415.320.000	480.000.000	21.677.349.000
Năm trước				
Ông Nguyễn Văn Hùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị	2.426.160.000	1.200.000.000	-	3.626.160.000
Ông Nguyễn Phú Thịnh – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	300.000.000	300.000.000
Ông Phạm Ngọc Thuận - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	1.831.524.000	900.000.000	-	2.731.524.000
Ông Nguyễn Danh Tùng - Thành viên Hội đồng quản trị	885.427.200	420.000.000	-	1.305.427.200
Ông Nguyễn Văn Hiền Phúc - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	180.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Văn Thanh Huy – Phó Tổng Giám đốc	1.235.815.200	600.000.000	-	1.835.815.200
Ông Nguyễn Hoàn Vũ – Phó Tổng Giám đốc	1.231.524.000	600.000.000	-	1.831.524.000
Ông Quảng Văn Viết Cương – Phó Tổng Giám đốc	1.231.524.000	600.000.000	-	1.831.524.000
Ông Giang Quốc Dũng - Phó Tổng Giám đốc	1.231.524.000	600.000.000	-	1.831.524.000
Ông Cao Văn Chóng – Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 02/6/2022)	306.540.000	100.000.000	-	406.540.000
Ông Trịnh Xuân Đức – Phó Tổng Giám đốc	1.024.482.000	400.000.000	-	1.424.482.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương – Trưởng Ban kiểm soát	866.160.000	420.000.000	-	1.286.160.000
Ông Huỳnh Vĩnh Thành – Thành viên Ban kiểm soát	761.542.000	324.530.000	-	1.086.072.000
Bà Huỳnh Thị Quế Anh – Thành viên Ban kiểm soát	276.160.000	130.000.000	-	406.160.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân – Kế toán trưởng	1.241.071.200	600.000.000	-	1.841.071.200
Cộng	14.549.453.600	6.894.530.000	480.000.000	21.923.983.600

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	Công ty liên kết
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Setia – Becamex	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Becamex Tokyu	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giải pháp Năng lượng Thông minh Việt Nam – Singapore	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Đông Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Becamex - Vsp	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật
Công ty TNHH MTV WTC Bình Dương	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật
Công ty Liên doanh TNHH SinViet	Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
Công ty TNHH Giải pháp VNTT	Công ty con của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam
Công ty Cổ phần Điện lực Becamex Bình Phước	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước
Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Định	Công ty con của Công ty Cổ phần Becamex Bình Định

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex		
Chi phí dịch vụ khác	11.423.863.206	24.221.940.463
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex		
Mua vé máy bay	600.161.585	1.332.250.995
Nhận cung cấp dịch vụ khác	11.047.770.715	4.410.758.908
Công ty TNHH MTV WTC Bình Dương		
Mua hàng hoá, dịch vụ	1.995.762.639	8.870.009.020
Công ty TNHH Giải pháp VNTT		
Phí dịch vụ, cung cấp phần mềm	2.066.600.000	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



BM-TC-10-24030004

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



BM-TC-10-24030004

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3a, V.4, V.6a, V.16a, V.17a và V.22.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Các sai sót

Trong năm, Tập đoàn thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu Báo cáo tài chính năm trước theo Biên bản kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	2.989.807.039.657	17.050.658.032	3.006.857.697.689
Phải thu ngắn hạn khác	136	2.104.495.060.230	2.385.891.090	2.106.880.951.320
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(49.213.477.200)	40.000.000	(49.173.477.200)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	1.375.081.872	(1.375.081.872)	-
Hàng tồn kho	141	20.863.695.639.447	(21.341.080.840)	20.842.354.558.607
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(2.309.989.921)	944.439.966	(1.365.549.955)
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	39.255.308.839	391.328.917	39.646.637.756
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	25.878.591.525	(22.058.909)	25.856.532.616
Tài sản cố định hữu hình	221	1.091.054.668.161	1.295.481.650	1.092.350.149.811
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	1.825.353.318.676	11.418.190.025	1.836.771.508.701
Chi phí trả trước dài hạn	261	201.072.786.925	3.968.027.631	205.040.814.556
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	222.191.638.235	1.110.503.270	223.302.141.505
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	3.902.677.816.605	(44.020.996.381)	3.858.656.820.224
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	220.020.195.552	240.902.740.931	460.922.936.483
Phải trả ngắn hạn khác	319	817.810.052.554	(712.219.698)	817.097.832.856
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	421	5.161.461.758.445	(180.303.225.892)	4.981.158.532.553
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.527.468.020.864	54.594.907.191	6.582.062.928.055
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21.089.807.804	(4.213.038.828)	16.876.768.976
Giá vốn hàng bán	11	3.770.428.628.003	20.480.599.309	3.790.909.227.312
Chi phí bán hàng	25	763.632.480.795	227.647.760	763.860.128.555
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	535.606.714.530	(1.796.911.821)	533.809.802.709
Thu nhập khác	31	222.957.017.696	5.964.144.806	228.921.162.502
Chi phí khác	32	101.520.239.194	(11.248.932.343)	90.271.306.851
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	1.894.709.217.910	57.109.687.920	1.951.818.905.830
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	180.285.756.403	48.754.547.628	229.040.304.031
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	84.194.139	(1.110.503.270)	(1.026.309.131)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	1.714.339.267.368	9.465.643.562	1.723.804.910.930
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	1.685.042.920.260	15.012.847.057	1.700.055.767.317
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	29.296.347.108	(5.547.203.495)	23.749.143.613

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



BM-TC-10-24030004

Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất				
Lợi nhuận trước thuế	01	1.894.709.217.910	57.109.687.920	1.951.818.905.830
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	189.713.347.046	(108.539.050)	189.604.807.996
Các khoản dự phòng	03	(8.939.593.501)	(984.439.966)	(9.924.033.467)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	340.676.658.908	(19.149.911.611)	321.526.747.297
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.380.669.781.447	9.922.890.815	1.390.592.672.262
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(818.530.300.308)	(42.365.510.560)	(860.895.810.868)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	10.879.832.985	(4.359.356.548)	6.520.476.437
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(212.237.684.899)	(64.821.000)	(212.302.505.899)

(*) Số liệu điều chỉnh Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối – chỉ tiêu 421 của Kiểm toán Nhà nước là (180.303.225.892) VND, trong đó được điều chỉnh cho Công ty mẹ là (174.756.022.397) VND và Lợi ích cổ đông không kiểm soát là (5.547.203.495) VND.

4. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

4a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực bán vé cầu đường;
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản và bất động sản đầu tư;
- Lĩnh vực xây dựng;
- Lĩnh vực kinh doanh thương mại;
- Lĩnh vực sản xuất;
- Các lĩnh vực khác.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục 07 đính kèm.

4b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Bình Dương, ngày 27 tháng 3 năm 2024





Nguyễn Phước Đại
 Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Nhân
 Kế toán trưởng

Phạm Ngọc Thuận
 Tổng Giám đốc



Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



BM-TC-10-24030004


	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Góp vốn trong năm	Phân lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	Các điều chỉnh Tăng (giảm) khác	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	5.164.034.802.942	406.000.000.000	747.469.973.250	-	-	6.317.504.776.192
Công ty Cổ phần Secia – Becamex	327.059.067.542	-	13.020.551.237	(47.520.000.000)	-	292.559.618.779
Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	190.723.970.565	-	37.744.597.016	(16.889.700.000)	-	211.578.867.581
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	204.429.288.650	-	16.097.520.923	(12.491.220.000)	-	208.035.589.572
Công ty TNHH Becamex Takyu	3.038.647.465.183	-	(11.147.439.759)	-	-	3.027.500.025.423
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông	236.506.111.174	-	38.119.979.046	(13.300.000.000)	-	261.326.090.219
Công ty Liên doanh TNHH Sin Viet	2.779.741.690	-	480.712.914	-	-	3.260.454.604
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW	3.893.322.674.901	-	(299.172.732.546)	-	-	3.594.149.942.356
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước	330.755.377.740	190.000.000.000	54.985.219.225	(18.000.000.000)	-	557.740.596.965
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	88.828.127.638	-	(11.989.782.274)	(3.380.000.000)	-	73.458.345.363
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	57.948.029.974	160.000.000.000	42.321.257.088	-	-	260.269.287.062
Công ty Cổ phần Giải pháp Năng lượng Thông minh Việt Nam - Singapore	40.138.807.072	67.059.720.000	(26.868.802.641)	-	-	80.329.724.431
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	1.685.137.883.114	-	196.478.799.540	(175.445.596.200)	(27.915.995.906)	1.678.255.090.548
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Đồng Sài Gòn	31.066.504.846	-	535.209.171	-	-	31.601.714.017
Cộng	15.291.377.853.031	859.059.720.000	798.075.062.189	(287.026.516.200)	(27.915.995.906)	16.633.576.123.113

Đơn vị tính: VND

Bình Dương, ngày 27 tháng 3 năm 2024



Nguyễn Thị Thanh Nhân
Kế toán trưởng



Phước Ngọc Châu
Tổng Giám đốc



Nguyễn Phước Đại
Người lập biểu



BM-TC-10-24030004



	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá	801.644.624.660	774.566.895.162	808.794.474.634	124.207.462.625	37.009.746.529	2.546.223.203.610
Số đầu năm	202.924.065	7.016.993.525	40.172.807.424	26.418.501.773	-	73.811.226.787
Mua trong năm	1.508.867.540	-	8.411.096.728	-	-	9.919.964.268
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	(43.636.364)	(2.795.510.969)	(4.586.986.454)	(36.608.000)	-	(7.462.741.787)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(1.926.311.200)	-	(1.926.311.200)
Giảm do điều chỉnh phân loại sang tài sản cố định vô hình	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	803.312.779.901	778.788.377.718	852.791.392.332	148.663.045.198	37.009.746.529	2.620.565.341.678
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	134.915.694.253	219.058.278.924	490.747.689.680	68.049.439.188	10.195.858.064	922.966.960.109
Chờ thanh lý	-	108.666.666	-	366.907.909	-	473.574.575
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	318.544.956.666	385.383.530.700	640.605.948.341	87.326.619.269	22.011.998.823	1.453.873.053.799
Khấu hao trong năm	25.707.189.876	51.783.562.775	58.333.142.467	17.853.263.348	1.372.242.899	155.049.401.365
Thanh lý, nhượng bán	(43.636.364)	(2.795.510.969)	(1.942.971.909)	(2.011.332.216)	-	(6.793.451.458)
Giảm do điều chỉnh phân loại sang tài sản cố định vô hình	-	-	-	(481.577.796)	-	(481.577.796)
Số cuối năm	344.208.510.178	434.371.582.506	696.996.118.899	102.686.972.605	23.384.241.722	1.601.647.425.910
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	483.099.667.994	389.183.364.462	168.188.526.293	36.880.843.356	14.997.747.706	1.092.350.149.811
Số cuối năm	459.104.269.723	344.416.795.212	155.795.273.433	45.976.072.593	13.625.504.807	1.018.917.915.768
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Đơn vị tính: VND



Nguyễn Phước Đại
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Nhân
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 27 tháng 3 năm 2024



Phước Ngọc Châu
Tổng Giám đốc




BM-TC-10-24030004

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	138.970.017.843	93.782.832.854	415.364.130	233.168.214.827
Mua trong năm	-	7.196.756.440	-	7.196.756.440
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	3.336.600.000	-	3.336.600.000
Tăng do điều chỉnh phân loại từ tài sản cố định hữu hình	-	1.926.311.200	-	1.926.311.200
Nhận lại tài sản đã bán	8.800.000.000	-	-	8.800.000.000
Số cuối năm	147.770.017.843	106.242.500.494	415.364.130	254.427.882.467

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Chờ thanh lý

Giá trị hao mòn

Số đầu năm

Khấu hao trong năm

Tăng do điều chỉnh phân loại từ tài sản cố định hữu hình

Nhận lại tài sản đã bán


Số cuối năm**Giá trị còn lại**

Số đầu năm

Số cuối năm*Trong đó:*

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý


 Nguyễn Phước Đại
 Người lập biểu


 Nguyễn Thị Thanh Nhàn
 Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 27 tháng 3 năm 2024



Phước Nguyễn Thuận

Tổng Giám đốc


 CHẾ
 U VÀ
 ỨNG
 SỬ



BM-TC-10-24030004

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Giảm khác(*)	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	57.695.315.115	-	14.005.385.792	(66.682.004.006)	-	5.532.003.373
Thuế thu nhập doanh nghiệp	104.418.820.247	99.334.675.110	416.345.779.321	(80.602.223.496)	(29.717.545.816)	313.979.451.260
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyên nhượng bất động sản	114.445.292	-	69.760.942	(179.605.645)	-	4.600.589
Thuế thu nhập cá nhân	11.086.079.474	1.173.907.325	53.153.217.310	(52.664.471.181)	-	11.751.807.573
Thuế nhà đất	-	1.938.284.501	22.283.077.445	(22.283.077.445)	-	1.938.284.501
Các loại thuế khác	338.972.225	-	2.392.756.167	(2.218.537.838)	-	513.190.554
Phi, lệ phí và các khoản phải nộp khác	287.269.304.130	-	705.743.294.678	(992.497.044.737)	-	515.554.071
- Trong đó: Lợi nhuận nộp ngân sách nhà nước (**)	93.731.813.118	-	696.512.026.882	(790.243.840.000)	-	-
Cộng	460.922.936.483	102.446.866.936	1.213.993.271.655	(1.217.126.964.348)	(29.717.545.816)	332.296.607.420
						6.671.776.382

(*) Thuế TNDN tạm nộp của Công ty mẹ cho hoạt động ứng trước để sang nhượng và thuế đất đã ghi nhận doanh thu trong năm và cần trừ thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp của bất động sản ghi doanh thu trong năm của Công ty Cổ phần Phát triển Đô Thị

(**) Cổ tức Công ty mẹ phải nộp về ngân sách nhà nước theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-DHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023

Bình Dương, ngày 27 tháng 3 năm 2024


 Nguyễn Phước Đại
 Người lập biểu


 Nguyễn Thị Thanh Nhàn
 Kế toán trưởng



Phước Nguyễn Thuận

Tổng Giám đốc



BM-TC-10-24030004

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Phân bổ chi phí tư vấn phát hành	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	3.242.340.991.221	6.660.030.865.673	-	-	(3.823.054.034.694)	6.079.317.822.200
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân	142.699.100.000	88.260.000.000	-	-	(117.351.000.000)	113.608.100.000
Vay dài hạn đến hạn trả	352.181.795.140	-	730.795.199.148	-	(575.051.039.486)	507.925.954.802
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	1.213.458.908.219	-	3.082.686.851.689	9.207.758.448	(1.621.000.000.000)	2.684.353.518.356
Cộng	4.950.680.794.580	6.748.290.865.673	3.813.482.050.837	9.207.758.448	(6.136.456.074.180)	9.385.295.395.358

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Phân bổ chi phí tư vấn phát hành	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	1.972.649.811.482	29.640.242.788	(730.795.199.148)	-	-	1.271.494.855.122
Trái phiếu thường	8.963.051.760.366	3.206.000.000.000	(3.082.686.851.689)	53.035.263.928	(79.658.461.539)	9.059.741.711.066
Cộng	10.935.701.571.848	3.235.640.242.788	(3.813.482.050.837)	53.035.263.928	(79.658.461.539)	10.331.236.566.188

Bình Dương, ngày 27 tháng 3 năm 2024



Nguyễn Phước Đại
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Nhân
Kế toán trưởng



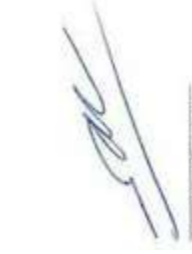
Phạm Ngọc Thuận
Tổng Giám đốc



BM-TC-10-24030004

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	10.350.000.000.000	11.944.006.419	7.777.275.814	(185.236.096.384)	1.174.006.757.878	4.724.394.698.899	1.014.725.371.342	17.097.612.013.878
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	1.700.055.767.317	23.749.143.613	1.723.804.910.930
Tăng (giảm) khoản vốn phải trả trong năm trước	-	-	-	-	-	(562.208.770.041)	10.000.000.000	10.000.000.000
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	412.241.744.704	(734.500.000.000)	(738.244.612)	(150.705.269.949)
Cổ tức đã chi trả năm nay	-	-	-	-	-	(40.288.500.000)	(40.288.500.000)	(764.788.500.000)
Điều chỉnh các giao dịch về hàng hóa tồn kho nội bộ đã thực hiện	-	-	-	-	-	38.034.115.678	-	38.034.115.678
Điều chỉnh về phần tài sản thuê hoàn lại	-	-	-	-	-	(189.768.869.454)	-	(189.768.869.454)
Điều chỉnh về phần tài sản thuê hoàn lại đã thực hiện	-	-	-	-	-	698.793.739	(62.885.667)	635.908.072
Điều chỉnh khoản lãi nội bộ từ giao dịch liên kết trả về NCI do mẹ giảm tỉ lệ sở hữu từ 30% xuống còn 24,08%	-	-	-	-	-	4.986.795.736.048	1.007.384.884.676	17.764.824.309.155
Tăng (giảm) khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	10.350.000.000.000	11.944.006.419	7.777.275.814	(185.236.096.384)	1.586.248.502.582	4.986.795.736.048	1.007.384.884.676	17.764.824.309.155
Số dư đầu năm nay	10.350.000.000.000	11.944.006.419	7.777.275.814	(185.236.096.384)	1.586.248.502.582	4.986.795.736.048	1.007.384.884.676	17.764.824.309.155
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	2.423.168.916.542	(143.081.149.333)	2.280.087.767.209
Tăng (giảm) khoản vốn phải trả trong năm nay	-	-	-	-	-	(650.951.398.440)	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	492.173.310.180	(734.268.186.882)	(947.742.330)	(159.725.820.590)
Cổ tức đã chi trả năm nay	-	-	-	-	-	-	(17.370.000.000)	(751.638.786.882)
Điều chỉnh các giao dịch về hàng hóa tồn kho nội bộ đã thực hiện	-	-	-	-	-	296.787.804.272	-	296.787.804.272
Điều chỉnh về phần tài sản thuê hoàn lại đã thực hiện	-	-	-	-	-	(59.357.560.855)	-	(59.357.560.855)
Điều chỉnh khoản lãi nội bộ từ giao dịch liên kết trả về NCI do mẹ giảm tỉ lệ sở hữu từ 30% xuống còn 24,08%	-	-	-	-	-	42.726.524.312	-	42.726.524.312
Tăng (giảm) khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	10.350.000.000.000	11.944.006.419	7.777.275.814	(185.236.096.384)	2.074.585.807.020	6.302.930.324.830	910.889.551.130	19.472.890.868.829

Bình Dương, ngày 27 tháng 3 năm 2024



Nguyễn Phước Đại
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Nhân
Kế toán trưởng



Phạm Ngọc Thuận
Tổng Giám đốc



BM-TC-10-24030004

Đơn vị tính: VNĐ

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo hình vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Năm nay	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản và bất động sản đầu tư		Lĩnh vực xây dựng		Lĩnh vực kinh doanh thương mại		Lĩnh vực sản xuất		Lĩnh vực khác		Các khoản loại trừ		Cộng
	Lĩnh vực bán về cầu đường	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản và bất động sản đầu tư	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực kinh doanh thương mại	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	-	6.278.673.863,486	100.739.675,023	295.785.905,153	376.960.626,869	933.627.055,387	(665.431,819)	7.985.121.692,099					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	(80.630.360,978)	(1.293.830,088)	(3.798.867,836)	(4.841.419,337)	(11.990.854,634)	-	(102.555.332,873)					
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	6.198.043.502,508	99.445.842,935	291.987.037,317	372.119.207,532	921.636.200,753	(665.431,819)	7.882.566.359,226					
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	-	2.583.697.564,519	20.529.964,543	14.111.303,255	(27.065.179,324)	216.469.405,294	(228.747,900)	2.807.514.310,297					
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	(24.925.380,834)					
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	2.782.588.929,463					
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	-	131.071.246,067					
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-	(906.368.644,124)					
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-	-	-	798.075.062,189					
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	-	18.695.690,689					
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	-	(126.904.122,759)					
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	-	-	(416.345.779,321)					
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-	(724.614,995)					
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	2.280.087.767,209					
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	58.964.572,357	892.500,000	-	3.450.240,910	-	-	63.307.313,267					
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	73.448.624,465	3.305.272,700	-	8.898.968,855	11.240.331,408	-	96.893.197,428					
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	6.712.457,456	-	-	-	-	6.712.457,456					

Y-T
A 8
ĐNK
NHỆP
DÀN
449



BM-TC-10-24030004

Năm trước	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản và bất động sản đầu tư		Lĩnh vực xây dựng		Lĩnh vực kinh doanh thương mại		Lĩnh vực sản xuất		Lĩnh vực khác		Các khoản loại trừ		Cộng
	Lĩnh vực bán về cầu đường	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản và bất động sản đầu tư	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực kinh doanh thương mại	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	-	4.675.286.614,496	217.512.961,077	389.592.767,997	569.188.652,686	937.737.574,749	-	6.789.318.571,005					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	(154.342.921,811)	(7.180.647,672)	(12.861.433,124)	(18.790.343,130)	(30.957.066,189)	-	(224.132.411,926)					
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	4.520.943.692,685	210.332.313,405	376.731.334,872	550.398.309,556	906.780.508,560	-	6.565.186.159,079					
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	-	1.196.639.992,948	32.147.433,109	(2.924.238,547)	60.812.796,032	214.068.548,680	-	1.500.744.532,222					
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	(24.137.531,719)					
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	1.476.607.000,503					
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	-	73.526.610,163					
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-	(879.521.392,089)					
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-	-	-	1.142.556,831,602					
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	-	228.921.162,502					
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	-	(90.271.306,851)					
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	-	-	(229.040.304,031)					
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-	1.026.309,131					
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	1.723.804.910,930					
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	111.008.692,767	1.172.500,000	-	40.226.633,397	1.638.667,362	-	159.752.112,300					
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	122.672.975,399	4.281.631,679	-	25.482.469,828	17.026.432,859	-	169.463.509,665					
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	(8.744.146,244)	7.334.515,497	(4.651.995,238)	-	-	(11.169.108,523)					

Y-T
A 8
ĐNK
NHỆP
DÀN
449



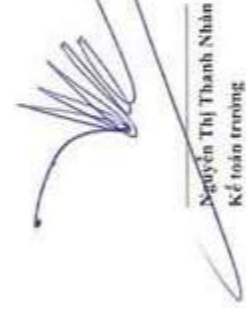
BM-TC-10-24030004

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản và bất động sản đầu tư		Lĩnh vực xây dựng		Lĩnh vực thương mại		Lĩnh vực sản xuất		Lĩnh vực khác		Các khoản loại trừ		Cộng
	Lĩnh vực bán vé cầu đường	Lĩnh vực hân động sản và bất động sản đầu tư	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ						
Số cuối năm													
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	24.298.558.769.656	191.430.732.336	234.085.090.439	255.727.586.488	30.011.166.600	-	25.009.812.945.519					
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	7.175.571.451.580	(13.624.164.749)	121.202.527.218	(50.980.646.752)	828.869.854.004	-	8.061.039.021.302					
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận								20.353.049.970.436					
Tổng tài sản								53.423.901.937.257					
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận								3.741.498.052.548					
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	2.631.196.135.610	320.781.509.663	135.533.216.551	312.126.319.698	341.860.871.027	-	28.710.181.564.078					
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	26.892.688.011.481	(9.338.487.270)	51.277.961.149	(34.943.949.189)	1.810.498.027.908	-	1.499.331.451.802					
Tổng nợ phải trả								33.951.071.068.428					
Số đầu năm								23.536.680.795.391					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	23.303.275.146.077	104.668.859.543	207.672.618.886	170.892.598.624	(249.828.427.741)	-	4.725.471.233.167					
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	4.218.918.139.137	(28.256.410.948)	124.563.031.309	(73.941.471.798)	484.187.945.466	-	20.043.289.481.845					
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận								48.365.441.510.403					
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận								6.375.223.708.570					
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	5.349.353.768.200	246.340.028.974	172.632.989.050	333.670.736.433	273.226.185.912	-	22.586.044.115.821					
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	21.547.165.638.521	(19.300.015.224)	25.934.253.903	(62.493.223.291)	1.095.637.461.911	-	1.578.449.376.858					
Tổng nợ phải trả								38.540.617.201.248					


Nguyễn Phước Đại
Người lập biểu


Nguyễn Thị Thanh Nhân
Kế toán trưởng

Bình Dương ngày 27 tháng 3 năm 2024



BM-TC-10-24030004

BECOMEX

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP

- Địa chỉ** : Tầng 9, Tòa nhà WTC Tower, số 1 đường Hùng Vương, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Website** : www.becamex.com.vn
- Email** : info.becamex@gmail.com
- Số điện thoại** : 02743822655



BM-65-01-24040010